

Nguyên - lu' - Quang

CHÍNH TRỊ CỔ NHÂN



Nhà xuất bản
THỌ-XUÂN

Sa-Đéc
Saturday, May 14, 2016

1958

Sắp ra :

PHƯƠNG PHÁP CHIA ĐỘNG TỪ

*Của Nguyễn-văn-Đạt — Giáo-
sư Trường Trung học Nguyễn
đình Chiểu — Định Tường*

- ★ *Một quyển sách lối căn cho giới học sinh.*
- ★ *Một quyển tự vị gồm có 8.000 động-từ thường dùng.*
- ★ *Một phương pháp chỉ dẫn thật rành mạch và dễ hiểu.*

*Giấy phép số 2189-XB ngày 19-12-57
của Nha Thông Tin Nam Phần*

NGUYỄN-TỬ-QUANG

CHÍNH-TRỊ CỔ - NHÂN

*(Bình luận những thể dụng
nước của các chính khách
thời xưa ở phương Đông)*

Đôi lời tâm sự

Tiền nhân đã để lại cho chúng ta biết bao kinh nghiệm quý báu : chính trị, quân sự v.v...

Những việc làm của tiền nhân dù hay hay dở cũng đều đem lại cho hậu sinh những bài học giá trị. Bên cạnh cái thế đứng nước, chính-trị, già dặn của Quản Trọng, Kiến Thúc, Lưu Bị, Gia Cát-Lượng, của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm v.v... có những thủ đoạn bịp bợm, chính trị giả trá của Tào Tháo, tàn bạo của Thương Ưởng, Câu Tiễn, có những chính sách ngô-nghe của Tống Tương công, Vệ Ý công, có những chủ-trương sai lầm, hẹp hòi, chủ-quan của Ngũ Viên, Từ Thúc, Phụng Sồ v.v... đều xây dựng ít hay nhiều cho hậu thế một hệ-thống tư-tưởng.

Biên soạn những việc làm của tiền nhân, những chính khách, cừ khôi ở Đông phương có kèm theo lời bình, chúng tôi có ý muốn cùng bạn đọc yêu quý suy ngẫm, nhận xét, nghiên cứu, học tập những con người ấy để đúc thành một kinh-nghiệm chung, một hệ-thống tư-tưởng chung.

Bình luận chuyện người xưa là một điều rất

khó khăn. Lấy tâm mắt, trí óc của người nay để nhận xét, phê-bình việc làm ở một thời-đại xa xưa của người sống bao ngàn năm trước, làm sao tránh khỏi được sự sai lầm.

Mỗi thời đại có một tính-chất lịch-sử đặc-biệt của nó. Một bối cảnh lịch-sử tất có những sự kiện lịch-sử dính liền theo đó, cho nên lấy tâm mắt người nay nhìn người xưa, nhắc chuyện người xưa để suy ngẫm chuyện người nay, tránh sao được sự lệch-lạc.

Tuy vậy, nhiệm-vụ của kẻ hậu sinh là buộc phải làm, phải tích-cực bới móc, tìm kiếm . . . pho tài-liệu lịch-sử mà các bậc tiền nhân đã dày công, đổ máu, phơi xương tó đẫm. Đó là những viên ngọc vô giá đã bị vùi dưới lớp tro bụi của thời gian mà chúng ta có bổn phận đào xới để giữ lấy.

Đó là di tích, là hương hoả cho chúng ta,

Chúng ta không đòi hỏi một cái cầu toàn. Nhìn người xưa, dù được một góc cạnh nào đó cũng là điều bổ ích lắm rồi.

*
* * *

Cũng như trên đã nói : bình luận chuyện người xưa là một điều khó. Bởi thế, sự nhận xét của soạn giả ghi vào phần bình luận của mỗi câu chuyện trong quyển sách này không tránh được ý thức chủ quan, thiên-cận, vụng-về . . . thì dù ý kiến có đúng hay sai thế nào nhưng với thiện chí, với lòng chân thành đối với một vấn-đề to lớn

trong tư-tưởng giới bạn đọc lẽ nào không rộng lượng tha thứ mà vui vẻ chỉ dạy đề quyền sách được hoàn hảo hay sao ?

Quyền phê bình, nhận xét là quyền chung của tất cả mọi người. Có được sự nhận xét, phê bình chung của mọi người thì vấn-đề mới được sáng tỏ, sự học hỏi mới tiến bộ, trí thức mới mở mang.

Kẻ biên soạn quyền sách này thành khăn đón tiếp lời châu ngọc của bạn đọc.

Đôi lời tâm sự đã xong, vậy xin mời các bạn !

Mùa tháng Tám năm 1957

Soạn giả

NGUYỄN TỬ QUANG

Sa-Đéc

Saturday, May 14, 2016

CHÍNH TRỊ CỎ NHÂN

CHUỘT Ở NỀN XÃ

Tề cảnh công (1) hỏi Yến tử : (2)

— Trị nước phải ngăn ngừa gì ?

Yến tử thưa :

— Lo con chuột ở nền xã. (3)

— Thế là nghĩa lắm sao ?

Yến tử thưa :

— Nền xã ken bằng gỗ sơn vẽ, chuột nhón thẽ mà làm ổ ở trong. Un thì sợ cháy gỗ, đổ nước vào thì sợ lở sơn, cho nên chuột ấy không thể chết được là vì nền xã vậy. Nước ta cũng có chuột nền xã, ấy là kẻ tả hữu của bậc cầm quyền. Trong thì che đậy hết những điều hay dở không cho người trên biết; ngoài thì bán quyền thế cho trăm họ.

(1) Tề cảnh công tức công tử Chử Cữu, con của Tề Linh công đời Chiến quốc. Sau khi Tề Trang công bị quyền thần Thôi-Chử giết chết, thì Cảnh công được tôn làm vua.

(2) Yến tử tức Yến-Anh, tên tự Bình-Trọng, người làm một hiền thứ nhất ở nước Tề, đời Chiến quốc, có tài biện luận.

(3) Nền xã : Nền xây để lễ ông Hậu thổ.

Chẳng ai bắt tội giết đi thì họ làm loạn. Bắt tội thì người trên binh vực. Vậy thì khác gì con chuột ở nền xã.

Nước Tống (1) có người bán rượu rất sạch, nhưng rượu để chua ra mà chẳng ai mua, mới hỏi người làng vì có gì mà không bán được? Người làng trả lời: «Chó nhà dữ lắm. Người ta mang bình vào mua, chó nhà ông đón cắn, cho nên rượu nhà ông không bán được».

Nước cũng có chó dữ tức là kẻ cầm quyền. Nếu có kẻ sĩ có đạo thuật muốn giúp vua thì kẻ cầm quyền đón lấy mà cắn, thế là chó dữ của nước vậy. Kẻ tả hữu làm chuột nền xã, kẻ cầm quyền làm chó dữ nước thì tránh sao khỏi điều lo, người trên tránh sao khỏi nguy.

Tề cảnh công nghe nói rất lấy làm bằng lòng
Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Không phải kẻ cầm quyền đều toàn là chuột ở nền xã. Nhưng ở thời nào cũng vậy, trong giới cầm quyền bao giờ cũng có những phần tử bất liêm, bất chánh.

Họ rất ích-kỷ, ghét bỏ kẻ hiền tài, tranh chấp địa-vị, hãm hại người cương-trực, binh vực kẻ nịnh bợ mình.

Yếu tử cho đó là những con chuột ở nền xã. Nền xã do đó mà bị sụp đổ. Quốc gia do những phần tử thối mục đó mà suy đồi.

(1) Nước Tống một nước chư hầu thời Xuân thu sau bị nước Tề chiếm lấy ở vào huyện Thượng Khưu, tỉnh Hà nam bây giờ.

Bởi vậy, người trên đại diện cho dân-chúng cần biết rõ nhiệm-vụ của mình. Trên dưới phải nhứt trí, nhứt tâm, đặt công nghĩa trên tư lợi, lấy đức mà thu phục lòng người, nạp dụng hiền tài, nhân sĩ. Như vậy, có lo gì không có hiền tài trổ mặt, nhân sĩ tụ về. Mà một khi có lắm hiền tài nhiều nhân sĩ hết lòng vì nước thì nước há lẽ không trị bình, dân há chẳng yên vui. !

Bảo giờ người trên thành thật trọng công nghĩa hơn tư lợi tức là non nước đến vận thái bình. Mỗi lo ngại nhứt của người cầm vận nước là lo sợ kẻ tả hữu trên dưới chẳng một lòng, không biết đặt công nghĩa trên tư lợi, khiến nên nổi bật đường tiến thân của bậc hiền sĩ.

Người cầm vận mạng quốc gia có sáng suốt và cương quyết thanh trừng chuột ở nền xã thì vận nước mới hưng thịnh, địa vị mới vững vàng.

Một quốc gia mà có nhiều « chuột ở nền xã » chẳng là một điều đáng lo ngại cho quốc vận lắm ru !

* * *

MUỐN CHỈNH ĐỐN GIỀNG MỖI CỦA NƯỚC

Tề Hoàn công (1) hỏi Quản Trọng (2)

Nước-Tề (3) ta vốn là một nước lớn, tiên quân là Hi-công đối địch được với các nước chư hầu (4) cũng gọi là cường thịnh ; đến đời Tương công, chính linh, (5) bất thường đến nỗi gây ra tai biến. Ta đây mới lên nối ngôi, lòng dân chưa định, thế nước chưa yên, nay muốn chỉnh đốn lại cho nên được giềng mối thì phải làm điều gì trước ?

Quản-Trọng thưa :

— Lễ, nghĩa, liêm, sĩ, là bốn điều cốt yếu ở trong nước, nếu bốn điều ấy không giữ được thì tất phải mất nước. Nay chúa công muốn chỉnh đốn lại giềng mối thì nên giữ bốn điều ấy mà trị dân.

Tề Hoàn công lại hỏi :

— Làm thế nào mà trị được dân ?

— Muốn trị dân, trước nhất phải yêu dân.

— Yêu dân thì phải làm thế nào ?

— Yêu dân thì phải dạy dân lấy đạo thân ái,

(1) Tề Hoàn công tức công tử Tiểu Bạch, con thứ của Tề Tương công. Sau Tề Tương công say mê sắc dục bị giết chết, Tiểu Bạch tranh nhau với công tử Cử, con trưởng được lên làm vua.

(2) Quản Trọng tên Di-Ngô, người có tài trị nước, trước phò công tử Cử, sau sang phò công tử Tiểu Bạch, làm bạn thân với Bảo Thúc Nha.

(3) Nước Tề : là một nước chư hầu lớn đời Xuân thu Chiến quốc ở vào địa phận tỉnh Sơn đông bây giờ.

(4) Chư hầu : những quý tộc do nhà vua phân, phong cho để cai trị một miền đất, có năm bậc : công, hầu, bá, tử, nam. Thứ bậc đời Chiến quốc.

(5) Chính linh : Mạng lệnh về việc cai trị.

nghĩ cách giúp đỡ, giảm bớt thuế má, khiến cho dân được đông người nhiều của. Đó là cái đạo yêu dân ?

Tề Hoàn công lại hỏi :

— Làm thế nào dân được yên ?

— Muốn cho dân yên thì sĩ, nông, công thương gọi là bốn dân, nên nghĩ cách mở-mang, làm cho họ đều giữ được nghề nghiệp

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Con người mà thiếu lễ, nghĩa, liêm, sĩ thì còn hơn là một con vật, vì vật đã mang một hình dáng như thế rồi, không còn ai trách cứ nữa. Chỉ có loài người, thiếu tính chất của loài người mới là điều đáng trách.

Một quốc gia mà toàn thể quan dân thiếu lễ độ, không kính người trên, không yêu kẻ dưới, ích-kỷ hại người, chuyên vụ tư lợi, đục khoét của công thì sớm muộn gì cũng dẫn đến họa diệt vong.

Muốn trị được dân mà không chút yêu thương dân không dạy dân những đạo đức, không phục vụ dân, trái lại chỉ chuyên việc sát phạt, khủng-bố tàn nhẫn có khác nào vua Kiệt nhà Hạ (1) vua Trụ nhà Thương (2), vua Ngọa Triều nhà Tiền

(1) Nhà Hạ do vua Vũ sáng nghiệp truyền đến vua Kiệt. Kiệt lạm dụng quyền uy bóc lột nhân dân, bắt dân lực dịch nặng nề, dân chịu không được nổi loạn (2.095 - 1784 trước Tây kỷ nguyên).

(2) Nhà Thương: vua Thành Thang hiệu triệu các chư hầu lật đổ vua Kiệt lên làm vua truyền đến vua Trụ. Vua Trụ tàn ác đắm mê Đắc-Kỷ đặt thuế khóa nặng-nề, dùng hình phạt thêm khốc dân gian thân oán. Tám trăm chư hầu đem binh đến diệt (1783 - 1135).

Lê (1), vua Nê-rong (Néron) (2) thời cổ La mã thì làm sao dân được bình trị.

Yêu dân phải cải thiện đời sống cho dân bằng việc làm cụ thể.

Nếu công nghiệp được khuếch-xung, mọi ngành hoạt-động kinh tế đều được phát triển, cổ nhiên dân có nghề-nghiệp làm ăn, thân được no ấm, chẳng những tránh được nạn trộm cướp loạn lạc, mà dân còn miễn đức nhà cầm quyền, càng nỗ lực tăng gia sản xuất làm nước được giàu.

Dân có giàu, nước mới mạnh.

Làm lợi cho dân chẳng những nước được bình trị mà kẻ cầm quyền còn được tăng thêm uy-tín, tiếng tốt ngàn đời.

Làm chính-trị mà không làm ích nước lợi dân tức là không phải làm chính-trị. Đó là chính-trị giả dối, chính-trị đều cơ.

Cái nguy hại lớn nhất cho nhà cầm vận mạng đất nước là chuyên về sát phạt, đút khoét nhân dân, tưởng rằng chính sách ấy sẽ làm cho nước mạnh, địa vị cá nhân được vững vàng, nhưng đó chỉ chác lầy sự căm hờn của dân chúng để cho nước suy đồi, địa vị tan vỡ thể thôi.

Không yêu dân tất dân không bao giờ yêu lại. Có dân nào yêu quý những vua Kiệt, vua Trụ... bao giờ.

*
* *

(1) Vua Ngọa Triều: đời Tồn Lê tên Long Đĩnh giết anh đoạt lấy ngôi vua, bắt tù phạm quân rơm tằm dằm rồi đốt sống, làm nhiều điều bạo ngược, hoạn dân vô độ mức bình ngôi không được phải nằm mà thị triều (1007 - 1009).

(2) Néron : Hoàng đế La mã (54 - 68) rất tàn bạo, giết em, giết mẹ, giết vợ, giết thầy học. Nê-rong chủ trương dốt thành cũ để cất lại cho đẹp hơn.

UY VÀ ĐỨC

Tề Hoàn Công (1) kéo binh tới địa giới nước Tống (2), cùng với các nước chư hầu bàn việc tiến đánh. Quan đại phu là Ninh Thích (3) thưa với Tề Hoàn công :

— Chúa công phụng mạng thiên tử để hiệu lệnh các nước chư hầu, khiến cho người ta sợ uy, không bằng khiến cho người ta mến đức, cứ như ý tôi thì nên tiến đánh vội. Tôi dẫu hèn mạt dám xin đem ba tấc lưỡi mà bảo được vua nước Tống phải giảng hòa,

Tề Hoàn công bằng lòng. Ninh Thích ngồi chiếc xe nhỏ sang Tống. Quan đại phu nước Tống là Đái Thúc-Bì nói với Tống Hoàn công (4) :

— Ninh Thích người có tài ứng đối, bây giờ đến đây có lẽ để du-thuyết gì đây. Vậy chúa công gọi vào, chớ nên trọng đãi, hãy xem ý tứ, nếu hắn nói không hợp lẽ, bây giờ tôi xin nhắc cái giải áo làm hiệu thì võ sĩ đến bắt hắn giam lại.

Tống Hoàn công khen phải, truyền cho võ sĩ phục cả chung quanh rồi gọi Ninh Thích vào. Ninh-Thích mũ cao áo rộng, ngang nhiên mà vào. Trông thấy Tống Hoàn công, Ninh-Thích chắp tay xá một xá. Tống Hoàn công vẫn ngliễm nhiên, không đáp lại. Ninh-Thích thở dài, than :

(1 - 2) Đã có chú thích ở bài « Chuột ở nền Xã »

(3) Ninh Thích : người ở nước Vệ đời Chiến quốc, lúc vận chưa đạt chẵn trâu ở đất Dao sơn. Người có tài nên được Tề Hoàn công tin dùng.

(4) Tống Hoàn công tức công tử Ngự Thuyết. Khi Tống Mẫn công bị Nam Cung Trường Ván giết chết, em họ của Mẫn công là công tử Du lên ngôi, sau bị các công tử giết. Ngự Thuyết được suy tôn.

— Ngụy thay cho nước Tống !

Tống Hoàn công ngạc nhiên hỏi :

— Tại đây làm vua một nước, phẩm tước hơn cả các nước chư hầu, có việc gì mà ngụy.

Ninh-Thích thưa :

— Hiền hầu tự nghĩ xem so với Châu công (1) ngày xưa thì ai hiền hơn ?

— Châu công là bậc thánh nhân, có đâu ta lại dám so sánh.

Ninh-Thích nói :

— Châu công ngày xưa giữa lúc thiên hạ thái bình mà còn phải hết lòng đề cầu lấy người hiền sĩ. Trong bữa ăn có người vào thì người vội nhả miếng cơm để ra tiếp đón. Trong lúc gọi đầu, có người hiền đến thì người vội vẩy nắm tóc để ra chào mời. Nay hiền hầu là dòng dõi một nước đã mất rồi (2), lại gặp phải thời buổi cạnh tranh, dần có bắt chước như Châu công hết lòng cầu kẻ hiền sĩ, còn sợ kẻ hiền sĩ không chịu đến hưởng chi lại còn kiêu-ngạo tự đắc thì những lời nói trung trực bao giờ được đến trước mặt hiền hầu. Như thế còn gì mà không nguy.

Tống Hoàn công ngăn người ra, vội vàng xích lại gần Ninh-Thích, bảo :

— Ta mới lên nối ngôi, chưa được nghe những lời dạy của những bậc quân tử, xin tiên sinh tha lỗi cho.

Chiến Quốc sách

(1) Châu công : Tức Châu Công Phát, em của vua Vô vương Cơ-Phát, là một nhà chính-trị hiền đức đời nhà Châu, cùng với anh trị nước.

(2) Tống là con cháu sau nhà An bị nhà Châu chiếm mất rồi phong cho ở nước Tống.

LỜI BÌNH

Trong công cuộc tranh bá đồ vương, « mạnh được yếu thua », không phải không cần uy. Nếu không có uy thì làm sao chế ngự (1) được các chư-hầu giữ vững được nước. Có thực lực thì lời nói mới được mạnh, ngoại giao mới thắng lợi. Dùng uy lực bằng quân sự để làm áp lực cho ngoại giao, đời nào lại chẳng thế.

Tuy vậy, uy không chưa đủ. Ai có uy bằng vua Hạng (2) nhưng cơ nghiệp của vua Hạng có được mấy năm ? Bởi vậy, cái yếu tố quyết định được việc bình trị thiên hạ theo Ninh-Thích, không phải bằng ở uy mà bằng ở đức.

Có đức mới tạo cho mình một uy lực khi đức ấy được thâm nhập vào nhân dân, hàng phục được kẻ thù. Uy do ở đức tạo ra thì uy mới chính, mới vững bền ; trái lại nếu uy mà không xây dựng trên nền tảng đạo-dec thì uy ấy dễ tan vỡ.

Người hiền sĩ bao giờ cũng là người hữu dụng của nước. Người cầm vận mạng nước muốn giữ vững địa vị mình, địa vị nước, không bao giờ dám khinh bạc một ai, lựa là những bậc quân tử hiền nhân.

Lấy đức đối xử với mọi người tạo thành một uy lực, hết lòng cầu kẻ hiền sĩ đó là hành-vi của một kẻ thật tâm muốn dựng nước ; muốn bình trị thiên hạ.

(1) Chế trị bắt buộc người ta phải theo.

(2) Vua Hạng : tức Sở Hạng Vô, người đời nhà Tần có sức mạnh và hùng bao nhất, cùng với Lưu Bang nổi lên dẹp được nhà Tần gây thành cuộc Hán Sở tương tranh, Sau bị nhà Hán đánh bại tự tử tại Ô giang.

NHỮNG QUAN HẠC

Ý công nước Vệ (1) lên ngôi đã chín năm nhưng tính rất lười biếng, chẳng thiết gì đến chính sự (2), lại chỉ thích chơi một giống chim là hạc.

Chim hạc hình dáng xinh đẹp, tiếng kêu đã hay, nháy múa cũng khéo. Vì nhà vua thích chơi như thế nên người nước Vệ thường đem hạc đến tiến; mà ai tiến hạc đều được trọng thưởng. Thành thử trong cung nuôi đầy những hạc, kể hàng mấy trăm con.

Ý công lại thưởng phẩm hàm (3) và cấp lương bổng cho hạc. Con nào đẹp thì được ăn lộc quan đại-phu. Mỗi khi nhà vua đi chơi đâu thì có mấy cái xe lớn để cho chim hạc đứng dãn ở trước mặt, gọi là Hạc tướng quân. Những người nuôi hạc cũng đều được hậu lương. Triều đình phải thu thuế của dân thật nặng để được đủ tiền cấp lương cho hạc.

Bắc Địch là một nước cường thịnh. Vua Bắc Địch tên Sưu-Mãn đem binh sang đánh nước Vệ. Ý công đương sai người xe hạc đi chơi được tin lấy làm kinh sợ, tức khắc hạ lệnh động viên. Dân nước Vệ bỏ trốn cả, không ai chịu ra lính.

Nhà vua liền sai quân đi bắt được hơn trăm người, đem về tra hỏi: tại sao dám trốn lính? Dân thưa:

(1) Tên một nước thời Xuân thu ở vào vùng tỉnh Trưc lệ và Hà nam bây giờ.

(2) Công việc chính-trị

(3) Thù bậc của công chức.

— Chúa công dùng một giống vật cũng đánh nổi được quân Bắc Địch, cần gì phải dùng đến lũ chúng tôi.

Nhà vua hỏi :

— Vật gì mà đánh nổi quân giặc ?

— Chim hạc.

— Chim hạc thì đánh giặc thế nào được ?

— Chim hạc không đánh được giặc quả là vật vô dụng, vậy mà chúa công đã nuôi những vật vô dụng, bỏ những người hữu dụng. Bởi thế, dân chúng không phục.

Nhà vua nói :

— Nay ta đã biết hối. Ta xin theo ý dân mà đuổi hết chim hạc đi.

Quan đại phu là Thạch Kỳ thưa :

— Xin chúa công lắng ngay. Tôi e đến bây giờ cũng đã muộn lắm rồi !

— Ý công tức khắc sai người đuổi bỏ chim hạc. Nhưng chim hạc vốn đã được nuôi lâu ngày, quen chỗ ở rồi, cứ quanh quẩn mãi, không chịu đi đâu cả. Thạch-Kỳ phải thân hành đi khắp các chợ búa, giảng dụ cho dân hiểu rõ những tình ý của nhà vua đã biết hối lỗi. Dân chúng bấy giờ mới chịu ra đi lính thì quân Bắc Địch đã kéo đến nơi.

Vệ Ý công cùng với đại tướng là Cừ-Khổng đem quân ngăn đánh. Trong khi đi đường quân sĩ đều oán nhà vua, ta-thán nhiều nổi lại làm thành bài thơ:

**Hạc được ăn lương,
dân phải cày ruộng !**

**Hạc được ngồi xe,
dân phải vác giáo !**

**Quân giặc góm ghê,
Mười phần chết chín.**

**Nay hạc đi đâu,
đề ta khờ sợ !**

Vệ Ý công nghe quân sĩ hát lấy làm buồn rầu. Quan đại tướng là Cừ Không lại hay nghiêm-khắc nên quân sĩ càng đem lòng tức giận.

Quân Vệ vốn không có lòng đánh giặc. Lại thấy quân giặc mạnh hơn nên ò nhau bỏ chạy. Vệ Ý công và Cừ Không đều bị giặc giết cả.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Hạc đẹp hạc múa hát hay, hạc được làm quan đến đại phu, ăn phẩm hàm to, có phải chẳng là cả một triều đình của một nước có toàn những quan lại chỉ chuyên ăn ngon, mặc đẹp, chơi bời giỏi, luôn luôn nịnh bợ, chiều chuộng thị hiếu của một nhà vua, phóng túng phong lưu làm đẹp được cái vỏ của triều đình.

Giữa lúc ấy, dân chúng càng phải è cổ nai lưng chịu sưu, cung thuế nặng nề để triều đình có đủ lương bổng cung cấp cho bọn quan lại điếm đàng, ăn không ngồi rồi, chăm lo trang sức.

Kẻ cầm vận mạng đất nước không trọng dụng, ưu đãi những kẻ vô dụng như thế, thì đến khi nguy biến còn ai ra gánh vác giang san, củng cố ngai vàng ? Sự bất mãn không phải chỉ riêng ở kẻ hiền tài mà ở toàn cả dân-chúng. Đến bước đường cùng, trước tai biến xảy đến, kẻ lãnh-đạo bấy giờ mới kêu gào than khóc cho sự sai lầm đại dột, ngu xuẩn của mình, thì ô hô, đã muộn màng rồi !

Dân chúng giàu lòng vị tha sẵn sàng tha thứ

sự sai lầm một thời của kẻ lãnh-đạo ngu tối như Vệ Ý công, Cừ-Không lại còn hiếp bức, quá hà-khắc thì tránh sao sự đoàn kết giữa tướng và quân khỏi bị tan vỡ.

Bị cưỡng bách, hiếp bức, lòng đã sẵn căm hờn, không muốn đánh giặc thì làm sao đánh thắng được giặc.

Bỏ người hiền tài, dùng kẻ vô dụng, đến bước khốn cùng lại không có thái-độ thương yêu quân lính, nước mất mạng vong là lẽ tất nhiên.

Kẻ cầm vận mạng đất nước có thể làm đất nước mất, chứ dân chỉ có làm cho đất nước còn mà thôi.

Nước nào mà chỉ dùng toàn những « quan hạc » chẳng là điều đáng buồn, đáng lo cho vận mạng nước lắm ru !

MUỘN ĐẦU ĐỀ TRẦN TỈNH LÒNG QUÂN

Tào-Tháo đem binh đánh Viên Thuật (1), quân đội đến 17 muôn mỗi ngày tổn phí lương thực rất nhiều. Các quân vì bị mất mùa cấp lương không đủ. Tào-Tháo hối quân công thành.

Tướng của Viên Thuật là Lý Phong đóng cửa thành không ra.

Tào-Tháo phải đóng binh tại đấy có hơn một

(1) Viên-Thuật : em của Viên Thiệu, làm Thái thú ở Nam dương đời Hậu Hán, là một chư hầu trước cùng Tào-Thao chống Đông Trác.

tháng, lương thực gần hết nên gởi thư cho Tôn Sách mượn thêm lương nhưng cũng không đủ. Bộ hạ là Vương Cấu vào bẩm với Tào-Tháo về việc thiếu lương, Tào-Tháo bảo :

Vậy phải lấy học (l) nhỏ phát cho chúng nó đăng quyền đồ mà cứu khi cấp.

Vương Cấu thưa :

— Như quân sĩ oán trách thì tình làm sao ?

— Chẳng ấy ta có chức khác.

Vương Cấu y lệnh lấy học nhỏ phân phát. Tào Tháo lên cho người thám thính các trại thì nghe quân sĩ oán trách cho là họ bị Tào Tháo khinh bỉ. Tào-Tháo hay được tin ấy, dòi Vương Cấu vào, bảo :

— Ta muốn mượn người một vật để trấn tĩnh lòng của chúng quân. Xin người chớ từ.

Vương Cấu hỏi :

— Thưa tướng muốn dùng vật gì ?

— Ta muốn mượn cái thủ cấp của người.

Vương Cấu cả kinh, thưa :

— Tôi là người vô tội.

Tào-Tháo bảo :

— Nếu chẳng giết người thì lòng dân sinh biến, Nếu người thác rồi ta sẽ nuôi vợ con người đến mãn đời. Xin người đừng lo.

Vương Cấu vừa muốn nói nữa, thì Tào-Tháo đã khiến quân đao phủ dẫn ra ngoài cửa mà xử tử. Tào-Tháo lại truyền bêu đầu Vương Cấu lên và truyền rao rằng :

« Vương Cấu lấy học nhỏ phát lương, gian trộm của quan nên theo quan pháp mà trừng trị ».

Từ ấy lòng quân mới hết oán. Và ngay

(1) Một thứ dùng đo lường ngày xưa độ 130 lít.

hôm sau, Tào-Tháo truyền lệnh cho các tướng phá thành. Nếu trong ba ngày mà phá không được thành thì Tào-Tháo sẽ xử tử hết.

Thế rồi Tào-Tháo bản thân đến bên thành, đốc quân khiến đất lăn đá lấp hào dựng treo lên thành. Quân ở trên thành bắn xuống như mưa. Có hai tên tướng của Tào-Tháo sợ chết muốn trở ra. Tào-Tháo hươi gươm chém chết tại chỗ, rồi bản thân bưng đất lấp hào.

Quân sĩ thấy thế đều đua nhau tiến lên trước. Quân trên thành ngăn trở không lại. Quân của Tào-Tháo nhảy lên thành, chặt khóa phá cửa cho cả đội đều xông vào.

Kết quả Tào-Tháo chiếm được thành.

Tam quốc chí

LỜI BÌNH

Với việc làm, trên ta thấy Tào-Tháo hoàn toàn bị động chỉ có tính cách đối phó với hoàn-cảnh gay-cấn đường xảy ra, chứ không ngăn ngừa trước khi xảy ra. Đó là một khuyết điểm của cấp chỉ-huy.

Tại sao thấy thiếu hụt lương lại không mở cuộc đại tấn công sớm chiếm thành, để giải-quyết nạn đói cho quân lính?

Đã biết bớt lương thế nào cũng có sự phản ứng của quân lính (bằng có là cho người thám thình) vậy mà Tào-Tháo lại thực hành bằng cách bảo người bớt lương làm gì?

Bằng sự nhận xét với tư-tưởng ngày nay, ta có thể đặt ngược vấn-đề của câu chuyện: bớt lương là một điều phải có không thể tránh được

một khi lương đã bị kiệt-quệ, nhưng tại sao Tào-Tháo không dùng lời nổi để động viên tình cảm của binh sĩ ; cũng như khi việc đã lỡ vỡ ra, Tào-Tháo lại không có can-đảm đứng trước ba quân nhìn nhận lấy việc làm của mình ? Biết đâu lời nói tha-thiết và hành-vi chân thành của Tào-Tháo sẽ trấn tĩnh được lòng quân !

Nhưng, xã-hội phong-kiến không bao giờ cho chỉ-huy như thế là con người như Tào-Tháo - phải « hạ-mình » như thế.

Lường gạt được thì cứ lường gạt.

Lợi dụng được thì cứ lợi dụng. Không lường gạt, lợi dụng được thì cứ giết. Cái cá tính của một chính khách « thừa tướng » ở trong một xã-hội phong kiến tạo cho Tào-Tháo một tội ác vô cùng gian hùng.

« Giết một mạng người được an trăm họ » không phải là những nhà chính-trị xưa nay không chủ-trương, thực hành... nhưng nếu con người ấy đã phạm tội nặng với nhân dân, không hoán cải được tâm hồn sau khi đã được giáo-dục đúng mức, chứ giết một con người vô tội để thực hiện một thủ đoạn chính-trị gian trá thì quả thực là một hành vi tàn bạo, phát-xít.

Hỡi ôi ! Chủ-trương sai lầm để gây tang tóc cho nhân-dân tuy biết rằng khó tránh được nhưng lịch-sử vẫn còn ghi chép tội lỗi, không tha-thứ. Huống chi một chính-trị gian trá đã làm kẻ dưới tay trung tín chết oan, mờ ám mắt người, thế không đáng trách, đáng hờn hay sao ?

LUẬN ANH HÙNG

Lưu-Bị thất thế sang sống nhờ bên Tào-Tháo. Tào-Tháo lòng quyền muốn soạn đoạt ngôi vua Hán. Tuy ở bên Tào-Tháo nhưng Lưu-Bị vẫn phòng lo Tào-Tháo mưu hại. Hằng ngày, Lưu-Bị ra sau vườn trồng rau, thân lo tưới cây. Quan Công (1) và Trương Phi (2) thấy hỏi :

— Sao anh không lưu tâm về việc thiên hạ, đại sự tại học làm những việc của tiểu nhân là ý chi vậy ?

Lưu-Bị đáp :

— Ấy chẳng phải là chỗ hai em biết được.

Một hôm Tào-Tháo cho mời Lưu-Bị đến phủ. Tào-Tháo cười bảo Lưu-Bị :

— Ông ở nhà đã làm nên việc lớn dữ à ?

Lưu-Bị nghe nói thất kinh.

Tào-Tháo mời Lưu-Bị uống rượu cho vui.

Rượu vừa nửa chừng bỗng đâu trên trời mây kéo đen ngịt, dông mưa ào tới. Quân lính kêu lên có rồng lấy nước. Tào-Tháo và Lưu-Bị ra xem, Tháo mới hỏi Bị :

— Sứ quân biết rồng biến hóa thế nào chẳng ?

— Chưa biết cho rõ lắm.

Tào-Tháo nói :

(1) Quan Công: tên chữ là Vân-Trường kết bạn thân với Lưu-Bị. Người ở quận Hà đông, huyện Giải lương, có nghĩa khí sau bị Ngô chúa giết chết.

(2) Trương Phi: tên chữ Đức-Đức lúc đầu chuyên bán thịt heo rượu ngon, cùng với Quan Công và Lưu-Bị thế làm bạn thân tại vườn đào. Sau vì việc gấp báo thù bạn mà bị lính ám sát chết.

Tính rồng hay lớn hay nhỏ, hay thăng hay an.
 Khi lớn thì lặn này mưa sa mù Khi nhỏ thì ẩn bóng
 giấu hình. Thăng thì bay tuông nơi vũ trụ. Ẩn lặn
 thì núp dưới ba đào. Nay lúc mùa xuân, rồng
 nung theo thời mà biến hóa, cũng như người đắc
 chí mà tung hoành nơi bốn bể. Rồng là một vật
 sánh được với bậc anh hùng trên đời. Sĩ quân
 trải khắp bốn phương đã lâu, có lẽ biết được anh
 hùng trong đời này chứ ?

Lưu-Bị đáp :

— Bị là con mắt thịt lẽ đâu biết được anh hùng.

— Không biết anh hùng nhưng cũng nghe danh
 chứ ?

Lưu Bị nói :

— Đất Hoài nam có Viên Thuật, binh nhiều
 tương đủ, như vậy cũng đáng gọi là anh hùng.

Tào-Tháo cười bảo :

— Nó là xương khô trong mả, chẳng sớm thì
 muộn tôi sẽ bắt được nó ngay

— Đất Hà bắc có Viên Thiệu, bốn đời đều làm
 đến chức tam công. Trong nhà hẳn lại có nhiều
 quan lại cũ, nay chiếm đất Kỳ châu, bộ hạ rất
 đông, như thế cũng đáng gọi là anh hùng ?

— Viên Thiệu sắc tuy dữ nhưng mặt lại
 mỏng, ham mưu mà không quyết đoán, làm việc
 lớn thì tiếc thân thấy lợi nhỏ thì quên mạng, Như
 thế chẳng phải là anh hùng.

— Có một người danh gọi Bắc tuần, oai trấn chín
 châu tên là Lưu Kiên Thăng đáng gọi là anh hùng?

— Lưu Biền (1) có danh mà không có thực,
 chẳng phải là anh hùng đâu.

(1) Lưu Biền : tên cũ của Lưu Kiên Thăng đời Tam quốc

— Có một người huyết khí rất mạnh đứng đầu trong đất Giang đông tên là Tôn Bá Phụ, thật đáng là anh hùng ?

— Tôn Sách (1) mượn danh của cha thì cũng chẳng phải là anh hùng.

— À, còn Lưu Quý-Ngọc ở Ích châu cũng đáng gọi là anh hùng ?

— Lưu Chương (2) tuy dòng tôn thất nhưng thực là chó giữ nhà, cõ chi mà gọi là anh hùng.

— Vậy như bọn Trương Tú Trương Lỗ, Hàng Toại thì thế nào ?

Tào-Tháo vỗ tay cười vang lên :

— Bọn ấy là lục lục tiểu nhân có ra gì đâu mà nói đến.

Lưu-Bị hỏi :

— Vậy thì ngoài những người này, thật tôi không được biết ai cả nữa.

Tào-Tháo nói :

— Hề đứng anh hùng thì dạ có chí lớn, bụng có mưu hay có chí nuốt trời mưa đất như thế mới thật là anh hùng.

Lưu-Bị lại hỏi :

— Ai mà sánh được điều ấy ?

Tào-Tháo đưa tay chỉ Lưu-Bị rồi lại chỉ mình, nói :

— Nay đứng anh hùng trong thiên hạ duy có Sở quân với Tháo này mà thôi.

Lưu-Bị nghe nói cả kinh, đôi dũa cầm trong tay hòng rớt xuống đất. Giữa lúc ấy trời đang mưa lớn, sấm sét vang rền Lưu-Bị thủng thỉnh cúi xuống lượm dũa điềm dậm nói :

(1) Tôn Sách : tên của Tôn Bá Phụ đời Tam quốc.

(2) Lưu Chương : tên của Lưu Quý Ngạc đời Tam quốc.

— Một tiếng oai sấm mà phải đến nỗi này !
Tào-Tháo cười ;

— Đại trượng phu cũng sợ tiếng sấm nữa sao ?

— Đức thánh nhân đến nỗi nghe sấm to gió lớn còn đổi sắc, kẻ hèn này có lẽ nào lại chẳng sợ.

Đem chuyện nghe sấm che chở cho sự rút dũa đã giải được mối hoài nghi của Tào-Tháo.

Tam quốc chiến

LỜI BÌNH

Xem lời luận về anh hùng, quả thật Tào-Tháo có một nhận xét tinh-vi lắm. Kẻ tầm thường chết vì lỗ miệng bà-hoa, chết vì khoe khoang, chết vì cái vỏ ở bên ngoài. Do đó, với tính chất tầm thường chẳng những con người không làm nên được việc lớn mà còn bị hại thân một cách oan uổng. Đọc « Tam quốc chí » ai lại không thương hại cho cái chết của Nê Hoành (1), của Dương Tu.

Trái lại, người có chí khí lớn lúc vận chưa đạt vẫn chịu nếp mình, chui rúc như con tò vò, nhưng trong thâm tâm vẫn tiềm tàng một cao vọng « lấp biển vá trời », vẫn hoài-bảo cái chí vùng vẫy bốn phương với một sự nghiệp vĩ-dại.

Đó là khí tượng của một kẻ anh hùng.

Đó là tính-chất của rồng. Khi còn bé chưa đủ vẫy ví, gió chưa đến thì nằm ẩn mình dưới đáy vực sâu, khi đủ móng vuốt và gió đến rồi thì tung bay trong vũ-trụ.

Tào-Tháo là một chính-trị gia có tài, bao giờ

(1) Nê Hoành : xem một bài sau.

chịu đựng đường con rồng đó. Nó là tay đối thủ lợi hại của họ Tào trong cuộc tranh chấp bá quyền.

Đem tính-chất của rồng chuyển sang luận anh hùng trong thế cuộc, rồi quy vào một kết luận để dò xét đối phương :

« Đứng anh hùng trọng thiên hạ duy có Sứ quân với Tháo này mà thôi », Tào-Tháo quả thực là một chính khách lợi hại.

Nhưng.

Tào-Tháo chỉ là một « chính khách lợi hại » chứ không phải là anh hùng.

Tào-Tháo là con người đa nghi. Đa nghi tất đa tin. Đa tin tất dễ bị lừa.

Lưu-Bị lúc nguy ngập, chưa có một tấc đất để dựng võ phải nương náu ở Tào-Tháo. Đó chẳng khác nào ở miệng cọp đáng lo ngại cho tính mạng. Tháo đã nhận thấy ở Lưu-Bị có khí tượng anh hùng, sau này sẽ là một đối thủ lợi hại của mình. Nhưng vì sự giả dối khôn nhu nhược, tiểu nhân của Lưu-Bị đánh lừa, được cái bình đa nghi, đa tin của Tào-Tháo. Không khéo họ Lưu sẽ chết mất. Quả thật Lưu-Bị mới là người có chí khí của một kẻ anh hùng, nên bảo bạn : « Ấy chẳng phải là chỗ hai em biết được ». Vì thế, kết thúc đoạn này, trong « Tam quốc chí » có câu :

Chung vào hang cọp tạm thủ thân,
Nhưng đã rành việc nghĩa nhân,
Khéo mượn sấm vang mà yểm (1) sức,
Tuỳ cơ ứng biến rất tinh thần,

(1) Yểm : che giấu.

CÓ KẸ BÈ TÔI CHẾT CÓ KẸ BÈ TÔI SỐNG

Quản Trọng (1) và Bảo Thúc Nha (2) là đôi bạn thân.

Bấy giờ, con trưởng của Tề Tương công là thế tử Củ, có mẹ là người nước Lỗ (3) con thứ là công tử Tiều Bạch, mẹ là người nước Cử (4) đều khôn lớn. Quản Trọng mới nói với Bảo Thúc Nha :

— Người nối ngôi nước Tề ngày sau nếu không phải là Củ thì cũng Tiều Bạch. Vậy nay chúng ta, mỗi người giúp một bên rồi tiến cử lẫn nhau, nếu một bên nào lên ngôi.

Bảo Thúc Nha cho là phải nên sang phò công tử Tiều Bạch, còn Quản Trọng phò công tử Củ.

Tề Tương công vì say đắm nàng Văn Khương là em khác mẹ, hoang dâm về đạo, đảo ngược luân thường nên bị quần thần giết chết. Lúc bấy giờ, công tử Tiều Bạch và công tử Củ đương ở quê mẹ, nghe tin cha chết nên tranh về nước làm vua. Thế tử Củ được Lỗ Trang công cho mượn quân về đánh Tiều Bạch nhưng bị thất bại. Tiều Bạch lên làm vua tức là Tề Hoàn công. Bấy giờ Bảo Thúc Nha mới tiến cử Quản Trọng.

(1) Quản Trọng : đã có chủ thích ở bài « Muốn chinh đốn giềng mối của nước.

(2) Bảo Thúc Nha : người thời Chiến quốc, tính rất hiền từ.

(3) Nước Lỗ ; một nước chư hầu thời Xuân thu, ở vào từ phủ Duyện châu cho đến Bỉ tứ, tỉnh Sơn đông ngày nay.

(4) Lỗ Trang công : tức thế tử Đồng con của Lỗ Hoàn công, mẹ là Văn Khương, việc bại trận nên sợ Lỗ Hoàn công thù oán mới sai người đợi khi Lỗ Hoàn công uống rượu rồi ngồi cùng xe đưa về sử quân thì giết ngay ở trong xe.

Vua nước Lỗ trước giúp thế tử Củ bị bại binh, nay lại thấy Tiều Bạch đem binh đóng ở biên giới để báo thù thì hoảng sợ quá mới giết chết công tử Củ, đồng thời bắt cả bề tôi của Củ là Quản Trọng và Thiệu Hốt cầm tù, đưa sang Tề để xin giảng hòa.

Thiệu Hốt thấy vậy than rằng :

— Làm con nên vì cha mà chết, làm tôi nên vì vua mà chết, ấy mới là kẻ có đạo nghĩa. Vậy Hốt này xin theo thế tử Củ xuống âm cung họn là chịu cảnh gông cùm :

Nói rồi đập đầu tự vẫn. Quản Trọng thấy vậy nói :

— Đã theo vua thì nên có kẻ bề tôi chết, có kẻ bề tôi sống. Vậy ta nên sống để sang Tề khiếu oan cho thế tử Củ.

Quản Trọng liền bước vào tù xa để giải về Tề. Nhưng khi sang Tề được Tề Hoàn công phong chức tể tướng. Nước Tề từ đấy trở nên cường thịnh lấn áp tất cả các nước chư hầu.

Chiến quốc sách

Sa-Déc

Saturday, May 14, 2016

LỜI BÌNH

Quản Trọng trước không nhận được tương quan lực-lượng giữa công tử (1) Tiều Bạch và thế tử Củ để chọn lấy một mà phò là bất trí. Chia ra mỗi người chọn lấy một người mà phò để sau này

(1). Thời bấy giờ, con trưởng vua thiên tử nhà Châu được nối ngôi gọi là thái tử, các con khác gọi là hoàng tử, cháu gọi là hoàng tôn. Còn con vua chư hầu, trưởng gọi là thế tử, các con khác gọi là công tử, cháu gọi công tôn.

tiến cử cho nhau, quả thật một kẻ xu thời, lựa gió trở cờ. Phò người, người bị giết không dám chết theo, cam mình làm một kẻ tù quả thật là một kẻ bất trí, bất trung.

Quản Trọng là một chính khách đầu cơ, một chính khách xu thời.

Tình đời sẽ có người nhận xét như thế.

Nhưng suy ngẫm kỹ, sự đoán xét như thế là vội vàng, nông nổi, là hẹp hòi.

Xã hội nước Tàu về thời Xuân thu, chiến quốc là một xã-hội vô cùng loạn lạc. Nước Tề dưới thời triệu vua Tề Tương công lại rất suy đồi. Theo thể tập phong kiến, thế tử Cử là con trưởng tất sẽ được nối ngôi cha, nhưng vì tình trạng hỗn loạn trong nước, nhất là trong gia đình của Tề Tương công, lực-lượng giữa Cử và Tiểu Bạch, hai người con khác mẹ — kẻ Lỗ người Cử — thì còn làm sao phân định được. Cái « trí » của Quản-Trọng là ở chỗ biết cùng với Bảo Thúc chia nhau phò hai nơi.

Công danh là một điều mà mỗi người làm trai cần phải có « không công danh thà nát với cỏ cây » (1). Có công danh để làm vẻ vang cho đời mình, cho gia đình, nhất là người như Quản-Trọng cần phải lập công danh để có dịp đem tài năng ra phục vụ nhân dân, xây dựng đất nước. Đó là cái hy vọng chung rất thông thường của con người ở đời. Nó rất hợp với tư-tưởng của những chính khách, những kẻ sĩ chân chính.

(1) Thơ của Nguyễn Công Trứ (1778-1838) một nhà thơ danh tiếng ở Việt-Nam về thế kỷ thứ 19. Ông chẳng những là người có tài thao lược lại còn là một nhà kinh tế nữa. Thơ của ông thường khuyên người phải cố gắng làm tròn phận sự, lập nên công danh.

Quản-Trọng không theo gương của Thiệu Hốt đã cho ta thấy : con người làm việc không phải để phụng sự cho một cá nhân nào ; chết vì một cá nhân là ích-kỷ, là sai lầm mà cần phải sống để làm tròn nhiệm vụ đối với dân, với nước.

Giữa lúc nhân dân nước Tề đang đòi hỏi một trật tự, yên lành, giữa lúc nước Tề đang cần phát triển về mọi mặt để làm chủ chư hầu nên rất cần có người tài giỏi ra gánh vác trọng trách, nếu Quản-Trọng chết đi thì vì cá nhân của thế tử Cử thì nhân dân, đất nước phải mất đi một người tài con có tài. Chết như thế là mắc phải đại tội.

Cái trung với dân, với đất nước chính là quan điểm chính trị già dặn của Quản-Trọng.

CÁI LỢI VÀ CÁI HẠI CHO NGHIỆP BÀ

Tề Hoàn công phong Quản Di Ngô (1) làm tể tướng, Quản Di Ngô chối từ không chịu nhận, Tề Hoàn công nói :

— Ta muốn theo kế-sách (2) của nhà ngươi, vậy phải dùng nhà-người làm tể tướng sao nhà ngươi lại không chịu nhận ?

Quản Di Ngô thưa :

(1) Quản Di Ngô tức Quản Trọng.

(2) Kế sách : kế hoạch và sách lược : chương trình làm việc có tổ chức, một phương pháp đấu tranh cao hay thấp tùy theo tình hình chính trị của mỗi lúc.

— Không phải sức một cây gỗ mà làm nên một cái nhà lớn, không phải sức một dòng nước mà làm nên được cái bể lớn, nếu chúa công có chí như vậy thì nên dùng năm người kiệt sĩ,

Tề Hoàn công hỏi :

— Năm người kiệt sĩ là ai ?

Quản Di Ngô thưa :

— Có tài giao thiệp, biết giữ lễ phép thì tôi không bằng Thấp Bằng, xin cho Thấp Bằng làm đại tư hạnh. Có tài khai khẩn, biết cách trồng tọt thì tôi không bằng Ninh Việt, xin cho Ninh Việt làm đại tư điền. Có tài luyện tập quân sĩ, khiến cho người ta quên chết thì tôi không bằng Thành Phủ làm đại tư mã. Có tài xử đoán hình ngục, khiến cho người ta khỏi oan thì tôi không bằng Tân Tu Vô, xin phong Tân Tu Vô làm đại tu lý. Có tinh cương-trực, thấy điều trái đều nói ngay, không sợ những kẻ quyền thế thì tôi không bằng Đông Quách Nha làm đại gián quan. Chúa công muốn được cường thịnh thì tất phải dùng năm người ấy. Có năm người ấy tôi dù hèn mạt cũng xin cố sức mà vàng mạng chúa công.

Tề Hoàn công liền phong ngay chức cho năm người ấy và Quản Di Ngô lên làm tể tướng.

Tề Hoàn công lại hỏi :

— Ta có tính hay sẵn bắn lại chuộng nữ sắc. Vậy có hại gì đến nghiệp bá không ?

Quản Di Ngô thưa :

— Không hại gì cả.

— Thế thì những điều gì có hại đến nghiệp bá ?

Quản Di Ngô thưa :

— Không biết người hiền thì hại bá. Biết người hiền mà không dùng thì hại bá. Dùng mà không

chuyên (1) thì hai bá. Chuyên mà lại cho kẻ tiểu nhân lẫn vào thì hai bá.

Tề Hoàn công khen phải, từ bấy giờ chuyên dùng Quân Di Ngô, tôn lên gọi là Trọng-phu (2).

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Được phong làm tể tướng, cầm vận mạng một nước mà không đồng ý, đòi xin phong cho năm kiệt sĩ, mới chịu làm, Quảng Trọng quả thật là một người chẳng những có tính khiêm nhượng, không ích-kỷ, mà là một người rất đa trí, rất biết mình. Cá-nhân dù tài giỏi đến đâu là chỉ tài giỏi ở một phương diện nào, nên không thể tự mình làm thành được việc lớn, hướng chỉ việc nước là việc quan-trọng.

Ích-kỷ, bao biện, ỷ tài chỉ là hành-vi của những kẻ điên rồ, khổ hại cho mình còn hại cho đại cuộc.

Công cuộc kiến-thiết quốc gia là công việc của nhiều người chung lưng đấu cật lại, và sử-dụng tùy theo khả-năng của mỗi người. Dùng năm kiệt sĩ, mỗi người có một đặc tài, Quảng-Trọng thật đã biết tập-trung tất cả tài năng của con người lại thành một sức mạnh, để dùng vào công việc lớn.

Thông thường, kẻ lãnh-đạo ham săn bắn làm bê tha công việc, cũng như chuộng nữ sắc làm truy-lạc tâm hồn « sắc bất ba đào dị nịch nhân », tất cả đều tai hại. Ta đã thấy trên lịch sử đã có biết bao

(1) Chuyên : là trao.

(2) Trọng phu : tiếng suy tôn gần bậc cha.

ông vua vì đắm say sắc đẹp, ham săn bắn đề ngại vàng phải sụp đổ. Nhưng theo Quản-Trọng, hai thói tệ nguy ấy không có hại cho nghiệp bá.

Trong công cuộc xây dựng nghiệp bá cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước điều căn-bản là người lãnh-đạo phải biết người hiền tài, đón rước họ mà dùng; và khi dùng thì phải tin tưởng, dám trao công việc cho người. Như thế, người mới tận tâm phục vụ, và công việc mới thành. Nhưng nếu trao công việc cho người hiền mà lại cho kẻ tiểu nhân xen vào công việc, thì công việc dễ hỏng. Kẻ tiểu nhân bao giờ cũng đặt tư lợi trên công vụ.

Tóm lại, người nào muốn xây dựng đất nước cũng như muốn làm thành nghiệp bá phải biết trọng dụng kẻ hiền tài, phải tin tưởng, dám trao trách-nhiệm của họ, đừng nghe lời sàm tấu của kẻ tiểu nhân, thì thế nào nước cũng cường thịnh, nghiệp bá ắt thành. Bấy giờ có chuộng sắc đẹp, thích săn bắn đi nữa cũng không hại gì. Vì những điều ấy đối với một kẻ lãnh-đạo khéo léo chỉ còn là những vật dễ tiêu khiển mà thôi.

Trụ vương nhà Thương (1) đắm say Đắc-Kỷ. U vương nhà Chu si lụy nàng Bao Tự (2) chưa phải là động cơ chính trong việc làm sụp đổ cơ đồ. Điều căn-bản là do không biết dùng người hiền như Thái sư Văn-Trọng, Cơ-Xương, Khương

(1) Đã có chú giải ở bài « Muốn chỉnh đốn giềng mối của nước ».

(2) Bao Tự: một người gái đẹp, U vương say mê, đốt phong hỏa dài ở Ly sơn, gạt các chư hầu để cho Bao Tự cười chơi. Sau quân Khuyển Nhung đến đánh bao vây thành, đốt phong hỏa dài nhưng các chư hầu không đến cứu. Kết cuộc cả hai đều chết.

Tử Nha (1)... đòi nhà Thương và cũng như Thận Hầu. Triệu Thúc Đối, Bao-Quỳnh (2)... đòi nhà Chu.

* *

THUẬT GIỮ NƯỚC HAY HƠN CẢ

Khi Hung Đạo vương Trần-Quốc-Tuấn (3) sắp mất, vua Trần Anh Tông có ngự giá đến hỏi thăm, nhân thấy ngài bệnh nặng mới hỏi rằng :

— Thượng phụ (4) một mai khuất núi, phỏng có quân Bắc (5) lại sang thì làm thế nào ?

Hung Đạo vương tâu rằng :

— Nước ta tự thuở xưa Triệu Võ vương (6) dựng nghiệp. Hán đế (7) đem binh đến đánh. Võ vương sai dân đốt sạch đồng áng, không để lương

(1) Ba người hiền tài ở nhà Thương.

(2) Bà người hiền tài ở nhà Chu.

(3) Hung Đạo vương tên Trần Quốc Tuấn : một tròng có tài đòi nhà Trần, lãnh-dạo cuộc kháng-chiến chống quân Mông-cò (1284 - 1288) được đại thắng. Ông mất ngày 20 tháng Tám năm Canh tý (1300).

(4) Ông được suy tôn chức Thái sư, Thượng phụ, Thương quốc công, Bình Bắc đại nguyên súy Hung Đạo vương.

(5) Quân ở nước Tàu.

(6) Triệu Võ vương : tức Triệu Đà (207 - 137 trước Tây lịch) đánh được An dương vương rồi sát nhập nước Âu Lạc vào quân Nam hải, lập thành một nước gọi là Nam Việt đóng đô ở Phiên Ngung, gần thành Quảng châu bây giờ.

(7) Hán đế : vua đời nhà Hán bên Tàu, do Lưu Bang sáng lập (206 trước Tây lịch — 8 sau T.L.)

thảo cho giặc cướp được ; rồi đem đại quân sang châu Khâm, châu Liêm đánh quân Trường-sa (1) dùng đoản binh mà đánh được, đó là một thời. Đến đời Đinh (2), Lê (3), nhiều người hiền lương giúp đỡ, bấy giờ nước Nam đương cường, vua tôi đồng lòng, bụng dân phấn chấn ; mà hèn Tàu đương lúc suy nhược. cho nên ta đắp thành Bình Lỗ (4) phá được quân nhà Tống (5), đó là một thời. Đến đời nhà Lý (6), quân Tống sang xâm... Lý đế (7) sai Lý Thường Kiệt (8) đánh mặt Khâm, Liêm (9) đồn đến Mai lĩnh, quân hùng,

(1) Triệu Vũ vương đóng đô ở Phiên ngung tức là gần thành Quảng châu bấy giờ, mà châu Khâm, châu Liêm thì ở giáp giới nước Việt-Nam. Lẽ nào đi đánh Trường-sa ở tỉnh Hồ nam mà lại quay trở lại châu Khâm, châu Liêm. Chắc hẳn người mình trước kia không thuộc địa đồ. Có lẽ Hưng Đạo Vương lầm (theo lời bình phẩm của ông Trần Trọng Kim, soạn giả quyển « Việt-Nam sử lược »).

(2) Nhà Đinh (968-980) do Đinh Bộ Lĩnh, tức Đinh Tiên hoàng sáng lập, người ở Hoa lư động, thuộc tỉnh Ninh bình.

(3) Nhà Lê (980-1009) do Lê Hoàn tức Lê Đại Hành sáng lập, người làng Bảo thái, huyện Thanh liêm, tỉnh Hà nam.

(4) Thành xây ở tại tỉnh Thái nguyên.

(5) Tống là nước Tống bên Tàu do Triệu Khuông Dã sáng lập (950-1275).

(6) Nhà Lý (1010-1225) ở Việt-Nam do Lý Công Uẩn sáng lập.

7) Lý đế : tức vua nhà Lý : Lý Thánh tôn.

(8) Lý Thường Kiệt : một vị tướng tài đời nhà Lý đánh đuổi được quân nhà Tống tại sông Như nguyệt và sang vây đánh hai châu Khâm và Liêm ở Tàu, giết chết có 8.000 quân địch.

(9) Khâm, Liêm : hai châu thuộc tỉnh Quảng đông của Tàu.

tướng dũng, đó là có thể đánh được. Kế đến bản triều, giặc Nguyên (1) kéo đến vây học hỗn mặt, may được vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước dốc sức lại mà đánh mới bắt được tướng kia, cũng là lòng trời giúp ta mới được thế. Đại để, kẻ kia cậy oá trắng trợn, mà ta thì cây cỏ đoán hình; lấy đoán chống nhau với trắng, phép dùng binh thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến ầm ầm, như gió, như lửa, thế ấy lại dễ chống. Nếu nó dùng cách dần dà như tắm ần lá, thông-thả mà không ham của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mới khó trị; thì ta nên kén dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, vì như đánh cờ, phải tùy cơ mà ứng biến, cốt dùng được binh phải đồng lòng như cha con một nhà, thì mới có thể đánh được. Cách ấy cốt phải tự lúc bình thì khoan sức cho dân để làm kế sâu rền bền gốc. Đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả đấy.

Anh Tôn chịu lời ấy là rất phải.

Viện sử

LỜI BÌNH

Quân giặc kéo đến như gió, như lửa, đến đâu là tàn phá, giết chóc đến đó, trông tuy mạnh, ghê sợ thật, nhưng mạnh và ghê sợ ở bề ngoài. Bạo lực chỉ để phô-trưng uy-thế và chỉ mua lấy thù ghét, căm hờn. Bởi vậy, có lực không phải là phương-pháp để chinh phục nhân tâm.

Nhưng nếu giặc biết dùng chính sách « tâm

(4) Nguyên : nhà Nguyên (1280-1341) ở bên Tàu do trướng Mông cò Hốt Tất Liệt sáng lập

thực » (tắm ăn lá dâu), dùng « vết dầu loàn » thực hành công tác chính-trị mềm dẻo lần lần thu hút nhân tâm, thì giặc mới thật là nguy hiểm. Ta gặp phải một đối phương lợi hại, đáng lo.

Bởi vậy, muốn đối địch, chiến thắng kẻ thù có một chính sách nguy hiểm như thế, ngoài cần có tướng giỏi, biết tùy cơ ứng biến, nhưng điều cốt yếu là giữa quân lính với cấp chỉ-huy phải có một mối tình mặn nồng như cha con. Có được mối tình cao quý ấy thì mới dám cùng hy-sinh chống kẻ thù, bảo vệ cho nhau.

Có nguy hại lớn nhất cho cuộc chiến đấu là ở một trận tuyến mà mối tình thương nhau giữa cấp chỉ huy với quân lính không có. Kẻ chỉ huy ý quyền cậy thế coi kẻ dưới tay như thảo giới, cố nhiên kẻ dưới tay xem kẻ chỉ huy là khẩu thù.

Trách được ai ?

Nội bộ đã chia rẽ nhau, địch lợi dụng nhược điểm ấy tấn công bằng một cách : mua chuộc những phần tử bất mãn, gây sự ly gián, gia tăng bè phái... làm tan rã dần hàng ngũ ta.

Dòi trong xương dòi ra thì còn làm sao đối địch nổi với kẻ thù.

Nhưng tạo lấy mối tình giữa vua với bề tôi, giữa quân lính với cấp chỉ-huy không phải chỉ ở thời loạn, mà cốt ngay ở lúc thời bình. Giá-trị cao đẹp là ở chỗ đó. Chớ không phải lúc có việc cần người thì mới tha-thiết đón mời, khi hòa bình trở lại thì bỏ bạc, búng rầy... rồi đến thời loạn sẽ tái diễn trò hề « **thịt săn bắt được, chó săn bị mổ** ». Cây kìa sở dĩ được đương đầu với gió mạnh là nhờ nhiều năm vun quén, cành lá sum sê, gốc rễ ăn

sâu bền chặt. Tình keo sơn giữa cấp lãnh đạo với quân dân bền chặt được đem ra đương đầu với chiến tranh là đã được bồi đắp xây dựng từ lúc an bình.

Đời Trần dân quân tôi chúa Việt-Nam đánh đuổi được 40 vạn quân Mông cổ, giải-phóng đất nước, ghi trong lịch sử những trượng nghĩa liệt nhất, phải chăng là đã thực hành trung thành lý-tưởng cao quý ở trên.

NGÔI BÁ CHỦ MUỐN CHỖ TỪ CŨNG KHÔNG THỂ ĐƯỢC

Tề Hoàn công hỏi Quản Trọng :

— Dân đã yên rồi nhưng giáp binh (1) không đủ thì thế nào ?

Quản Trọng thưa :

— Muốn đủ giáp binh thì hình pháp nên đặt lệ cho chuộc : tội nặng thì cho chuộc một cái tì giáp, tội nhẹ thì cho chuộc một cái quy thuần, tội nhỏ thì cho nộp kim khí, tội nghi thì tha hần. Còn kẻ nào tưng lý tương đối thì bắt nộp một bó tên rồi cho hòa. Thu được những kim khí ấy thì đem đúc các đồ giáp binh.

— Nếu giáp binh đủ rồi nhưng của dùng không đủ thì làm thế nào ?

Quản Trọng thưa :

(1) Đồ cần dùng cho quân lính.

— Khai mở để đúc tiền, nấu nước bễ để làm muối cho lợi chung cả thiên hạ ; buôn để một chỗ, đợi dịp cao mà bán ra để lấy lời ; làm ba trăm nhà nữ lưu (1) cho các khách buôn bán đi lại tụ họp ở đó để đánh thuế. Như thế thì của dùng khá đủ.

Tề Hoàn công hỏi :

— Của dùng đã đủ nhưng quân lính còn ít, thế lực không mạnh thì làm thế nào ?

— Quân không cần nhiều, cốt cần phải tinh luyện ; mạnh không vì sức, cốt vì bụng nghĩ. Nay chúa công sửa sang giáp binh, các nước chư hầu cũng đều sửa sang giáp binh, thì mình hơn gì người ta được. Nếu chúa công muốn cho quân mạnh thì dấu tiếng bề ngoài, sự thực chỉnh đốn bên trong.

Tề Hoàn công lại hỏi :

— Binh thế đã mạnh, có nên đi đánh các nước chư hầu hay không ?

— Chưa nên đi đánh vội. Chúa công muốn đánh các nước chư hầu thì trước hết phải tôn thiên tử nhà Châu và cầu thân với các nước láng giềng.

— Như vậy thì làm thế nào ?

Quản-Trong thưa :

Bao nhiêu những đất đai mà ta xâm lấn của các nước láng giềng thì ta nên trả lại cho họ. thỉnh thoảng cho người sang thăm hỏi nhưng đừng tham lấy những của cải, như thế thì các nước chư hầu đều muốn giao hiếu với ta. Ta lại cho người đem lễ vật đi chư du (2) các nơi mà cầu

(1) Nhà nữ lưu như thanh lâu bấy giờ.

(2) Đi du lịch khắp nơi.

người hiền sĩ. Ta cho người đem hàng hóa đi bán các nước để dò xem họ thích những gì, và tìm có có gì thì đem quân đến đánh để chiếm thêm đất. Nước nào có kẻ loạn tặc cướp ngôi thì ta đánh để lập uy. Như thế thì các nước chur hầu, nước nào lại không tin phục nước Tề. Bấy giờ, nước Tề bắt các nước chur hầu phải phụng thờ thiên tử nhà Châu, như thế thì cái ngôi bá chủ ngày nay, chưa còn dấu chối từ cũng không thể được.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Đã có chính sách làm cho dân yên, cố nhiên phải có một tổ-chức quân đội. Nó là đội tiền phong chiến-dấu để bảo vệ đất nước được thanh bình. Nhưng làm sao có đủ đồ trang bị cho quân ?

Cần ở sự đóng góp của nhân dân, tức là thuế vụ.

Nhưng nói đến thuế má, nhà cầm quyền tất phải bắt dân è cổ nai lưng ra gánh lấy công việc nuôi quân, dưỡng quân. Đó không phải là một điều không chính đáng.

Quân giữ nước Quân có mạnh thì mới bảo vệ được tính mạng, tài sản của nhân dân. Lẽ tất nhiên dân phải nhìn thấy nhiệm vụ của mình « Dân là nước quân là cá » Bởi vậy, thuế má là điều cần có.

Nhưng Quân Trọng không chủ-trương đánh các sắc thuế để giải quyết vấn đề trang bị cho quân mà đặt những hình thức phạt vạ. Tội lỗi, sai lầm bị phạt vạ, càng thấy rõ phép nước nghiêm minh. Không mang phải tiếng bắt dân è lưng

chịu thuế má, lần lần nhờ phật và dân sẽ hoán cải được tội lỗi, sai lầm.

Quân cần chất hơn lượng.

Không phải không cần quân nhiều, nhiều càng tốt là khi nào đội quân ấy có kỷ-luật và tinh-thần chiến-đấu. Ít mà kỷ-luật chặt chẽ tinh-thần chiến-đấu cao, lâm trận mạc không sợ chết, biết tiến thoát phải lúc, biết chinh-phục lòng của kẻ thù, đội quân như thế mới có giá trị.

Muốn làm bá chủ chư hầu, yếu tố không phải dùng quân lính sang đánh phá, chiếm đoạt dân. Vô lực sẽ trả bằng vô lực. Kẻ thắng trận cũng bị hao tổn. Quân-Trọng định tấn công chư hầu bằng một lối hòa bình.

Trà đất đai đã xâm chiếm lại cho các nước láng giềng, thật là một hành-vi mới lạ trong thời chiếm đất đoạt dân. Nhưng hành-vi ấy trước nhất đã chiếm được tình cảm của các nước láng giềng, tạo thêm những bạn đường chiến-đấu.

Hiền sĩ là những bậc quý nhất của xã-hội. Dem lễ vật đi các nơi đề cầu người hiền tất là biết cái thể dựng nước, như thế các bậc hiền tài đâu đâu chẳng tụ về, đất nước làm gì lại chẳng thịnh vượng.

Nhà Châu bây giờ tuy đã suy vong, nhưng nhà Châu đã mấy trăm năm dựng nghiệp, diệt được bạo Trụ, đã có thành tích chiến-đấu vẻ vang trong nhân dân, và lại quan niệm tôn vương còn gắn chặt trong các tầng lớp dân chúng, đành rằng nước Tề cũng như các nước chư hầu khác, vì lẽ trên, không thể lật đổ ngay nhà Châu, mà vẫn tôn phò vua nhà Châu, mượn lấy danh nghĩa đó mà

chính phật các chư hầu ngoan-cổ để xây dựng nghiệp bá chủ mình.

Có quyền cưỡng-bách người thờ một kẻ khác, tất cũng có quyền cưỡng-bách người thờ mình vậy.

Vua nhà Châu bấy giờ chỉ còn một hư-vị, một bù nhìn, một cốt phật ở trên bàn, nhưng các sãi « chư hầu » khéo thờ Phật thì được ăn xôi chuối. Cũng như ở nước ta, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm bảo chúa Trịnh Kiểm : « **Giữ chùa thờ Phật** » thì ăn oản (1), có ý bảo phải thờ vua Lê.

Au cũng là một thuật chính-trị già dặn.

*
* * *

BA GIẢI ĐOẠN LUYỆN GÀ

Vua Tuyên vương nước Tề (2) thích chơi đá gà biết Kỹ Sảnh là người chuyên môn luyện gà. Tề vương liền cho vôi đến và giao cho luyện một con gà quý. Mới được 10 hôm, nhà vua vọi triệu Kỹ Sảnh đến, hỏi :

— Gà của nhà ngươi đã đem dự thí được chưa ?

— Chưa được. Vì gà hạ thần khí dương hăng lắm, tuy bị nhốt trong chuồng mà cứ lồng lộng lên cả ngày. Chưa thấy gà nào mà nó đã muốn đá thì sự hăng khí đó sẽ bất lợi cho nó.

Cách 10 hôm sau, nhà vua lại hỏi :

(1) Xem bài « Giữ chùa Phật thì ăn oản ».

(2) Tề : một nước chư hầu mạnh đời Xuân thu ở về tỉnh Sơn đông bây giờ.

— Chắc bây giờ gà đã đem đá được rồi chứ ?
Kỷ-Sanh lắc đầu :

— Khi của gà vẫn chưa trấn được. Mới thấy bóng một con gà khác lảng vảng trước chuồng mà đã lông lộn nhảy lên muốn đá rồi. Cần đợi khi nó thuần tính đã,

Vừa đúng một tháng, Tề vương vui vẻ hỏi :

— Lần này nhà ngươi phải cho gà ra độ rồi đó. Ta đợi sốt cả ruột. Vả lại một tháng là nhiều quá rồi còn nhốt nó trong chuồng làm gì nữa để nó phải mềm xác ra ?

Kỷ-Sanh mỉm cười thưa :

— Tuy hết tuần trăng, khi gà đã bớt hăng nhưng nó vẫn chưa làm chủ được khi, nên mới ra khỏi chuồng đã vội chạy đi tìm gà khác đá rồi. Xin chúa công dần lòng đợi một ít lâu nữa.

Ngày thứ bốn mươi, vua liền phán hỏi :

— Chuyện này hẳn là gà đã đem đá được rồi chứ ?

Kỷ-Sanh thưa :

— Vâng, tính nết gà đã thuần. Nó thuần đến nỗi nghe con gà khác gáy thật to, thật hách dịch (1) nhưng nó cũng giả ngây như gà diếc. Trông nó lừ đừ ở trong chuồng tựa như gà gồ (2) ; nhưng đến khi làm trận thì nó đủ các ngón hay. Gà khác đâu hung tợn chỉ trông thấy là đã bỏ chạy rồi.

Trang tử (3)

(1) Y, phách lối.

(2) Gà gồ : chữ là một kẻ. Các nhà làm văn hay dùng chữ ấy để khen những bậc học tập, tu dưỡng được hoàn toàn nhưng không bao giờ học-lộ ra ngoài.

(3) Trang tử : tức Trang Chu học đạo Lão tử. Sau người ta vẫn xưng tụng Lão tử với Trang tử là tổ của Đạo gia.

LỜI BÌNH

Lần đầu tiên, chưa thấy gà khác mà nó đã muốn đá, đó là hoàn toàn cái dũng huyết khí, như ngọn lửa rơm, hư mà không thực, âm ỷ nhưng rộng tuếch như một cái thùng không. Nếu phải đương đầu với một con gà từng trải hơn một chút thì chưa chắc chịu nổi vài bà hiệp.

Lần thứ hai thấy bóng gà khác đã muốn lòng lên đá, là tuy cái dũng huyết khí đã bớt đi nhiều nhưng vì nó chưa trấn áp được.

Như thế khi xung trận, nó sẽ khó bình tĩnh để thủ thắng đối phương.

Lần thứ ba tuy dũng khí đã bớt hăng nhưng nó mới vừa ra khỏi chuồng đã vội tìm gà khác để đá, đó là nó chưa làm chủ điều khiển được cái dũng khí để bình tĩnh chờ đối phương tiến đến, chuẩn bị mài móng đá cho thẳng chân.

Qua ba lần rèn luyện, tới lần thứ tư, cái dũng huyết khí đã tiêu hẳn, thay vào là cái dũng nghĩa-lý. Gà có nghĩa lý tất nhiên là khi xung trận phải so đo, chính-chắn, tiến thoái có nghĩ ngại hẳn hoi, không đâm bừa, đá bậy, phí sức như trước nữa.

Đó là ba giai đoạn để luyện gà hay, từ lúc mất hết cả tức khí, cựa mạnh, háo thắng, bề trong luyện được tất cả những ngón hay, nhưng bề ngoài trơ ra như gỗ, thì lúc ấy không cần phải đợi đá, những con gà khác trông đến là đã chạy mất rồi.

Con người cũng thế, kẻ tầm thường tiêm nhiễm được chút hiểu biết, tài ba thì đã vội bắt bực làm cao, ba-hoa, háo-thắng, phô-trương. Như thế, sự

hiều biết, tài ba kẻ không thể nào tiến-bộ, phát-triển được, lắm khi còn bị hại đến sinh mạng. Trên trường chính-trị, cũng như quân sự, cái sơ hở, khuyết điểm nhất là dễ cho đối phương nhận rõ được tâm-lý, thực lực của mình.

Trái lại, những bậc già-đạn chỉ thu, cái tài vào khuôn phép, nên cái khí vào tâm hồn, dùng lý trí, bình tĩnh phán xét sự việc. Con người mà luyện được tánh tình như thế thì khi đương đầu mới thắng nổi địch.

Luyện gà là cả một nghệ thuật. Luyện người lại càng đòi hỏi cả một nghệ-thuật tinh-vi hơn.

* * *

« LÂM NHỊ KIỂU »...

Tào-Tháo chuẩn bị đánh Đông Ngô, đưa lịch văn sang chúa Đông Ngô là Tôn Quyền, bảo : nếu chịu hợp tác cùng đánh Lưu-Bị thì chia ra hai bờ cõi. Trước lực lượng mạnh bạo của Tào-Tháo, Đông Ngô chia làm hai phe : chủ chiến và chủ hòa. Tôn Quyền phân vân cho triệu tướng Châu Du (1) về giải quyết.

Khổng Minh đi du thuyết sang Đông Ngô định liên hiệp hai nước Ngô Thục để cùng chống Tào, Lỗ Túc trong phe chủ chiến của nước Ngô dẫn Khổng Minh vào yết kiến Châu Du. Lỗ Túc hỏi ý kiến Châu Du thế nào ? Châu Du nói :

(1) Châu Du : tự Công Cẩn trẻ tuổi, có mưu mẹo giỏi, làm đồ đốc ở nước Ngô đánh thắng Tào-Tháo nhiều trận, nhất là trận dìm hỏa công ở trận Xích Bích.

— Tào-Tháo lấy danh thiên tử, binh ấy không nên cự. Vả lại thế va cũng mạnh, chẳng nên khinh đánh, đánh thì ắc thua, đầu thì dễ an. Ý tôi đã quyết, ngày mai xin ra mắt chúa công, sẽ sai sứ cầu hòa.

Lỗ Túc sững sốt nói :

— Cơ nghiệp Giang đông đã trải ba đời (1) nay nỏ nào đem giao cho kẻ khác ?

Châu Du nói :

— Sinh linh trong sáu quận này nếu để lâu mình vào binh cách thì ắt oán đổ về ta, nên ta quyết kế chịu đầu.

Hai đảng tranh biện với nhau. Khổng Minh che tay áo cười. Châu Du hỏi :

— Tiên sinh cứ sao lại cười tôi ?

Khổng Minh đáp :

— Tôi cười Lỗ Tử Kính (2) không biết thời vụ.

Lỗ Túc hỏi thì Khổng Minh nói :

— Công Cần muốn đầu Tào-Tháo rất phải lẽ.

Lỗ Túc hỏi thì Khổng Minh đáp :

— Tào-Tháo dụng binh rất hay, trong thiên hạ không ai dám cự. Ngày trước có Lữ Bố, Viên Thiệu, Viên Thuật và Lưu Biểu còn dám đánh với va. Nay mấy người ấy đều thác, trong thiên hạ hết người rồi, có một mình Lưu dự Châu (3) không biết thời vụ nên còn găng gượng mà đánh với va. Bây giờ cô thân nội Giang hạ mất còn chưa biết. Tướng quân quyết kế đầu Tào-Tháo chẳng những bảo toàn

(1) Ba đời là do đời cha là Tôn Kiên gây dựng, sau truyền cho con trưởng là Tôn Sách, nay đến Tôn Quyền.

(2) Tử Kính tên hiệu của Lỗ Túc.

(3) Lưu dự Châu hay Lưu sứ quân tặc Lưu Bị.

được vợ con mà lại được trọn giàu sang, còn mỗi nước đời đời, phù cho lẽ trời, tiếc làm chi nữa.

Lỗ-Túc nói giận bão :

— Người khiến chúa ta lòn cúi mà chịu nhục nơi đũa giặc sao ?

Khổng Minh nói ;

— Tôi có một kế khôi phục, công dẫu dễ khiến rượu, nấp dất, dâng ấn mà xin dẫu, và bản thân cũng khôi qua sông nữa mà chỉ sai một anh sứ hèn, chèo thuyền nhỏ đưa hai người thiếu nữ qua dẫu cho Tào-Tháo thì mấy trăm muôn binh Tào đều cời giặc cuốn cờ mà lui về hết.

Châu Du hỏi thì Khổng Minh nói :

— Giang dòng mất hai người ấy như cây lớn mà rụng đi một lá, kho đầy mà bớt một hạt thóc, có hại chi đâu. Còn Tào-Tháo mà được hai người ấy thì lui binh liền.

Châu Du hỏi :

— Vậy dùng hai người nào, tiên sinh cho biết ?

— Lúc tôi còn ở Long trung có nghe Tào-Tháo mới lập một cái đài nơi mé sông Chương hà gọi là Đồng tước đài, cao lớn rộng rãi và khéo lắm, lại chọn gái đẹp mà đề vào đài ấy. Tháo vốn là kẻ háo sắc, thường nghe bèn Giang đông có ông Kiều công, người có hai người con gái, đứa lớn tên Đại Kiều, đứa nhỏ tên Tiểu Kiều, nhan sắc đẹp dẽ, ngư trăm lạc nhan (1), bẻ nguyệt tu hoa (2) nên Tào-Tháo

(1) Cà dĩa nhan sa.

(2) Trong cuộc « Ngô Việt tương tranh » đời Chiến quốc, vua Ngô là Phu Sai thắng. Việt Câu Tiễn phải làm con tin ở Ngô. Sau được tha về. Để phục thù, theo kế phá Ngô của Phạm Lãi, vua Việt cho tìm gái đẹp là Tây Thi, cô gái giặc lùa ở thôn Trử la đem dâng cho Ngô. Phu Sai dâm sai Tây Thi, không nghe lời trung thần can gián. Sau nước Việt đem quân báo thù, Ngô bị diệt

có thể rằng : Ta nguyện một điều là : dẹp an bốn biển cho nên nghiệp đế ; điều thứ hai là : được nhị Kiều bên Giang đông để vào đài Đồng tước mà vui thú tuổi già, dầu có thác cũng không ưc gì. Nay tuy va đân binh trăm muôn, lờm lờm găm ghé đất Giang đông, sự thực là vì hai người mỹ nữ ấy thôi. Sao tướng quân không tìm Kiều công, liêu một ngàn vàng mà mua lấy hai người con gái ấy, rồi sai sứ đem dâng cho Tào-Tháo. Hễ Tào-Tháo được hai người ấy thì ắt vừa lòng đẹp dạ mà rút binh về.

Ấy là kế Phạm Lãi dâng Tây Thi đó (1). Vậy sao không thi hành cho kịp ?

Châu Du hỏi :

— Tào-Tháo muốn được nhị Kiều, vậy có chi làm bằng cớ chẳng ?

Khổng Minh đáp :

— Con của Tào-Tháo là Tào Thực tự Tử Kiến hay chữ lắm, xuống bút nên văn nên Tào-Tháo có bảo hắn làm một bài phú gọi là «*Đồng tước đài phú*». Trong bài phú ấy đại ý nói nhà va đáng làm thiên tử lại quyết bắt nhị Kiều.

Châu Du hỏi :

— Bài phú ấy, tiên sinh còn nhớ không ?

— Tôi thấy văn từ hoa mỹ, thích đọc mãi nên còn nhớ.

Châu Du bảo đọc thử. Khổng Minh vâng lời đọc. Nguyên bài phú ấy có câu : «*Lãm nhị Kiều ư đông tây hê, nhược tràng không chi để động*», nghĩa là có hai cái cầu phía đông và phía tây vòng lên như cái móng ở trên không. Chữ kiều ấy là cầu

(1) Trưng nương hoa thên.

nhưng Khổng Minh lại sửa chữ kiêu là nàng Kiều mà đọc rằng : « *Lâm nhị Kiều u đông nam hề, lạc triều tịch chi giữ cộng* », nghĩa là để hai nàng Kiều nơi phía đông nam mà chung vui sớm tối.

Châu Du nghe đọc đứt lời liền cả giận, đứng dậy chỉ tay về phía bắc mà nói lớn :

— Tào tặc khi ta thái quá !

Khổng Minh đứng dậy can :

— Xưa Siêng vu mấy phen xâm phạm (1), Hán thiên tử còn đem công chúa hòa thân thay nay tổn hai người mỹ nữ của dân gian mà tiếc chi lắm vậy ?

Châu Du nói :

— Tiên sinh chưa rõ, đại Kiều là vợ của Tôn Bá Phủ (2) còn tiểu Kiền là vợ của tôi.

Khổng Mạnh nghe nói giả vờ kinh hải nói :

— Tôi thực không biết, lời nói quấy tội đáng thác !

Châu Du nói :

— Tôi với Tào tặc thề chẳng còn hai, Nguyên tôi vàng mạng Tôn Bá Phủ kỳ thác lẽ dân lòng cúi mà đầu Tào. Lời tôi nói khi nãy là thử ông mà thôi, chớ tôi về đây đã có lòng đánh Bắc, dù đao búa lên đầu cũng không đổi chí.

Khổng Minh và Lô Túc đều mừng.

Tem quốc chí

(1) Siêng vu : một giống rợ Hung nô ở miền Bắc nước Tàu. Đời Hậu Hán, rợ này thường đánh phá biên giới dữ dội. Đến đời Quang Vũ nhà Hán thì rợ này chia làm hai cánh : Bắc và Nam. Siêng Vu là rợ thuộc chỉ Nam, đánh với Hán, vua Hán có lúc yếu thế phải đem công chúa giảng hòa. Nhưng sau chinh phục được rợ này.

(2) Tôn Bá Phủ : Tôn Sách, anh Tôn Quyền.

LỜI BÌNH

Châu Du là một con người rất bình tĩnh, ý kiến chủ chiến, họ Châu vẫn giữ kín là muốn nghe lấy dư luận của hai phái ra sao ? Đó là thái độ xứng đáng của kẻ làm tưóng.

Chúng ta không biết Khổng Minh có hiểu rõ chủ định của Châu Du ra sao chưa, nhưng lời khích của Khổng Minh càng thúc đẩy Châu Du ra lãnh đạo cuộc kháng-chiến. Sự bức tức, căm hờn làm cho con người thêm mạnh mẽ, cương quyết. Một chính-trị gia ở thế-giới có nói : « Anh có căm thù giặc mới giết được giặc » .

Lời khích của Khổng Minh dựa trên lập-trường nào ?

Thói thường hay bảo : « Nước mất nhà tan » . Lời nói ấy rất đúng, rất hay, nhưng nó cũng rất trừu-tượng và rất sáo. Người nghe qua thì hội ngay được ý nhưng không cảm thấy tâm hồn run động một cách thấm thía, sâu xa.

Còn ai không hiểu rằng : quốc phá gia vong ? Còn ai không hiểu rằng : quyền lợi của cá-nhân vẫn gắn liền quyền lợi của toàn thể, của đất nước. Châu Du đã thừa hiểu. Đem vận mạng quốc gia, nhiệm vụ của con người phải làm sao, thế nào v.v... ra thuyết chỉ làm cho Châu Du thêm phất ngầy và cho kẻ thuyết là quá trẻ con !

Cái lối cầu tưóng không bằng cách khích tưóng của Khổng Minh mới thật là sâu sắc, đánh trúng ngay tâm lý của con người.

Quyền lợi cá-nhân của Châu Du là gì ?

Hòa với Tào, đất nước vẫn yên, địa vị vẫn, còn nhưng thảm hại, người vợ đẹp yêu quý đã mất,

con người tâm thường còn không thể chịu được hà-tất Châu Du là một viên thượng tướng, tuổi trẻ, khí hăng !

Trong lịch sử không phải không có người cam lòng cắt đứt tình chồng vợ, hiến người yêu cho kẻ thù đương mạnh hầu bảo toàn sinh linh, lãnh thổ như Hán đế cống Chiêu Quân, đời Đường Đức tôn, Mai Lương Ngọc dâng đề Hạnh Nguyên bị bắt sang cống cho Phiên quốc (1)... nhưng đó là vận nước gặp phải lúc suy đồi, thế lực kém yếu, đành phải chịu thế thôi.

Trái lại, thế lực Đông Ngô còn vững mạnh, chưa đem sức đề quyết định thư hùng thì sao lại đầu hàng nhục-nhã như thế được ; vả lại tâm-lý, danh-dự, và quyền-lợi thiết thực nhất — người vợ trẻ đẹp — nên cá-tính của con người Châu Du bị chạm mạnh. Cái khéo của Khổng Minh là đặt ngòi lửa ở chỗ đó.

Trước, ý kiến chủ chiến, Châu Du giữ kín, Châu Du bình tĩnh trước dư luận xôn xao chiến hay hòa. Sau, nghe lời khích tướng của Khổng Minh, Châu Du không còn bình tĩnh được nữa. Đó là tâm-lý chung của con người, « đem vợ dâng cho người » thì ai còn nước nào chịu nổi, nhưng biểu lộ ra cử chỉ, lời nói đối với Châu Du, giá trị hạ thấp như một kẻ tâm thường.

Khổng Minh hay.

Vừa hội kiến, Châu Du đã biểu-lộ ngay cái kém.

(1) Về đời Đường Đức tôn (780 - 805), Hạnh Nguyên là con gái của Trần Đông Sơ hứa hôn với Mai Lương Ngọc, nhưng trong triều có tên gian thần Lư-Kỷ ghét Trần Đông Sơ, nên nhào dìm giặc Phiên sang đánh phá, Lư-Kỷ tâu với vua bắt Hạnh Nguyên sang cống.

KHI ƯỚT ĐỘI MÃO

Đời Tây Hán, Sở Hạng Võ chiếm giữ đất Quang-trung (1); còn Hán Lưu Bang vì thế lực yếu nên phải bị đẩy vào đất Bao trung.

Trương Lương (2) là bề tôi của Lưu Bang muốn tìm cách làm cho Hạng Võ bỏ đất Quang trung, để Lưu Bang trở lại chiếm giữ.

Trương Lương liền giả một tên đạo sĩ bị chứng phong ma, nói điên, nói cuồng, lưng buộc tiền đồng, tay áo đựng trái lê, áo sắn, giày gai đánh trống, gõ mõ đi cùng đường. khi thì ở nơi chùa chiền miếu võ, khi thì đi lang thang khắp phố phường, vẩy tiền hoặc liệng trái lê ? Trẻ con ở chợ theo coi đông đầy. Lúc đầu, trẻ con chưa quen còn ở xa xa, nhưng được vài hôm, chúng chẳng còn sợ sệt chi nữa nên xấp lại gần.

Trương Lương ngấm trong đám trẻ con ấy có một đứa trông có vẻ thông minh nên dắt lần vào miếu, không có ai mới lấy bánh và tiền cho nó rồi dạy nó hát: «*Kim hữu nhưt thân, cách bích diêu tình,*

(1) Theo truyền thuyết, đất Quang trung là chỗ hưng vượng, nơi mà các vua chúa từ xưa đều đóng đô ở đấy. Phía đông có sông Huỳnh hạ, ải Hàm cốc và Bồ tân; phía tây có Đại lĩnh quan; phía bắc có sông Thiệp hạ, sông Kinh, sông Vi và ải Đồng quan phía nam có núi Chung nam và Võ quan... Trong Hán sử gọi là nước Thiên phủ. Xưa nhà Châu lấy đó mà cường thịnh; nhà Tần cũng nhờ đó mà dựng nên nghiệp bá.

(2) Trương Lương: tự Tử Phòng, người ở nước Hàn. Sau khi nước Hàn bị Tần Thủy hoàng tiêu diệt nên Trương Lương tìm cách rửa thù nên sang giúp Hán Lưu Bang. Là học trò của Huỳnh thạch Công, người có tài cao mưu giỏi. Sau từ chức chu du non núi.

chỉ văn kỳ thỉnh bất kiến kỳ-hình, phú quý bất hườn hương như ý cầm dạ hành », nghĩa là : « nay có một người ở cách vách rung lục lạc duy nghe tiếng mà chẳng thấy hình ; giàu sang không về xứ như áo gấm mặc đêm ».

Khi đưa bé thuộc lòng câu hát ấy rồi, Trương Lương dẫn nó về truyền lại cho những đứa khác, nếu có ai hỏi thì bảo là trời dạy. Cái lời thì sẽ bị phải tội. Đứa bé vâng lời. Bấy giờ, trẻ con ở chợ đều hát như thế cả.

Lời hát truyền đến tai vua Hạng. Nhà vua nghĩ: Đó là trời xuống điều ngôn (1). Câu « Kim hữu nhất nhân », là ám chỉ nhà vua. Còn câu « cách bích diêu linh, chỉ văn kỳ thỉnh bất kiến kỳ hình » là nói nhà vua tuy đã có danh tiếng nhưng chưa được truyền rộng ra ngoài. Câu cuối « phú quý bất hườn hương như ý cầm dạ hành » là có ý muốn nói nhà vua được thiên hạ mà chẳng về xứ sở thì cũng như mặc áo gấm đi đêm. Vì nghĩ như thế nên nhà vua sai người khởi công kiến-thiết lại Bành thành là cố hương của nhà vua và chọn ngày dời đô.

Có quan Giám nghị đại phu là Hàn Sanh khuyên can, cho lời điều ngôn ấy chính là của người bày đặt, chứ không phải là của trời. Hàn Sanh nói :

— Bệ hạ làm chúa trong bốn biển cũng như cái mặt trời, ai lại chẳng thấy, lựa phải khu khu có một việc hồi hương mới gọi là vinh sao ? Vả chẳng lời ông Mạnh tử có nói rằng : « Hễ làm thiên tử rồi thì có một tấc đất nào mà chẳng phải là đất của mình, có một tên dân nào mà chẳng phải là tôi của mình há đi kể có cái Bành thành mà thôi sao ?

Bà vương quyết định không nghe. Hàn Sanh

(1) Điều ngôn là lời của trời em hát.

bước xuống thềm, ngược mặt lên trời than rằng :

Thật là một hủ nhân. (1)

Nghe lời châm biếm quá sâu cay và nặng nề Bá vương (2) nổi giận truyền người dẫn Hàn Sanh ra chợ Văn dương bỏ vô vạc dầu mà nấu đi.

Tây Hán chí

LỜI BÌNH

Đánh trúng vào tâm lý thông thường của con người, Trương Lương đã hoàn toàn thắng lợi.

Người đã làm nên danh phận ở tha phương thì bao giờ lại không trở về cố hương để viếng lăng diễu, để rạng rỡ mặt mày, tỏ chút vinh dự.. Nhưng đó là lẽ thường tình.

Đáng tiếc, trường hợp Sở Bá vương lại khác. Đã làm vua thiên hạ rồi, quê hương là Sở quốc, chỗ đâu phải chỉ riêng một Bành thành. Quả thật, làm lớn mà chí nhỏ, nên cơ nghiệp không được lâu bền.

Mưu mẹo nào cũng vậy, thất bại và thành công chỉ cách nhau có một sợi tóc con. Giá phỏng, Hạng Võ là con người có chí lớn khí cao hay biết nghe lời phải thì làm gì bị thất bại, mẹo hay của Trương Lương là gì đắc thành.

Cái chết bi thảm của Hàn Sanh tuy đáng nhưng

(1) « Khỉ ướt mà đội mào » Ý nói : Khỉ tuy đội mào nhưng lòng không phải là người, hay con khỉ chẳng chịu đội mào mặc áo của người lâu dặng vì lòng nóng nảy, không chừng : hay nói con khỉ tuy mặc áo mào của người nhưng chẳng phải tính người, đội chưa hư nó cũng làm cho hư

(2) Tiếng suy tôn Sở Hạng Võ.

không phải là điều không đáng tiếc. Đáng tiếc là người có tài hiểu rõ mưu mẹo của đối phương ; nhưng đáng là không hiểu tâm lý, tính tình của vua Hạng.Phê bình, khuyên can, người không nghe thì lại giữ không được mức quân bình trong người, lên giọng mặt sát làm gì đối với một con người hung bạo đề phải lụy mình.

*
*
*

MÔI MẮT RĂNG LẠNH

Vua Hiến công nước Tấn(1) hỏi quan đại phu là Tuân Tửc ?

— Nước Quắc có nên đánh không ?

Tuân Tửc thưa :

— Ngu và Quắc (2) đương giao hiếu với nhau ta đánh Quắc thì Ngu tất cứu. Nếu đánh Ngu thì Quắc tất cứu. Vậy thì một nước mà ta địch với hai nước, tôi chưa dám chắc là được hay không ?

Tấn Hiến công nói :

— Nếu vậy thì ta không làm gì nổi nước Quắc.

— Tôi nghe nói vua nước Quắc là người hiền sắc, bây giờ chúa công tìm những gái đẹp trong nước, dạy nghề hát múa và cho ăn mặc đẹp để đem hiến cho vua nước Quắc, lại lấy lời khiêm-tốn mà xin giảng hòa, như vậy thì vua nước Quắc

(1) Tấn, một nước ở thời Xuân thu ở vào một phần tỉnh Trục lệ và tỉnh Sơn tây ngày nay.

(2) Ngu và Quắc là hai nước nhỏ thời Xuân thu.

tất mừng rỡ mà nhận ngay. Kẻ kia dể say mê về thanh sắc thì tất lười biếng mà chẳng thiết gì đến chính sự. Bây giờ, ta lại đem lễ vật dứt lột vua Khuyển Nhung để khiến quấy nhiễu nước Quắc, rồi ta sẽ tìm cơ sẵn đánh, như thế thì có thể phá tan được nước Quắc.

Tấn Hiến công nghe lời, đem bộ nữ nhạc sang dâng vua nước Quắc. Vua nước Quắc toan nhận, Quan đại phu Chu Chi Kiêu can :

—Đó là cái lười cầu của nước Tấn để cầu nước Quắc ta đó, có sao chúa công lại tham mỗi làm gì?

Vua nước Quắc không nghe, cứ cho nước Tấn giảng hòa. Từ bấy giờ, vua nước Quắc ngày đêm chỉ say đắm về bộ nhạc, mà chẳng thiết gì đến chính sự.

Vua Khuyển Nhung cũng tham lễ vật của nước Tấn, nên đem quân sang quấy nhiễu nước Quắc.

Tuân Túc lại thưa với Tấn Hiến công :

— Nước Ngụ và nước Quắc vẫn giao hiếu với nhau, tôi có một kế có thể ngày nay chiếm được nước Quắc mà ngày mai chiếm được cả nước Ngụ nữa.

— Nhà ngươi có kế gì ?

Chúa công nên đem nhiều lễ vật dâng cho nước Ngụ mà mượn đường sang đánh nước Quắc. Chúa công lại mật sai người quấy nhiễu bờ cõi nước Quắc, tất nhiên nước Quắc phải sang trách ta, bấy giờ ta mượn chuyện mà nói với vua nước Ngụ.

Tấn Hiến công hỏi :

— Ta dùng lễ vật gì mà đưa cho vua nước Ngụ.

Tuân Túc thưa :

— Vua nước Ngu dầu là người tham nhưng tất phải có đồ chi bảo đem sang thì mới làm cho hấn động lòng được. Bây giờ có hai thứ nên đem đi lễ, chỉ sợ chúa công không dứt tình bỏ được mà thôi. Nguyên vua nước Ngu thích nhất là ngọc quý và ngựa quý. Nay chúa công có có ngọc Bích Thủy-cửc (1) và cõ ngựa Khuất sản (2) xin đem hai thứ ấy dâng cho vua nước Ngu để mượn đường. Vua nước Ngu tham hai vật ấy tất mắc kế ta.

Tấn Hiến công bảo :

— Hai vật ấy là vật chi bảo của ta, khi nào ta lại chịu đưa cho người khác !

— Tôi vẫn biết chúa công không dứt tình bỏ được. Tuy vậy, ta mượn đường để đánh Quắc mà Ngu không cứu thì Quắc tất mất. Quắc đã mất thì Ngu còn làm sao giữ được ? Bấy giờ ngọc bích và ngựa của ta có mất đi đâu, có khác nào như ta đem ngọc bích của ta mà nuôi ở chuồng ngoài thế thôi.

Tấn Hiến công bằng lòng đem ngọc bích và ngựa giao cho Tuân Tức, đem sang dâng cho nước Ngu để mượn đường.

Vua nước Ngu lúc mới nghe tin sứ giả đến mượn đường để đánh nước Quắc thì giận lắm, nhưng đến khi trông thấy ngọc bích và ngựa thì bớt giận, lấy làm khoan khoái.

Bề tôi của vua Ngu là Cung Chí Kỳ vội can :

— Chúa công chớ nên nghe. Tục ngữ có câu : « *Môi hở răng lạnh* », nước Tấn xưa nay vẫn xâm chiếm các nước khác mà không dám động đến

(1) *Thủy cửc* : tên một địa phương có nhiều ngọc quý.

(2) *Khuất* : tên một địa phương, nơi sản xuất ngựa tốt. Bốn con ngựa gọi là một cõ ngựa.

nước ta là vì nước ta cùng với nước Quắc biết giao hiếu mà giữ gìn lấy nhau. Nếu ngày nay nước Quắc mất thì ngay mai nước Ngu ta cũng chẳng còn.

Vua nước Ngu bảo :

— Vua nước Tấn không tiếc đồ chi bảo mà đem cho ta, ta lại tiếc gì một lối đi nhỏ mà không cho nước Tấn. Vả thế lực nước Tấn mạnh gấp mười nước Quắc; ta mất lòng nước Quắc mà được lòng nước Tấn thì có hại gì !

Vua nước Ngu không nghe lời, quả thật sau khi nước Quắc mất thì nước Ngu cũng mất luôn.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Trong trường tranh-đấu « *ưu thắng liệt bại* » kẻ yếu bao giờ cũng bị hiếp bức, bị tiêu-diệt dưới sức uy hiếp, thế lực của kẻ mạnh.

Nhưng mạnh là thế nào ? Yếu là thế nào ?

Bài học quý nhất ở đời là kẻ yếu chưa phải là kẻ luôn luôn chịu điều thiệt thòi, kẻ yếu chưa phải là kẻ hoàn toàn chịu thất bại « **cái lý của kẻ mạnh bao giờ cũng thắng** » của nhà thơ La-phong tên (La Fontaine) (1) chưa phải là cái lý tuyệt-đối, nếu kẻ yếu thông minh, biết cùng nhau đoàn-kết, biết nhận lấy sự liên-quan vận mạng giữa nhau mà cùng bảo tồn cho nhau thì yếu ấy trở nên mạnh.

(1) La phong-tên (La Fontaine) (1621 - 1695) một nhà thơ ngụ ngôn có danh tiếng ở Pháp.

Quắc và Ngu là hai nước yếu. Nước Tấn là một nước mạnh nhưng chỉ mạnh hơn nước Quắc, hơn nước Ngu khi hai nước này sống cô độc. Cái lo ngại của nước Tấn trong mưu mô thôn-tính nước Quắc là nhìn thấy hai nước Quắc và Ngu liên-kết nhau. Cái yếu của hai nước trở thành mạnh là thế. Tuân Tửc bảo « **Một nước mà địch với hai nước tôi chưa dám chắc là được hay không ?** » thật là một nhận xét tinh-vi, đã thừa nhận trực tiếp lực lượng mạnh mẽ cụ-thể của sự đoàn-kết của hai nước yếu.

Tiền bạc và gái đẹp là hai miếng mồi câu như rất « nhay » Tuân Tửc đã hiểu rõ tâm lý tầm thường của vua nước Ngu và nước Quắc nên thực hành mưu lược và đã thành công.

Vua nước Quắc đã có bề tôi hiền Chu Chi Kỳ can ngăn cho bộ nữ nhạc là cái « lưỡi câu » của nước Tấn, cũng như vua nước Ngu đã có bề tôi hiền là Cung Chi Kỳ cho biết « môi mất răng lạnh », như thế cả hai nước không phải thiếu người sáng suốt, không hiểu thấu mưu mẹo của đối phương. Nhưng đáng tiếc, hai ông vua không biết nghe lời của người hiền tài, vì dục vọng điên cuồng, sắc đẹp và của báu làm mờ ám tư-tưởng nên dễ phải mất nước, lụy mình.

Hỡi ơi ! câu tục ngữ « **môi mất răng lạnh** » là câu đầu môi chót lưỡi, nó được ăn thâm sâu vào não tủy nhưng bị sòa nhòa có phải vì dục vọng điên cuồng của kẻ lãnh-đạo không biết nghe lời phải của đấng tôi hiền kia chăng ?

MUỐN LÀM BẢ CHỦ THIÊN HẠ

Tần Mục công (1) nói với Kiến Thúc :

Bá Lý Hề (2) thường nói tiên sinh, là người hiền, xin tiên sinh chỉ bảo cho.

Kiến Thúc thưa :

Nước Tần ta ở cõi tây này tiếp giáp với các nước Nhung địch, đất hiểm quân mạnh mà không được bằng các nước Trung quốc là chỉ vì không có uy đức đó thôi. Không có uy thì làm sao cho người ta sợ, không có đức thì làm sao cho người ta mến. Người ta không sợ, không mến thì làm bá chủ thế nào được.

Tần Mục công hỏi :

Uy và đức, hai điều ấy nên làm điều gì trước ?

Nên lấy đức làm gốc lại có uy để giúp vào. Nếu có đức mà không có uy thì làm sao giữ được nước ; có uy mà không có đức thì làm sao yên được dân

Tần Mục công lại hỏi :

Ta muốn sửa đức và lập uy thì nên làm thế nào ?

Kiến Thúc thưa :

Dân nước Tần ta tập nhiễm phong tục mọi rợ,

(1) Tần Mục công : tên Nhâm Hiên, Nước Tần là một nước chư hầu đời Xuân thu ở vào Tần Châu (cam túc) và tỉnh Thiểm tây ngày nay.

(2) Bá Lý Hề : là người nước Ngụy, tên tự Tỉnh Bá, trước yết kiến Tề Tương công nhưng không được dùng, nghèo quá phải đi xin ăn, sau lại đi chăn trâu vườn ở nhà Châu rồi sang làm quan nước Ngụy. Khi nước Ngụy mất, Bá Lý Hề lại sang đất Sở làm nghề chăn ngựa. Tần Mục công nghe tiếng đem 5 bộ da dê chuộc về phong làm Thượng Khanh, giao cho quyền chính trong nước. Bấy giờ đã 60 tuổi.

không biết lễ nghĩa, nay muốn cho dân biết tôn kính người trên thì tất phải dùng giáo hóa và hình phạt. Có giáo hóa thì dân biết ơn, có hình phạt thì dân biết sợ. Bấy giờ kẻ trên, người dưới khác nào thân thể trong một người.

Tần Mục công hỏi :

— Cứ theo như lời của tiên sinh, có thể làm bá chủ được không ?

— Thế cũng chưa đủ ! Muốn làm bá chủ thiên hạ thì có ba điều nên kiêng : chớ tham lam, chớ tức giận, chớ vội vàng. Tham lam thì có nhiều điều lầm lỗi ; tức giận thì có nhiều sự khó khăn ; vội vàng thì có nhiều việc tan nát. Chúa công biết kiêng ba điều ấy thì có thể làm nên nghiệp bá.

Tần Mục công khen phải:

Sa-Đéc

Chiến quốc sách

Saturday, May 14, 2016

LỜI BÌNH

Không có uy thì không thể trị được người, hàng phục được người. Trong cuộc đời « cường thắng nhược bại », những lời đạo đức cũng như trên trường ngoại giao muốn thành công phải có uy lực làm hậu thuẫn, làm áp lực. Tuy vậy, uy làm cho người ta sợ nhưng rất dễ làm cho người ta căm thù. Có uy mà thiếu đức là tàn bạo.

Trái lại, đức làm người ta mến, người ta thương, nhưng thiếu uy, người ta không nể, không sợ. Có đức mà thiếu uy là nhu nhược, yếu hèn.

Muốn làm bá chủ, uy phải đi đôi với đức, cũng như đức phải đi đôi với uy. Hai điều-kiện ấy phải phối hợp nhau nhưng phải lấy đức làm căn

bản Uy phải được xây dựng trên nền tảng đạo đức thì uy mới bền vững, mới chinh phục được nhân tâm, đánh ngã được kẻ thù.

Cùng trên lập-trường phối hợp đức và uy ấy, nên trong công việc bình trị thiên hạ. Tuân Túc chủ-trương giáo-hóa phải đi đôi với hình-phạt. Giáo-hóa là một hình-thức biểu hiệu của đức, hình-thức phạt là một hình-thức biểu hiệu của uy.

Có hình phạt thì dân mới sợ nhưng dễ sinh oán, sinh loạn, vậy phải lấy giáo-hóa làm căn-bản để nhân dân biết lấy đạo nghĩa mà tránh bớt hình-phạt là điều càng hay.

Hình-phạt là phụ, giáo-dục là chính.

Tham lam, tức giận và vội vàng là ba điều đáng kiêng đối với người muốn mưu đồ nghiệp lớn. Vì tham lam nên dễ bị tiền tài, sắc đẹp . . . là những miếng mồi câu nhử rất nhạy ; và nóng nảy nên dễ bị người khiêu khích, mất cả trí khôn ; vì vội vàng nên không bình tĩnh suy nghĩ, dễ bị lừa. Nước Quốc nước Ngụ mất vì tham lam (1). Hạng Võ (2) Trương Phi (3) chết vì nóng nảy vội vàng...

Tần Mục công khen phải và Tần Mục công đã nghe lời phải của đấng hiền tài nên nước Tấn ngày một cường thịnh đời Xuân thu. Đó là lẽ tất nhiên.

* *

(1) Đã nói ở bài « Mồi mồi răng lạnh »

(2) Hạng Võ : tức Sở Bá vương vì có tánh nóng nảy, hay giết những quan gián nghị, thường bị Hàn Tín khiêu khích; dụ địch sau chết ở bến Ô-Giang.

(3) Trương Phi : người nước Yên đời Tam quốc, vì nóng nảy trong việc bảo lãnh may đồ tang cho Quan Công. Hẹn trễ ngày xuất quân báo thù thì xử tử tất cả. Chàng tức giận toa rập nhau ập sát chết.

CÁI KHỐC CỦA KHÔNG MINH ĐIỀU CHÂU DU

Châu Du chết. Không Minh đem lễ vật sang
điếu tang. Sau khi bày lễ vật trước linh sàng Không
Minh quỳ xuống, bản thân rót rượu rồi đọc văn tế :

« Than ôi ! Công Cần (1) ! chẳng may trời hại,
Thọ yểu số trời, lòng ta ái ngại,

Rót chén rượu này, lòng ta xót xa.

Người có khôn thiên chứng giám cho ta:

Thương người thuở bé chơi với Bá Phù (2)

Trượng nghĩa khinh của, nhường nhà cho nhau

Thương người trẻ trung có chí cao xa,

Gây dựng nghiệp bá, riêng một sơn hà,

Thương người sức khỏe, trấn ở Ngổ trung,

Cảnh Thăng (3) mất vía, Tôn Sách yên lòng,

Thương người đẹp trai sánh với Tiểu Kiều,

Rề tôi nhà Hán xứng đáng trăm điều.

Thương người khí khái, ngăn việc hàng

Tào (4),

Trước tuy chấp cánh lần lần bay cao.

Thương người khôn ngoan, Tương Cán đến

du (5)

(1) Công Cần : tên tự của Châu Du.

(2) Bá Phù : tên tự của Tôn Sách.

(3) Cảnh Thăng : tên tự của Lưu Biểu, một quan thái thú
trấn Kinh châu.

(4) Tào : Tào Tháo.

(5) Tương Cán : một mưu sĩ của Tào Tháo, bạn học lúc
bé của Châu Du. Vâng lệnh Tháo sung đo thăm bên Đông
Ngô, Tương Cán bị Châu Du dùng mẹo giả say rượu, hơ
hồng để bắt được thư đem về dâng cho Tháo. Mặc kể lỵ gián
Tào-Tháo giết hại đồ đốc thủy quân có tài.

Chén rượu thanh thoi, Tào Man (1) mắc mẻo.
 Thương người có tài văn võ kiên toàn,
 Hỏa công giặc Tháo (2), chuyển nguy thành an
 Tướng người khi ấy, anh hùng ghê gớm,
 Lệ tuồng hai hàng, thương người mất sớm.
 Lòng người trung nghĩa, hồn người anh linh
 Tiếng ba mươi tuổi, ngàn thu dương danh.
 Lòng ta rầu rĩ, thương người tình thiết,
 Trăm thảm ngàn sầu, kẻo sao cho xiết.
 Trời Ngô mù mịt, bạ quán xót xa,
 Chủ thì sùi sụt, bạn cùng than ta (3)
 Lượng (4) tôi bất tài, xin meo cầu mưu,
 Giúp Ngô chống Tào, phò Hán yên Lưu.
 Cũng mong cùng người, cứu giúp nhau cùng
 Kẻo mất người còn ruột xót đau lòng
 Than ôi ! Công Cần đã biết nhau rồi,
 Thôi nói chi nữa, là thế xong đời !
 Người có khôn thiêng soi thấu vi-thềm
 Từ rày thiên hạ ai kẻ tri âm ?
 Than ôi ! Đau đớn thay ! xin về hãm hưởng »
 Không Minh tể rồi, cúi xuống đất khóc rống
 lên, nước mắt như suối chảy, thương xót chẳng
 cùng. Các tướng Đông Ngô nói với nhau :
 — Người đều nói Công Cần với Khổng Minh
 chẳng hòa, nay xem tình diện tể, thực là lời người
 nói sai.

(1) Tào Man : cũng gọi là Tào A Man tức Tào-Tháo.

(2) Giặc Tháo : tức Tào-Tháo,

(3) Than-ta : tức ta-thán hay ta-oán nghĩa là than thở, căn hờn. Có chữ than tích nghĩa là than thở, thương tiếc. Dùng « than-la » để xuôi vắn chẳng.

(4) Lượng : tức Gia cát Lượng hay Khổng Minh.

Lộ Tục thầy Khổng Minh thăm-thiết như thế thì cũng động tình, nghĩ thầm :

— Khổng Minh lòng tốt như vậy, tại Công Cần hẹp hòi cho nên mình hại lấy mình mà thôi.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Đọc « Tam quốc chí », chúng ta thấy Châu Du nhiều lần tìm mưu mẹo để hại Khổng Minh, cho rằng : « Để con người này, ta (Châu Du) ăn không ngon, ngủ không yên ».

Lần thứ nhất, Châu Du mượn có sai Khổng Minh đi đoạt lương của Tào-Tháo, cố ý mượn tay giết cho khỏi mang tiếng mình cố ý sát hại người tài. Không dè nhờ mưu khéo mẹo hay Khổng Minh đoạt được lương của Tào y như lệnh dạy. Lần thứ hai, Châu Du hạ lệnh cho Khổng Minh coi việc vót tên cho kịp ngày dùng. Thời hạn định ít mà số tên lại nhiều, thế mà không phải phí nhiều công. Khổng Minh đem nộp quá số và trước thời hạn (1). Lần thứ ba, muốn dụng hỏa công nơi trận Xích Bích, Châu Du phải nhờ ngọn gió Đông thuận chiều để đốt giặc, thì Khổng Minh lại cầu được gió « Trái

(1) Khổng Minh thừa lúc trời có sương mù cho người chèo thuyền trên sông Trường giang, đậu ở ngoài khơi sai đánh trống la ó. Quân Tào tưởng giặc tấn công nhưng vì sương mù nhiều không dám ra xáp chiến, cứ ở trên bờ bắn tên xuống Hai bên thuyền của Khổng Minh có bện hình nhon bằng rơm nên tên cứ ghim vào đấy. Chỉ có mấy tiếng đồng hồ Khổng Minh thu được cả mấy chục muôn mũi tên.

mùa », và đến khi Châu Du sai tướng mạnh đến Thất tinh đàn (1) lấy đầu Gia-Cát thì Gia-Cát đã biết trước nhả Triệu Tử Long (2) sang rước đi trước rồi.

Ba lần khờ kếu mà không hại được Khổng Minh, Châu Du bực tức vô cùng. Vậy mà khi Châu Du chết vì uất giận, Khổng Minh lại sang điều tể, khóc lóc bi thảm làm tắt cả tướng sĩ. Đông Ngô phải cúi lòng.

Cái khóc của Khổng Minh có phải là thủ đoạn không ? Có phải là một « vấn đề chính - trị » không ?

Người ta thường bảo : những chính khách không có tình cảm, họ không biết rung động trước giọt nước mắt của con người khổ nạn, của những kẻ thân yêu. Từ khó khan, họ đi đến chỗ độc ác, tàn bạo. Nói như thế có phần đúng đối với những chính khách phản dân, chính khách phát-xít chẳng hạn. Trái lại, một chính khách dân chủ một chính khách vì dân, họ rất giàu tình cảm, họ vẫn biết đau khổ, hay cui sượng, họ biết hướng dẫn tình cảm của họ đúng chỗ, đúng đường là không đặt tình cảm cá nhân trên tình-cảm của dân-tộc, của nhân loại.

Nghe đồng bào bị nạn, họ khóc; ta phải thành thực nhận lấy chân giá-trị của cái khóc ấy.

Khổng Minh khóc Châu Du có hàm súc một ý nghĩa làm cho tướng sĩ bên Đông Ngô thấy thái-độ quân tử của mình đối với « một kẻ luôn luôn mưu hại mình, cho mình là kẻ tử thù.

(1) Thất tinh đàn là chỗ Khổng Minh lập đàn cầu giời.

(2) Triệu Tử Long tức Triệu Vân tướng tài của Thục

Nhưng điều này không phải lý do chính.

Chủ-trương của Khổng Minh là luôn luôn « Đông hòa Tôn Quyền, Bắc cự Tào-Tháo. » Khổng Minh đã hiểu rõ quyền lợi của Kinh châu và Ngô quận cần giao hảo nhau, vì hai bên chỉ cách có sông Trường giang, nếu hềm khích nhau thì dân chúng làm sao an cư lạc nghiệp, và gây chiến tranh với nhau, Tào-Tháo sẽ sang tiêu diệt cả đôi bên. Vì vậy, chiến lược lâu dài của Khổng Minh là hòa với Ngô để tránh nạn xâm lăng của Tào.

Châu Du vì hẹp hòi thiên cận nên muốn tiêu diệt Lưu-Bị. Giả sử Ngô diệt được Lưu-Bị thì Ngô quận cũng không thể thoát khỏi tay thống trị của Tào-Tháo.

Khổng Minh và Châu Du đều đặt việc nước trên tình riêng.

Sở dĩ Khổng Minh thương khốc Châu Du vì Châu Du là một chiến hữu, là đũa đốc của một nước đồng minh, là rường cột của lực lượng mà Khổng Minh quyết tâm đoàn-kết lâu dài trên đường chiến đấu chống Tào. Còn Châu Du muốn hại Khổng Minh vì Châu Du quan niệm hẹp hòi rằng hại Tây Thục tức là có lợi cho Ngô.

Vì chủ-trương sai, Châu Du trở thành ác độc đối với một người bạn quyết tâm đoàn-kết lâu dài trên đường chiến-đấu.

Cái khốc của Khổng Minh, ta không thể cho đó là một thủ đoạn mờ mắt người mà trái lại phải nhìn nhận có đầy vẻ chân thành.

CHỌN NGƯỜI ĐỀ GIAO QUYỀN CHÍNH

Quản-Trọng đau nặng. Tề Hoàn công đến hỏi thăm, cầm tay mà nói rằng :

Trọng phụ đau nặng lắm, bất hạnh mà có sự gì thì ta biết giao quyền chính cho ai được ?

Bấy giờ Ninh-Thích và Tàn Tu Vô (1) đều mất cả rồi.

Tề Hoàn công hỏi :

— Ta muốn giao quyền chính cho Bảo Thúc Nha, Trọng phụ nghĩ thế nào ?

Quản-Trọng thưa :

— Bảo Thúc Nha là người quân tử nhưng không có tài chính-trị, hay phân biệt thiện ác quá. Yêu điều thiện thì phải ghét điều ác quá thì không ai chịu được. Bảo Thúc Nha thấy ai có điều ác gì thì suốt đời không quên, đó cũng là một điều dở.

Tề Hoàn công hỏi :

— Thấp Bàng (1) là người thế nào.

— Thấp Bàng là người hay hỏi kẻ dưới mà không thấy xấu hổ, lúc nào cũng lo nghĩ đến việc nước, có thể dùng được.

Tề Hoàn công lại hỏi :

— Còn Dịch Nha thế nào ?

Quản-Trọng thưa :

Chúa công không hỏi, tôi cũng sắp nói đến. Dịch Nha, Thu Điều và Khai Phương, ba người ấy quyết không nên gán.

(1) Ninh-Thích và Tàn-Tu-Vô là hai bậc hiền tài của Tề Hoàn công.

(1) Thấp-Bàng : là bề tôi hiền tài của Tề Hoàn công.

— Dịch Nha làm thịt con dê cho ta ăn, thế là yêu ta hơn yêu cha, còn nghĩ gì nữa ? (1)

— Tình người ta không gì yêu hơn con. Con mà nỡ như thế thì còn nghĩ gì đến vua.

Tề Hoàn công lại nói :

— Thụ Điều tự hoại mình đi để xin vào hầu ta, thế là yêu ta hơn yêu mình, còn nghĩ gì nữa ? (2)

— Tình người ta không gì yêu hơn thân. Thân mà nỡ như thế thì còn nghĩ gì đến vua.

Tề Hoàn công lại nói :

— Khai Phương là công tử nước Vệ, bỏ ngôi thế tử mà theo ta, khi cha mẹ chết cũng chẳng thiết gì về thế là yêu ta hơn yêu cha mẹ, còn nghĩ gì nữa !

— Tình người ta không gì thân hơn cha mẹ. Cha mẹ mà nỡ như thế thì còn nghĩ gì đến vua : Và lại ngôi thế tử sắp lên làm vua thì ai là không muốn, nay Khai Phương (3) bỏ ngôi thế tử mà theo chúa công thì tất còn muốn được hơn ngôi

(1) Dịch Nha : là người nấu ăn cho Tề Hoàn công. Một hôm Tề Hoàn công nói đùa : các giồng điền thửa, trùng ngư đều có ăn cả, chỉ có thịt của người ta là chưa biết mùi vị ra sao. Dịch Nha liền đem đĩa con dê lòng 3 ta làm thịt cho Tề Hoàn công ăn. Rồi được chuyện, Tề Hoàn công cho Dịch Nha yêu mình lắm nên rất tin dùng.

(2) Thụ Điều : là đứa đầy tớ, yêu của Tề Hoàn công muốn thân cận ở chốn nội đình nhưng ra vào không tiện, mới tự hiến mình để cầu tiến vào cung.

(3) Công tử Khai Phương là con của Vệ Huệ công thấy nước Tề cường thịnh nên xin sang làm quan ở Tề. Tề Hoàn công dùng làm quan đại phu. Dịch Nha, Thụ Điều và Khai Phương được vua yêu, nên nước Tề gọi là « tam quý »

thế tử nữa, Vậy chúa công chớ nên gặn. Gặn tất có ngày sinh loạn.

Tề Hoàn công hỏi :

Ba người ấy theo hầu ta đã lâu lắm, sao ta không thấy Trọng phu nói đến bao giờ ?

Quản Trọng thưa :

— Tôi không nói ra là để chiều ý chúa công. Thi vụ như nước, tôi làm cái bờ để để khiến cho nước khỏi tràn chảy. Nay bờ dè đã vỡ đi rồi thì khó lòng mà giữ được nước.

Tề Hoàn công nin lặng, cáo từ lui về.

Sau khi Quản Trọng chết, Tề Hoàn công giao quyền chính cho Thấp Bằng, nhưng chưa được một tháng thì Thấp Bằng chết. Quyền chính bấy giờ lại giao cho Bảo Thúc Nha. Bảo Thúc Nha xin đuổi ba người Dịch Nha, Thụ Điền và Khai Phương thì mới nhận chức tể tướng. Tề Hoàn công nghe theo. Nhưng sau nghe lời Trương Vệ Cơ (1) triệu cả ba về dùng. Bảo Thúc Nha can không được, uất lên mà chết. Từ bấy giờ nước tề lại sinh biến loạn.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Bảo Thúc Nha và Quản Trọng là đôi bạn thân. Bảo Thúc Nha đã từng chia cơm xé áo cho

(1) Trương Vệ Cơ : vợ của Tề Hoàn công. Vì sau Tề Hoàn công có cưới thêm một người gái đẹp nước Vệ cũng tên Vệ Cơ nên gọi trường Vệ Cơ và Thiếu Vệ Cơ.

Quản Trọng từ lúc hàn vi (1); ngay cả việc hiền đạt của Quản Trọng cũng do Bảo thúc Nha tiến cử. Vậy thay vì khi chết, Quản Trọng nên giao quyền chính lại cho Bảo Thúc Nha mới trọn tình bạn, mới đúng đạo nghĩa kim bằng,

Thế mà không.

Quản Trọng không đặt tình bằng hữu trên lễ công, không đem tình cảm cá nhân đề trên việc nước, vì Quản Trọng đã hiểu rõ cái bản chất của con người của Bảo thúc Nha, cái nhược điểm của Bảo thúc Nha.

Không được tiến cử lên địa vị tể tướng. Bảo thúc Nha không lấy đó làm phiền bạn là Bảo thúc Nha đã rất hiểu bạn, rất hiểu mình.

Tình bằng hữu như thế thật đáng quý.

Nhược điểm của Bảo thúc Nha ở chỗ nào ?

Không phải nhà chính trị không phân biệt điều thiện và điều ác. Chính trường không phải là chỗ hỗn tạp, chất chứa những phần tử bỉ ổi đề xen vào giữa những phần tử ưu tú như một mớ "tả bĩ lù". Nhà chính trị chân chính vẫn biết lấy điều thiện làm căn bản cho việc xây dựng đất nước, biết gần người thiện đề cùng mưu lấy một sự nghiệp vĩ đại. Nhưng yêu điều thiện, hoàn toàn ghét điều ác, thấy ai có điều ác gì thì suốt một đời không quên, đó là thái-độ của một nhà đạo đức, một bậc bậc quân tử, chứ không phải thái-độ của một nhà chính-trị.

Những bậc quân tử hiền nhân luôn luôn tránh

(1) Lúc còn hàn vi, hai người buôn chung, lúc chia với Quản Trọng bao giờ cũng lấy phần hơn. Nhưng Bảo Thúc không cho là tham vì biết Quản Trọng gặp cảnh quần bách, bất dục dĩ phải lấy thế.

xa cái ác, không bao giờ gần người bất thiện « gần người hiền như vào nhà có cỏ chi cỏ lan ; gần kẻ ác như vào hàng cá, hàng tôm hôi hám. »

« Thấy điều gì ác thì suốt đời không quên được » đó là khuyết điểm của người quân tử. Ta nên biết rằng : trong xã hội nào cũng có kẻ ác, người thiện, cái khéo của nhà chính-trị là biết phương pháp lãnh-đạo, đề-điều khiến họ trong một công tác nào thích hợp, để lần lần hoán cải họ trở nên thiện. Nhà binh pháp Ngô Khởi đời Chiến quốc có nói : « Dùng người như dùng gỗ », gỗ tốt hay xấu đều hữu dụng, cho nên không gỗ nào là không xài, chỉ có điều biết xài hay không biết xài thế thôi.

Bảo Thúc Nha chỉ là một bậc quân tử, một nhà đạo đức chứ chưa phải là một nhà chính-trị. Sự nhận xét của Quản Trọng rất tinh-vi.

Làm thịt con cho nhà vua ăn, thiến mình để được vào hầu, bỏ ngôi thế tử để theo, quả thật là những người khó tìm. Họ dám cắt đứt tình huyết mạch, hủy hoại thân mình, bỏ trước vị giàu sang để đi phục vụ cho một người, như vậy thật đáng hoan hô, nhưng tại sao Quản-Trọng lại cho là những kẻ không nên gần ? Gần họ tất sinh loạn !

Quản-Trọng cho rằng : Giết con thì yêu người thế nào được, không yêu mình thì yêu người thế nào được ? Nhận xét như thế chỉ đúng có một mặt. Giới Tử Thôi cắt thịt đùi mình để nuôi vua (1), ta

(1) Công tử Trùng Nhĩ là con của Tấn Diển công. Vì Tấn Hiến công nghe lời năng Ly Cơ giết con trưởng là Thân Sinh nên Trùng Nhĩ sợ bị hại nên phất cùng một số bề tôi chạy trốn sang nước Địch, sau lại sang nước Vệ. Giữa đường nhịn đói, không cơm cháo ăn. Trùng Nhĩ không thể ăn rau sam luộc trừ cơm được. Bấy giờ bề tôi theo phò là Giới Tử Thôi cắt thịt đùi mình nấu cháo cho Trùng Nhĩ ăn.

không thể phủ nhận tinh-thần hy-sinh cao quý của một bề tôi như thế !

Có điều giá-trị cần xem xét là : kẻ dám hy-sinh con, hy-sinh mình cho người là khi con-người ấy ở vào hoàn-cảnh gay-cấn, ở vào địa vị thấp hèn, thì sự hy-sinh kia mới có giá-trị. Trái lại, khi con người ấy đương ở trên ngôi cao tước cả có thể lực mạnh thì chỉ có kẻ nịnh-bợ, vị-kỷ, muốn tiến thân mới dùng những hình thức như thế thôi. Đó là những hành-vi hèn hạ của những bề tôi đua nịnh, chờ gió trở cờ.

Gần những kẻ đó thì sinh loạn.

Khi Quản-Trọng còn sống dùng bọn chúng vì Quản-Trọng là người có tài, là « một cái bờ để cản nước », nay Quản-Trọng chết cũng như « cái bờ để cản nước », nay Quản-Trọng chết cũng như « cái bờ để cản nước » kia vỡ, nước thừa dịp tràn » Tể Hoàn công không phải là « một bờ để cản nước », lại không nghe lời chúc của Quản-Trọng, nước hư là điều không tránh khỏi.

*
*
*

GIỮ CHÙA, THỜ PHẬT THÌ ĂN OẢN

Nguyễn Kim (1) đem binh tiến đánh Sơn nam, đi đến huyện Yên mỗ bị người Dương chấp Nhứt

(1)-Nguyễn Kim : con của ông Nguyễn Hoằng Dụ đời nhà Mạc, làm quan Hữu vệ Điện tiền tướng quân An thành hầu trốn sang Ai lao. Ông Nguyễn Kim cho người đi tìm con cháu nhà Lê để đồ sự khôi phục.

là hàng tướng nhà Mạc (1) đánh thuốc độc chết. Bình quyền giao cả lại cho rể là Trịnh Kiểm (2).

Trịnh Kiểm rút quân về Thanh hoá lập hành điện ở đồn Vạn Lại (3) để cho vua ở, rồi chiêu mộ những kẻ hào kiệt (4) luyện tập quân sĩ, tích trữ lương thảo để lo việc đánh họ Mạc.

Sau khi vua Lê Trang Tôn (5) chết, Trịnh Kiểm lập thái tử tên Duy Huyền lên làm vua tức Trung Tôn, nhưng được 8 năm thì mất.

Vua Trung Tôn mất, không có con, vả lại bấy giờ dòng dõi họ Lê không còn ai, việc binh quyền ở trong tay Trịnh Kiểm cả,

Trịnh Kiểm do dự muốn tự xưng làm vua nhưng chưa dám định hẳn bề nào. Các quan cũng chẳng có ý kiến quyết định. Bấy giờ Trịnh Kiểm lên cho người ra Hải dương hỏi ông Nguyễn bỉnh Khiêm

(1) Nhà Mạc : do Mạc Đăng Dung (1527-1529) sáng lập thảo trở làm nghề đánh cá, có sức mạnh sau thì dõ Đô lực sĩ làm đến Đô chỉ huy sứ dõn vua Lê Uy Mục. Sau đoạt ngôi nhà Lê.

(2) Trịnh Kiểm : người làng Sộc sơn huyện Vĩnh lộc phủ Quảng hoá. Ông Nguyễn Kim thấy người có tài, gả con gái là Ngọc Bảo để cùng ra giúp nhà Lê diệt nhà Mạc.

(3) Vạn-lại thuộc huyện Thụy nguyên tỉnh Thanh hoá.

(4) Người có tài xuất chúng,

(5) Lê Trang Tôn : tên Duy Ninh, con rể của vua Chiêu tôn. Ông Nguyễn Kim lập lên làm vua tại đất Cầm châu (Lập) sau đưa về Thanh hoá, làm vua được 16 năm.

(1) tức là Trang Trinh, xem nên làm thế nào ?

Ông Nguyễn bình Khiêm không nói gì cả, chỉ ngoảnh lại bảo đầy tớ rằng :

— Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ.

Nói rồi, ông lại sai đầy tớ ra bảo tiểu quét dọn chùa và đốt hương để ông ra viếng chùa, lại bảo tiểu rằng ;

— Giữ chùa, thờ phật thì ăn oản (2)

Sứ giả về kể chuyện lại cho Trịnh Kiểm nghe. Trịnh Kiểm hiểu ý mới cho người đi tìm con cháu họ Lê. Sau tìm được người cháu huyền tôn của ông Lê Trừ, anh vua Thái Tổ, tên Duy Bang rước về, lập lên làm vua.

Con thứ của Trịnh Kiểm là Trịnh Tùng (3) khi diệt được họ Mạc, thu giảng san lại cho nhà Lê rồi

(1) Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585) tự Hanh phủ, hiệu Bạch Vân cư sĩ, người làng Trung am, huyện Vĩnh lai (nay là phủ Vĩnh bảo, tỉnh Hải dương) đồ trạng nguyên đời Mạc Đăng Doanh, được phong tước Trịnh quốc công nên tục gọi là Trang Trinh. Sau ông về trí sĩ, cất nhà ở làng gọi là Bạch Vân am, chỉ đi thưởng ngoạn phong cảnh và ngâm vịnh thơ văn.

(2) Oản là lễ phẩm bằng xôi đóng vào khuôn hình tròn. Ca dao có câu (Chờ khính chùa Tích không thờ ; mà đem xôi oản cúng như gốc cây).

(3) Trịnh Kiểm chết trao quyền lại cho con trưởng là Trịnh Cối. Cối hay say đắm tiêu sắc, tương sĩ không mấy người phục, Trịnh Tùng là em muốn cướp ngôi mới cùng với bọn Lê Cập Đệ, Trịnh Bách rước vua về đồn Vạn lai rồi chia quân chống Trịnh Cối. Cối địch không nổi trở về hàng nhà Mạc.

thì nắm giữ toàn quyền chính, định lệ cấp bổng cho vua (1).

Tự đó về sau, họ Trịnh cứ thế lập làm vương, tục gọi là chúa Trịnh.

Việt sử

LỜI BÌNH

Phạm Tăng, (2) quân sư của Hạng Lương (3) bảo Hạng Lương : «*Tướng quân nghĩa binh mới dấy mà thiên hạ bốn phương nghe tiếng đều đến đầu là chẳng có chi khác. bởi trước kia tướng quân đòi đòi làm tôi cho nước Sở, chắc lập lại dòng Sở mà giết đũa vô đạo. Nay lo kế, thì chi cho bằng lập dòng Sở lại trước mà tùy theo nguyện vọng của người thì thiên hạ ai lại chẳng bảo rằng : «*Hạng tướng quân chẳng phải lo lập cho mình mà sự thật là lo lập dòng Sở lại đặng báo cừu cho lục quốc* (4). Nếu tướng quân khởi nghĩa với danh nghĩa đó thì lòng*

(1) Nhà vua được thu thuế 1.000 xã, gọi là Lộc thượng tiến cấp cho vua 5.000 lính để làm quân túc vệ. Còn những việc đặt quan, thu thuế, bắt lính, trị dân đều thuộc cả về quyền họ Trịnh. Chỉ có khi nào thiết triều hay tiếp sứ thì mới cần đến nhà vua.

(2) Phạm Tăng, người đời Tây Hán, có tài mưu trí làm làm quân sư cho Hạng Võ được tôn làm A phụ. Ông 70 tuổi mới ra làm quan.

(3) Hạng Lương : chủ của Hạng Võ dòng dõi của Hạng Yên, tướng nước Sở khởi binh tại đất Cối Kê để đánh Tần Thủy hoàng. Sau bị tướng Tần là Chương Hàm giữa đêm cướp trại giết chết.

(4) Sáu nước đời Chiến quốc : Yên, Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, thêm nước Tần vào, sẽ gọi là Thất Hùng.

người kinh phục, chư hầu đều bằng lòng, nước Tàu dù mạnh thế mấy, chỉ trong một chiều, tướng quân phá cũng xong».

Hạng Lương cho là phải nên cho người tìm Mễ Tâm, cháu đích tôn của Sở Hoài vương tôn lên làm vua.

Khởi binh để trừ đũa bạo mà còn phải dựa vào một danh nghĩa để thu phục nhân tâm, làm hậu thuẫn cho cuộc chiến tranh chính nghĩa của mình, đó là một lập trường chính trị rất cứng cáp.

Ở Việt Nam, Mạc Đăng Dung đã cướp ngôi nhà Lê (năm Đinh Hợi 1527), mặc dù nhà Lê muốn suy nhưng Mạc Đăng Dung dù sao cũng mang phải tiếng thoán đoạt. Thoán đoạt là bất chính thì làm sao thu được lòng người; huống chi nhà Lê dựng nghiệp do Lê Lợi đã có một thành tích cứu quốc, kiến quốc vẻ vang trong lịch sử Việt Nam.

Nay họ Trịnh trước phò nhà Lê, hưởng bổng lộc của nhà Lê, nhờ nhà Lê mới được cầm lấy binh quyền, bây giờ lại cạy công, ỷ thế phế bỏ họ Lê thì dù muốn dù không cũng diễn lại cái trò của họ Mạc. Cái trò « mất nhân tâm » ấy làm sao tạo được một hậu thuẫn nhân dân mạnh mẽ, để diệt trừ được nhà Mạc hầu xây dựng công danh địa vị rực rỡ của mình.

Hạng Vô sau giết Sở Hoài vương rồi xưng mình là Sở Bá vương, làm thêm một việc thất nhân tâm, nên lợi dụng khuyết điểm đó, Lưu Bang càng đánh mạnh hơn nữa, và nhân dân càng quyết tử giúp Lưu Bang hơn nữa trong cuộc Hán Sở tranh hùng.

« Lấy hột giống cũ mà gieo mạ » là tìm lấy họ Lê lập lên làm vua « giữ chùa, thờ Phật thì ăn oản » nhờ phò nhà Lê, họ Trịnh mới lập nên nghiệp

chúa. *Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm* quả thực là một nhà chính trị có tài.

Giữ chùa, thờ Phật mà không chăm sóc, cung kính thì tin đồ ai còn tin tưởng mà đem oản lại dâng cho ăn ? Vì thế, họ Trịnh sau khi xưng Chúa, lần ép quyền vua Lê, đó là một cơ hội để cho Nguyễn Huệ (1) đem binh từ Nam đánh chiếm Bắc hà dứt họ Trịnh một cách dễ dàng.

Ngay khi Nguyễn Huệ đem binh đánh Bắc hà đề diệt Trịnh cũng lấy danh nghĩa “ **phò Lê diệt Trịnh** ” quả thật là một chính trị gia dạn.

LA CỜ NHÂN NGHĨA

Tổng Trương công (2) đánh nước Trịnh (3) nghe tin quân nước Sở (4) kéo sang đánh Tống (5)

(1) Nguyễn Huệ : em ông Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ, người huyện Hương nguyên, tỉnh Nghệ an. sau lại về ở ấp Tây sơn thuộc đất Qui nhơn. Người có tài giỏi, giữa lúc Trịnh Nguyễn phân tranh, ông cùng hai anh là Nguyễn Nhạc Nguyễn Lữ nổi lên, được nhân dân ủng hộ. Ông đại phá được 20 vạn quân Thanh tại gò Đống đa, ghi trong lịch-sử một trận đại thắng vẻ vang.

(2) Tổng Trương công là con cháu nhà Ân. Nguyên nhà Ân bị nhà Châu lấy mất thiên hạ rồi phong cho con cháu nhà Ân làm vua nước Tống.

(3) Trịnh, một nước nhỏ thời Xuân thu ở huyện Tân trịnh, một phần đất phủ Khai phong, thuộc tỉnh Hà nam ngày nay.

(4) Sở, một nước ở thời Xuân thu ở tỉnh Hồ bắc Hổ nam ngày nay.

(5) Một nước ở thời Xuân thu ở huyện Thương Khưu tỉnh Hà nam ngày nay.

vội vàng thu quân trở về, đóng ở phía nam sông Hoảng thủy để đối địch với quân Sở. Thành Đắc Thần (1) sai người đưa chiến thư cho Tổng Tương công.

Quan tư mã (2) của nước Tống là Công Tôn Cố, bảo Tổng Tương công :

— Nước Sở đem quân tới đây là cốt để cứu nước Trịnh, nay ta nói với nước Sở, xin không đánh Trịnh nữa thì nước Sở tất rút quân về.

Tổng Tương công nói :

— Ngày xưa Tề Hoàn công (3) đem quân sang đánh Sở, nay Sở đến đánh mà mình lại thôi thì sao hỡi được công nghiệp bá chủ của Tề Hoàn công.

Công Tôn Cố lại nói :

— Ngày nay áo giáp của nước ta, không bền bằng nước Sở ; đồ binh của ta, không tốt bằng nước Sở ; quân sĩ của ta không mạnh bằng nước Sở. Người nước Tống ta sợ quân Sở như giống rắn rết, chưa công chắc về cái gì mà dám đánh ?

Tổng Tương công bảo :

— Kể binh giáp thì nước Sở hơn ta, nhưng kể nhân nghĩa thì ta hơn nước Sở. Ngày xưa, vua Vũ vương nhà Chu (4) chỉ có ba ngàn quân mà đánh

(1) Thành Đắc Thần : quan đại phu của nước Sở.

(2) Quan tư mã : quan chuyên coi về quân đội đời xưa bên Tàu.

(3) Tề Hoàn công tức công tử Tiểu Bạch. Xem chú giải bài • Muốn chinh đồn giềng mối của nước •

(4) Vũ vương : tên Cơ Phát con của Văn vương Cơ xương, cầm binh đánh vua Trụ. Vì chính nghĩa nên các trăn chư hầu đều theo, sau diệt được Trụ, lập thành nhà Chu.

nổi ức vạn quân của vua Tru, cũng nhờ về sự giữ được nhân nghĩa đó thôi, can chi mà sợ.

Nói xong liền phê vào chiến thư hẹn ngày giao chiến. Tổng Tướng công lại cho người làm một lá cờ thật to để cắm ở trên xe. Trong lá cờ có đề hai chữ « nhân nghĩa »

Trời sáng rõ, quân Sở lục tục kéo sang. Công Tôn Cổ nói với Tổng Tướng công :

— Quân nước Sở chờ trời sáng rõ mới kéo sang dò, thế là có ý khinh ta. Nay ta nhân lúc chúng đương sang dò mà xông vào đánh thì tất có thể phá vỡ được. Nếu để cho quân Sở sang xong thì quân Sở nhiều, ta ít, địch làm sao nổi ?

Tổng Tướng công trở vào lá cờ mà bảo :

— Nhà ngươi không trông thấy hai chữ « nhân nghĩa » hay sao ? Ta dùng quân rất đường hoàng, có lẽ nào nhân lúc người ta đương sang dò mà xông vào đánh bao giờ !

Giữa lúc ấy thì quân Sở sắp bày hàng trận, khí thế hiên ngang. Công Tôn Cổ lại tấu với Tổng Tướng Công :

— Quân Sở còn đương sắp hàng bày trận, xin chúa công xông vào đánh ngay thì chúng tất phải vỡ.

Tổng Tướng công nhổ vào mặt Công Tôn Cổ mà mắng rằng :

— Chao ôi ! Nhà ngươi chỉ tham cái lợi một lúc mà không nghĩ đến điều nhân nghĩa muôn đời hay sao ! Ta dùng quân rất là đường hoàng, có lẽ nào nhân lúc người ta chưa sắp hàng bày trận xông mà xông vào đánh bao giờ.

Quân Sở sắp hàng bày trận xong, quân Tống trông thấy khí thế hùng dũng của đối phương đều lấy làm sợ hãi.

Trong khi sắp chiến, quân Tống đại bại, là cớ nhân nghĩa bị quân Sở đoạt mất. Khi Tống-Tương công và Công Tôn Cổ trở về kinh đô nước Tống, thì quân Tống bị Sở giết hại không biết bao nhiêu mà kể. Những cha mẹ vợ con đều khóc lóc than thở, oán Tống-Tương công không nghe lời Công Tôn Cổ đề đến nỗi đại bại như thế. Tống-Tương công thở dài, than :

— Người quân tử ra trận không dâm người đã bị thương rồi, không bắt người già hai thứ tóc, ta đây cũng chỉ cốt lấy điều nhân nghĩa, bắt chước chi những thói tàn bạo ấy !

Người trong nước nghe lời nói ấy đều chê cười.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

« Người quân tử ra trận không dâm người đã bị thương rồi. . . », Tống-Tương công nói như thế không phải là không chính đáng. Thái độ ấy là thái độ của một nhà đạo đức, quân tử ; thái độ ấy cần có ở một quân nhân.

Quan Công đời « Tam quốc » không giết người dưới ngựa mới thâu phục được lão tướng Huỳnh Trung, giúp thêm một rường cột cho nước Thục ; và nhờ đó mới được hậu thế, ngay cả người đồng thời

cũng tôn sùng là kẻ nghĩa khí, cho là một gương sáng đáng soi. (1)

Gia-Cát Không-Minh bắt Mạnh Hoạch (2) bảy lần tha, nhờ đó mà chinh phục được Mạnh Hoạch, một tay lợi hại trở thành một kẻ phụng sự đắc lực.

Thân phụ của nhà thơ danh tiếng Vít-to Huy-gô (Victor Hugo) ở Pháp, vào một buổi chiều tàn đi khảm mặt trận, còn cho tên lính Đức — kẻ tử thù — đương bị thương uống nước (3).

(1) Quan Công và Huỳnh Trung là tướng đời Tào Quốc. Quan Công đánh cùng Huỳnh Trung, hai bên chông phân thắng bại. Quan Công giả thua bỏ chạy định dùng kế dả dao chém trái lại, Huỳnh Trung đuổi theo vì chạy mau, ngựa vấp ngã xuống Huỳnh Trung xuống đất. Quan Công quay trở lại đưa cán dao để Huỳnh Trung báo quay trở về thay ngựa khác đánh nữa. Huỳnh Trung cảm nghĩa khí ấy mà đầu.

(2) Mạnh Hoạch : là chúa Nam mang (ở ở về phía nam), đánh với Không Minh. Vì thấy Mạnh Hoạch là người có uy tín trong dân rợ này, nên Không Minh tìm cách chinh-phục Mạnh Hoạch dần hàng để dễ bề cai trị dân này. Có người cho rằng : Nam mang này là nước Việt Nam nhưng tra cứu trong Việt sử thì nước Việt Nam bây giờ gọi là đất Giao châu thuộc về Đông Ngô. Bạn nào biết xin chỉ giáo.

(3) Victor-Hugo (1802 - 1885), một nhà thơ danh tiếng ở Pháp. Trong thiên thi ca hát hủ « Sau chiến cuộc » (Après la bataille) ông tả một trận giặc đã tàn vào một buổi chiều. Thân phụ ông là một võ quan đi thăm mặt trận. Giữa lúc ấy có tên lính Đức bị thương nặng đương rên rỉ đòi uống nước. Đông mỗi tử lâm, thân phụ ông đưa tay lấy bầu nước của mình đeo bên hông định cho uống. Thưa dịp ấy, tên lính Đức rút lấy súng, thét lên một tiếng, bắn ngay vào thân phụ ông. Nhưng may, viên đạn chỉ phớt ngang qua mũ. Thân phụ ông vẫn điềm nhiên bảo « Cứ cho uống ! cứ cho uống ! »

Nhưng thái-độ ấy là thái-độ của một kẻ mạnh, kẻ đương thắng thế. Áp dụng thái-độ ấy vào trường hợp yếu thế là đại khờ, là hoàn toàn thất bại, làm trò cười cho người đời, mua lấy tiếng mỉa mai của thiên hạ.

Muốn thắng giặc phải chờ lúc giặc sơ hở, làm chủ được tình hình, chủ động được chiến cuộc, dùng chiến thuật dĩ dật đãi lao, (lấy khỏe đánh mệt) xuất kỳ bất ý, công kỹ vô bị mà đánh mạnh hẳn lên. Một khi giặc thua bỏ chạy, phải truy kích ráo riết để tiêu diệt hoàn toàn lực lượng của địch, đừng để địch có thời giờ tập trung, củng cố thế lực... Nếu thủ lấy nghĩa nhân, không giết địch khi địch ở vào thế nguy, để đợi địch an, sung túc lực lượng, biểu dương uy thế, từ thế bị động chuyển sang chủ động... thì đó là bị giặc đánh chó không phải đánh giặc; và cuối cùng chỉ còn cách mạng lấy nghĩa nhân xuống xài dưới âm phủ.

Sơ lực lượng. Tổng yếu hơn Sở. Trong cuộc sát phạt quyết định thư hùng mà thực hiện chữ « nhân nghĩa » bằng một cách phiến diện như thế là thái độ của kẻ khùng ngố. Phê bình thái độ của Tống Tương công, chúng ta mượn lời phản nân của Công Tôn Cổ với quan đại phu Dục Bộc Y : « Sự chinh chiến cốt ở sát phạt mà lại nói nhân nghĩa, thì tôi thật không hiểu cái nhân nghĩa của chúa công ra thế nào ? Chẳng qua là trời thu mất hồn phách của chúa công, tôi lấy làm nguy lắm ! »

Phải lắm ! Nhân nghĩa mà không có uy, không có thực lực để làm hậu thuẫn thì đừng nói nghĩa nhân. Đó là nghĩa nhân suông, nghĩa nhân hại mình, nghĩa nhân đi tự tử.

TÀO THÁO CẮT TÓC THỂ ĐẦU

Tào Tháo đem binh đánh Trương Tú.

Giữa lúc ấy, dọc đường lúa mạch đã chín. Dân chúng thấy quân đến, trốn tránh các nơi chẳng dám gặt lúa. Tào Tháo thấy vậy sai người truyền dụ khắp nơi :

Ta vàng mình chiến của thiên tử đem binh dẹp loạn, vì dân mà trừ hại, nay vừa lúc lúa chín, cực chẳng đã mới dấy binh. Vậy các trượng sĩ lớn nhỏ nếu ai đi qua mà dầy đập lúa mạch thì bị xử tử ngay. Quân pháp rất nghiêm, chúng dân chớ kinh sợ chi cả.

Bá tánh (1) thấy lời dụ ấy rất vui mừng, liền ra đón đường mà lay.

Quan quân đi qua đám lúa mạch đều xuống ngựa, lấy tay nâng gié lúa chuyền đưa cho nhau mà qua không một ai dám giẫm phải. Tào Tháo cưỡi ngựa đương đi, bỗng trong đám lúa có con chim cưu sộ bay lên làm con ngựa của Tào Tháo giật mình nhảy vào trong lúa, đạp hư lúa mạch hết một khoảnh lớn. Tào Tháo liền kêu quan chủ bộ nghị tội mình đã đạp lúa. Quan chủ bộ nói :

— Không lẽ nghị tội thừa tướng được.

Tào Tháo bảo :

— Ta đã chế phép mà lại phạm phép thì lấy chi mà phục chúng,

Nói thế rồi liền rút gươm đeo mà tự vẫn.

Chúng tướng giật lấy gươm, Viên mưu sĩ của Tào Tháo là Quách Gia nói :

(1) Bá tánh là toàn dân.

— Lấy theo nghĩa trong kinh Xuân thu (1) thì phép chẳng buộc nơi bực tôn, thừa tướng lãnh đại quân lẽ nào lại hại mình như vậy !

Tào Tháo suy nghĩ một lát rồi nói :

— Nếu theo nghĩa Xuân thu, phép chẳng buộc nơi bực tôn thì ta khỏi thác.

Nói thế rồi liền lấy gươm cắt tóc mình quẳng xuống đất, bảo rằng :

Cắt tóc quyền thế cho đầu.

Rồi khiến người lấy tóc truyền rao cho tam quân rằng : « Thừa tướng đập lúa vốn đáng chém đầu, nay phải cắt tóc mà thế ». Ba quân thấy thế đều sợ, không một kẻ nào dám chẳng tuân theo

Tam quốc chí

LỜI BÌNH

Bá tánh vui mừng, ra đón đường mà lạy là điều rất đúng, vì kẻ lãnh-đạo đã biết trọng quý của dân. Lời truyền dụ của Tào Tháo đã biểu-lộ một đức tính của kẻ chỉ-huy là biết vì quyền lợi của nhân dân, biết nhận thức quyền lợi, địa-vị của mình, gần liền quyền lợi của dân chúng.

Lúa là mạch sống của nhân dân, là mạch sống của quân đội, là « mạch sống » trong cuộc tranh chấp của kẻ muốn mưu bá đồ vương. Nó có một mối quan-hệ thật chặt chẽ duy nhất như thế.

(1) Xuân thu: tên bộ sử biên niên do đức Khổng tử soạn theo sử cũ nước Lỗ mà soạn định lại. Xuân thu, cùng với Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi và Kinh Lễ được kể làm 5 kinh (ngũ-kinh) của nhà Nho.

Một điểm đặc-biệt đáng chú ý hơn nữa, lời truyền dụ của Tào-Tháo lại kèm theo một kỷ-luật gả gao, để làm một hậu thuẫn cho sự thi hành lời dụ một cách hiệu lực.

Một tổ-chức nào cũng vậy, muốn được mạnh, muốn được chặt chẽ, cố nhiên cần có kỷ-luật để bảo vệ. Nhất là quân đội, vốn có tính-chất quân-phiệt, nếu không áp dụng một kỷ-luật sắt thì quân đội ấy xa lìa nhân dân, trở nên hỗn độn, tan vỡ, ăn cướp...

Áp dụng kỷ-luật không phải chỉ riêng để cho kẻ dưới mà ngay cho kẻ bề trên. Người đặt ra kỷ-luật lại càng phải nghiêm-khắc mình, thận trọng mình.

Nhưng Tào-Tháo buộc người thi hành kỷ-luật xử tử mình khi phạm kỷ-luật, sự thật Tào-Tháo chưa nghiêm khắc mình. Giữ kỷ-luật không có nghĩa là khi phạm kỷ-luật cố nhiên đem ra xử tử, mà điều cần thiết là biết kỷ-luật để giữ cho khỏi phạm. Đó là điều đáng chú ý.

Tào-Tháo đặt ra kỷ-luật là một việc làm đáng hoan hô. Nhưng thực tế, Tào-Tháo lại là người không giữ kỷ-luật. Tại sao giữa lúc bình sĩ đều giữ kỷ-luật bằng cách xuống ngựa, đưa tay đỡ từng gié lúa chuyển nhau đi qua thì « thừa tướng » không « dăm » cùng làm như thế, lại còn ngồi trên ngựa để phạm phải kỷ-luật. Vả lại, có ai mà bắt chúa tướng xử tử bao giờ nhất là giữa lúc hành quân, nhất là ở một thời-dại quân chủ phong kiến.

Tào-Tháo đã thừa hiểu.

Cải tổc bảo quyền thế cho đầu để bảo vệ kỷ-luật, rõ thật là một chính-trị giả trá. Ba quân không sợ làm sao được vì cái chính-trị giả trá ấy.

Khi cầm quân đánh Trương Tú, dọc đường hết nước, tướng sĩ đều khát, Tào-Tháo biến ra một chước lấy roi chỉ tới trước mà bảo : « Trước mặt có rừng mai kia kia ! ». Sự thực, khi đến nơi thì không thấy rừng mai đâu cả. Tuy vậy khi nghe nói, quân sĩ đều rõ nước miếng mà hết khát.

Tào-Tháo đem câu chuyện này khoe với Lưu Bị một cách tự-đắc.

Ta thấy rõ Tào-Tháo tuy hay, tuy khéo, có thủ đoạn nhiều, sáng kiến dồi dào, chính-trị giỏi nhưng than ôi, chỉ là một chính-trị lừa bịp, giỏi dối trá mà thôi.

Phê bình việc « cắt tóc thay cho đầu », trong « Tam quốc chí » có câu :

**« Mấy muốn quân sĩ mấy muốn lòng,
Linh đã truyền ra há dám không.**

**Cắt tóc tạm quyền làm thủ cấp,
Tào man gian trá thật vô song ».**

Gian-trá nhưng mà hay.

* * *

CAN KHÔNG SỢ BỊ XỬ TỬ

Sở Trang viơng lên làm vua, đã ba năm trời mà không làm một việc gì cả. Ngày nào nhà vua cũng chỉ đi săn bắn và cùng với mỹ nữ uống rượu vui chơi ở trong cung. Nhà vua lại còn tuyên-yết ở chốn triều môn : « Nếu ai can thì bắt phải tội chết »

Quan đại phu (1) là Thân Vô Úy vào yết-kiến Sở Trang vương, thấy nhà vua tay phải ôm Trịnh Cơ, tay tả ôm Sái Nữ, chung quanh chỗ ngồi đều đầy những nhạc khí. Sở Trang vương hỏi Thân Vô Úy :

— Quan đại phu đến đây có muốn uống rượu không ? Có muốn nghe hát không ? Hay là muốn nói lời gì đó ?

— Thân Vô Úy thưa :

— Tôi tới đây không phải là muốn uống rượu và nghe hát. Nguyên vì vừa rồi tôi đi chơi, có người đem một câu đối nói với tôi nhưng tôi đoán không ra được, vậy tôi muốn tâu để đại vương nghe.

— Câu đối gì mà quan đại phu không đoán ra được, vậy nói cho ta nghe

Thân Vô Úy thưa :

— Có một con chim lớn, lông đủ năm sắc rất đẹp, đậu ở trên 'gò cao nước Sở, đã ba năm nay mà không thấy bay, cũng không nghe kêu, không biết là con chim gì ?

Sở Trang vương hiểu là có ý can mình, cười bảo :

— Ta đã biết rồi ! Con chim ấy không phải là con chim thường, ba năm không bay, bay tất cao tận trời ; ba năm không kêu, kêu tất làm cho người ta phải khiếp sợ. Đại phu hãy đợi mà xem :

Thân Vô Úy sụp lạy rồi lui ra.

Nhưng không có gì thay đổi, Sở Trang vương vẫn chơi bởi phư cũ, Quan đại phu là Tô Tông xin

(1) Một quan to đời xưa bên Tàu, dưới quan khanh, trên quan sĩ :

vào yết kiến. Khi vào trông thấy Sở Trang vương, Tô Tông liền òa lên khóc.

Sở Trang vương hỏi :

— Tào sao mà khóc lóc như thế ?

Tô Tông thưa :

— Tôi khóc là vì nỗi thân tôi sắp chết, mà nước Sở cũng sắp mất.

— Vì có gì mà nhà ngươi chết, lại vì có gì nước Sở mất ?

— Tôi muốn can đại vương, đại vương tất không nghe mà giết tôi. Tôi chết thì nước Sở không ai dám can nữa, mà đại vương cứ say đắm tử sắc, chẳng thiết gì đến chính-sự, như thế thì còn gì nước Sở mà không mất ?

Sở Trang vương sầm nét mặt lại, bảo :

— Ta đã có lệnh : ai can thì bắt tội chết, sao nũa ngươi đã biết là chết mà còn dám can, chẳng ngu dại lắm ru ?

Tô Tông thưa :

— Tôi dầu ngu cũng chưa đến nỗi ngu lắm như đại vương.

Sở Trang vương nổi giận :

— Sao nhà ngươi lại dám bảo ta là ngu lắm ?

— Đại vương làm vua một nước, quân mã hùng cường, các nước chư hầu đều sợ hãi mà phải đến triều cống, đó là cái lợi muôn đời, nay đại vương say đắm tử sắc, chẳng thiết gì đến chính sự, khiến cho nước lớn đánh ở mặt ngoài, nước nhỏ phản ở mặt trong, thế là chỉ ham cái vui một lúc mà bỏ cái lợi muôn đời, vậy không phải ngu là gì ? Cái ngu của tôi chỉ đến cái chết mà thôi ; nhưng đại vương giết tôi, hậu thế sẽ cho tôi là trung thân

vì tôi như Tỷ Càng (1) thuở trước, vậy thì tôi chẳng ngu chút nào. Còn cái ngu của đại vương, tôi e rằng cầu làm một đũa thất phu (2) cũng không thể được ! Thôi, tôi nói đến đây là hết, tôi xin mượn thanh gươm của đại vương mà đâm cổ ở trước mặt đại vương, để khỏi trái với mạng lệnh của đại vương đã ban bố.

Sở Trang Vương vội vàng đứng dậy, ngăn Tô Tông và bảo :

— Lời của quan đại phu thật là trung trực lắm, vậy ta xin nghe.

Nói xong, liền truyền bỏ những đồ âm nhạc, đuổi Trịnh Cơ, xa Sái Cơ, rồi lập Phàn Cơ làm chủ trông cung. Sở Trang vương lại nói :

— Khi trước ta hay săn bắn, Phàn Cơ thường hay khuyên can ta mà ta không nghe, sau Phàn Cơ không ăn thịt thú. Ấy là một người hiền nội trợ của ta đó.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Thấy vua sai lầm, làm tôi cần phải can gián là một điều phải làm. Biết rằng can thì sẽ bị tử hình mà dám can là một bề tôi chỉ biết vận mạng tối cao của nước mà không tha-thiết đến vận mạng của mình. Đó là một hành-vi của một bề tôi trung liệt, đáng khen. Nhưng can mà giữ vẹn được sinh

(1) Tỷ Càng : làm quan *đội* nhà Thương, một kẻ trung thần vì can *vưu* Trụ mà bị giết.

(2) Thất phu : là một tên dân tầm thường.

mạng mình, người nghe lại biết hối cải là một điều càng đáng khen vì cần có nghệ thuật.

Thân Vô Úy tuy can gián Sở Trang vương nhưng can bằng một lối gián-tiếp, xa xôi, khéo léo ấy không làm cảm động được nhà vua. Vì ta thấy Thân Vô Úy còn sợ chết. Nói như thế không phải ta phủ-nhận giá-trị của sự can gián ấy. Dù sao nó cũng đánh được một tiếng chuông đầu tiên để cảnh tỉnh nhà vua.

Sự can gián của Tô Tông thì tích cực, quyết liệt hơn, Trước nhất, cái khóc của Tô Tông đã đánh mạnh vào ý tưởng của Sở vương. Săm nét mặt lại không phải coi kẻ can gián kia là kẻ hoàn toàn phạm phải lời tuyên-yết, mà là tỏ vẻ khó chịu, ngạc nhiên trước một con người dám chịu hành hình.

So sánh cái vui một lúc với cái lợi muôn đời, so sánh giữa cái ngu với cái không ngu và danh tiếng ở đời, Tô Tông quả là con người túc trí, có khoa ngôn ngữ, vốn được cái màn u minh che phủ óc sáng suốt của nhà vua.

Thói thường ai lại không nghĩ đến hậu vận, tương lai, nhất là các vua chư hầu trong cuộc tranh bá đồ vương lẽ nào không tha-thiết đến cái lợi muôn đời. Sở dĩ quên mất đi là vì bị sắc dục làm mờ ám thần trí, nếu có bề tôi hiền chỉ rõ, vạch trần thì rất dễ hối tỉnh.

Tuy vậy, can gián cũng tùy ở trình độ, tâm lý của con người. Tử Càn, Hoàng Phi Hồ, Khương Tử Nha, Cơ Xương... là những đáng tối hiền của Trụ vương không phải là không có tài trí, thiếu khoa ngôn ngữ, thiếu một nghệ thuật can gián khéo léo.... Nhưng con người của Trụ vương vốn xuất

thân ở chốn đèn vàng bệ ngọc «cha truyền con nối», bản chất sẵn hủ mục rồi nên người can bị lụy mình. Trái lại, Sở Trang vương sống ở một hoàn-cảnh gay go, có cả hàng mấy trăm chư hầu tranh hùng xưng bá, nếu Sở vương là Trụ vương thì số mạng của Tô Tông cũng như Ty Cang, Cơ Xương.... mà thôi.

Con người dù có lúc nào tốt nhưng cũng có lúc lầm lạc, đó là một điều thông thường, khó tránh khỏi, nhưng biết hối cải, được bề tôi trung trực có tài dám can gián, điều kiện khách và chủ quan có được điều hòa như thế thì mới có cơ cứu vãn được tình thế, mới tạo được một nền móng thịnh vượng cho đất nước.

Cái chết bi thảm của quan đại phu Hàn Sanh vì quá bạo can gián Sở Hạng Vô có phải là một bài học vì chủ quan và khách quan vốn có khuyết điểm lớn như nhau (1).

Sa-Đéc

Saturday, May 14, 2016

TUYỆT ANH HỘI

Thăng trần, Sở Trang vương truyền bày tiệc vui, gọi là « Thái bình yến » Phàm các quan văn võ bất cứ cấp nào đều được dự tất cả.

Khi mặt trời gần lặn, tiệc rượu còn dương vui say, Sở Trang vương truyền thắp đèn lên, lại cho một nàng hầu yêu là Hứa Cơ đi mời khắp quan triều thần mỗi người một chén rượu.

(1) Xem lại bài « Khi uớt dội mào ».

Các quan triều thần đều đứng dậy, đề uống. bỗng có một trận gió to, bao nhiêu nến thắp ở trên điện tắt phụt cả. Các nội thị còn đương đi châm lửa chữa đèn. Trong các quan đại phu có một người trông thấy Hứa Cơ đẹp, nhân lúc tối tăm, thò tay nắm lấy vạt áo. Hứa Cơ tay trái giăng vạt áo, tay mặt chụp được giải mũ của người ấy. Giải mũ đứt, người ấy sợ lắm vội buông tay ra. Hứa Cơ lấy được cái giải mũ, rón rén đi đến trước mặt Sở Trang vương, ghé tai :

— Thiếp vàng mạng đại vương ra mời các quan uống rượu, thế mà có một người vô lễ dám nhân lúc tắt nến, nắm lấy vạt áo thiếp ; nay thiếp đã rút được cái giải mũ của người ấy, vậy xin đại vương giục thắp nến mà xét xem.

Nhưng Sở Trang vương lại truyền cho nội thị chờ thắp nến vội, lại bảo các triều thần :

— Ngày nay ta bày tiệc mừng cùng với các người mua vui, các người nên dứt bỏ giải mũ cả đi rồi cùng ta uống rượu thật say. Nếu ai không dứt bỏ giải mũ thì là chưa được vui lắm,

Nghe lệnh dạy, tất cả triều thần đều dứt bỏ giải mũ. Bây giờ, Sở Trang vương mới cho thắp nến, thành ra không biết được người nào nắm lấy vạt áo của Hứa Cơ cả.

Tiệc xong, trở về cung, Hứa Cơ tâu với Sở Trang vương :

— Thiếp nghe nói kẻ trai gái phải có sự phân biệt, huống chi lại là vua tôi. Đại vương sai thiếp mời các quan uống rượu là để cùng tỏ lòng kính mến, nay người ấy nắm lấy vạt áo thiếp mà đại vương không trị tội, thì còn ra thế thống gì nữa !

Sở Trang vương cười bảo :

— Ta bày tiệc rượu này là muốn các quan đều được cùng vui, bởi vậy mới sai thấp nền để uống rượu thêm. Rượu say sinh ra chột nhả (1) chẳng qua cũng là một lễ thường tình, nếu ta trị tội một người mà làm cho các quan không được vui thì ta không muốn.

Hứa Cơ nghe nói, phue là người có lượng. Về sau người ta gọi tiệc rượu ấy là Tuyết anh hội. (2)

Khi Sở Trang vương đem quân đánh nước Trịnh (3), có một viên phó tướng Đường Giao xin đem 100 thủ hạ để mở đường đi trước.

Đường Giao cố sức xông pha, quân nước Trịnh không ai đương nổi. Vì thế, đại binh của Sở Trang vương tiến thẳng được đến địa giới nước Trịnh. Sở Trang vương thấy quân tiên bộ đi được nhanh chóng như vậy mới triệu Đường Giao đến, toàn trọng thưởng, Đường Giao thưa :

— Tôi chịu ơn đại vương to lắm, ngày nay gọi chút báo đền, có đâu lại dám lãnh thưởng.

Sở Trang vương ngạc nhiên hỏi :

— Ta có biết nhà người bao giờ mà nhà người báo là chịu ơn ta ?

Đường Giao thưa :

— Trong tiệc rượu dứt giải mủ mà có người nằm vạt áo Hứa Cơ, tức là tôi đó ! Đại vương rộng lượng tha, không giết, vậy tôi phải cố sức báo đền.

(1) Chột nhả là đùa một cách sỗ sàng, thiếu lịch sự.

(2) Tuyết là dứt, anh, là giải mủ, Tuyết anh hội là hội dứt giải mủ.

(3) Một nước nhỏ thời Xuân thu, huyện Tân Trịnh, một phần đất phủ Khai phong, thuộc tỉnh Hà nam ngày nay.

Sở Trang vương truyền ghi lấy công của Đường Giao. Đường Giao nói với mọi người :

— Tội ta đáng chết, mà đại vương không giết, vậy ta nên cố sức đề báo đền, này đã nói rõ ra rồi, chẳng lẽ ta là người có tội mà ngày sau lại để cho đại vương trọng dụng mình hay sao ?

Ngay đêm hôm ấy, Đường Giao lập tức bỏ trốn.
Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Hứa Cơ là một mỹ nữ được Sở vương sủng-ái Nhà vua lại là một người trước kia say mê rượu chè, sắc đẹp, vậy mà bây giờ trong tiệc rượu có người niếu lấy vật áo Hứa Cơ, nhà vua vẫn thản nhiên.

Cũng như ái tình, đối với sắc đẹp, con người tiếc ngọc thương hương bao giờ lại không ích kỷ, vậy mà Sở Trang vương lại không ghen tức, thế là nhà vua đã đặt tình cảm đối với quần thần trên tình cảm cá nhân đối với một đoá hoa biết nói, một viên ngọc hữu hương của mình.

Hứa Cơ ghé đầu với nhà vua là muốn tìm kẻ « thủ phạm » để trị tội, nhưng nhà vua vẫn điềm nhiên, lại truyền cho nội thị không thắp đèn vội, bảo mọi người đều rút đứt giải mũ.... về điềm nhiên ấy hàm súc biết bao ý nghĩa thâm thúy : độ lượng, hiểu rõ tâm lý của con người.

Thái độ ấy rất vô tư. Đáng hoan hô,

Rượu đã nhập tâm rồi, con người còn giữ làm sao được mức quân bình trong người, vả lại trước một sắc đẹp lộng lẫy, chỉ có sắt đá mới không cảm xúc, chỉ có các bậc thầy tu chân mới không

có tư tưởng, mơ ước viễn vông.... còn thông thường, ai lại không có thái độ « thương hương mến ngọc »

Tạo hóa sinh cho con người một óc thẩm mỹ, tuy bị đạo đức kềm chế nhưng tâm lý, sinh lý lại hướng dẫn con người đi đúng với luật trời.

Ai nỡ gắt gao buộc Đường Giao đi ngược lại luật trời ?

Ai dám trách Đường Giao dám mang phải cái bệnh chung của nhân loại ?

Hiếu được thâm ý tốt đẹp của Sở vương, Đường Giao cố gắng lập công là một điều đáng khen, nhưng dù sao không tránh khỏi tiếng hẹp hòi, tầm thường.

Đáng khen là thái độ biết đền đáp nghĩa cử của người.

Hẹp hòi, tầm thường là Đường Giao chỉ nghĩ đến sự đền đáp cho cá nhân, mà không nghĩ mình có một bổn phận là làm tròn công vụ. Giả sử, không có việc xảy ra, thì với nhiệm vụ đi tiền khu, việc làm của Đường Giao « thương » kia có tích cực có phải như Đường Giao « dứt giải mũ » không ?

Nghiêm-khắc mình là một điều rất tốt, rất hay trong việc xử thế. Nhưng nghiêm-khắc mình thái quá thành hẹp hòi; gắt-gao, vị ngã.

Nhưng phê bình thái độ của Đường Giao là tầm thường, hẹp hòi đó là đứng trên phương diện nguyên-tắc, lý-trí.

Một người lính xung phong chém tướng : đoạt cờ ở giữa chiến trường, quyết đem lại một thắng lợi vinh-quang tuy vì nghĩa vụ, nhưng dù sao con người cũng có một cảm tình cá nhân đặc-biệt đối với tác phong lãnh-đạo của một viên chúa tướng. Người

lính trận có thấy tấm lòng tốt quý, cái lỗi xử sự đẹp đẽ của cấp chỉ huy đối với mình, thì « **tình cảm nhiệm vụ** » hòa hợp với « **tình cảm cá nhân** » sẽ tăng cường thêm sức mạnh.

Tác phong lãnh-đạo của cấp chỉ huy có một ảnh hưởng sâu xa đối với tinh-thần binh sĩ, nó có một mãnh lực phi thường làm cho binh sĩ tự nguyện tự giác hăng hái ra chiến trường, coi chết nhẹ tựa lông.

Thái-độ trả ơn của Đường Giao tuy có vẻ hẹp hòi nhưng rất đúng với tâm lý của trò đời. Đó cũng là một bài học hay cho cấp lãnh-đạo dám chia ngọt, xẻ bùi như Ngô Khởi, Nguyễn Huệ, Nã-phá-Luân (1)... mới tạo được những tên lính trung thành, chịu hy-sinh, vui-vẻ mà hy-sinh.

Sở Trang vương có lòng tốt đối với quần thần như thế, biểu lộ một thái-độ vô tư, không vì tư ý để tạo có nhiều bề tôi lập công như Đường Giao, nhưng lòng tốt tự nhiên ấy lại đem đến một hậu quả tốt. Hành-vi ấy đi vào một luật nhân quả.

Dám thù tội, dám cố gắng lập công để đền tội, thật là một điều đáng khen, nhưng từ quan mà bỏ đi, không biết Đường Giao có phải cảm thấy thẹn thùa xấu hổ, thái-độ ấy là thái-độ của bậc hiền nhân, quân tử quả nghiêm khắc mình.

Hành-vi ấy thật quá đáng !

* * *

(1) Ngô Khởi là tướng nước Ngụy đời Xuân Thu, ông ăn chung, mặc chia với tên lính hèn mọn, dám hút máu mỡ cho tên quân đau nhọt. Nguyễn Huệ là người ở đất Tây Sơn ở Việt Nam có tài ba lỗi lạc xuất chúng, ra trận bao giờ cũng đi đầu các tướng sĩ và sẵn sàng chia ngọt, xẻ bùi với quần lính. Nã-phá-luân đệ nhất (Napoléon) là tướng tài của nước Pháp dám chia từng thìa súp cho lính.

« THÀ LÀ MÌNH PHỤ NGƯỜI TA »

Tào Tháo và Trần Cung đi đến một khu rừng rậm thì trời gần tối (1). Tào Tháo bảo :

— Chỗ này có một người tên là Lữ Bá Xa, anh em bạn với cha tôi, vậy chúng ta ghé vào đó dừng hỏi thăm chuyện nhà và nghỉ chân.

Cả hai đi vào nhà. Bá Xa mừng rỡ, mời Trần Cung và Tào Tháo nằm nghỉ chơi, rồi bước ra nhà sau dẫn gia đình rồi nói với Trần Cung :

— Ở nhà đây không có rượu ngon, để tôi đi ngoài xóm mua về uống, ngài chịu phiền ở nhà với cháu tôi.

Nói rồi liền cỡi lừa ra đi.

Tào Tháo và Trần Cung đương ngồi bỗng nghe có tiếng mài dao ở phía sau, Tào Tháo nói :

— Lữ Bá Xa tuy quen biết, nhưng không phải là chí thân, bây giờ đi mua rượu cũng là khổ nghĩ, vậy chúng ta rình nghe thử.

Cả hai liền lên bước ra nhà sau, thì nghe nói :

— Bắt nó trời lại !

Tào Tháo nói :

— Vậy là phải rồi. Nếu mình không xuống tay chắc là mạng họa.

Cả hai liền rút gươm thẳng vào nhà, không

(1) Nguyên Tào Tháo đọc thần mưu Đổng Trác không được, nhải bỏ chạy trốn. Đổng Trác vẽ hình Tào Tháo và tư lờ các phủ huyện đón bắt nên Tào-Tháo bị viên tri huyện là Trần Cung nhìn mặt được, bắt cầm tù, Sẵn ghét Đổng Trác, thấy Tào Tháo có chí khí nên Trần Cung thả Tào Tháo, lại bỏ chức quan cùng theo Tào Tháo định khởi nghĩa.

phân biệt là trai gái đều chém sạch. Coi lại tất cả là tám người. Nhưng khi đi đến dưới bếp thì thấy có trối một con heo. Trần Cung kêu lên :

— Thôi rồi ! Mạnh Đức (1) đa nghi lắm, giết lắm nhiều quá !

Hai người liền hối hả lên ngựa ra đi. Gần hai dặm đường thì thấy Lữ Bá Xa ngồi trên lưng lừa đương đi về. Trước cổ lừa có treo hai chai rượu. Lữ Bá Xa tay cầm bó rau kêu Tào Tháo :

— Cháu vội ngài đi đâu ? Tôi đã bảo trể làm thịt heo dâng ăn uống chơi, có chi lại không chịu ở.

Tào Tháo nói :

— Cháu là người bị tội, chẳng dám ở lâu.

Thấy cầm chẳng được Bá Xa từ giả đi. Tào Tháo lại giục ngựa đuổi theo, rút gươm chém Bá Xa rơi đầu. Trần Cung thấy thế, kinh ngạc hỏi :

Khi ở nhà cho làm cũng phải, bây giờ lại giết người nữa là tại làm sao ?

Tào Tháo nói :

Sợ Bá Xa về nhà thấy gia quyến chết nhiều, nóng giận mà đuổi theo chăng ?

— Minh đã biết mà còn cố sát thì là phi nghĩa lắm.

Tào-Tháo bảo :

— Thà là mình phụ người ta, chẳng nên để người ta phụ mình.

Hai người đi ước được hai dặm đường gặp một quán trọ liền đánh thức chủ quán dậy xin vào nghỉ. Tào Tháo ngủ trước. Trần Cung ngồi một mình suy nghĩ :

(1) Mạnh Đức là tên tự của Tào Tháo.

— Ta tưởng nó là người hảo tâm nên bỏ chức mà theo, không dè nó là người lòng dạ ác độc thái quá. Nếu không giết thẳng này thì chắc có hậu hoạn.

Nghĩ thế liền rút gươm, toan giết Tào Tháo. Nhưng Trần Cung lại nài nỉ, suy nghĩ : -

— Ta đã làm theo nó, bây giờ ta lại giết nó thì càng phi nghĩa lắm. Vay ta bỏ sang qua nơi khác hay hơn.

Ngay trong đêm ấy, Trần Cung lên ngựa ra đi.

Tam-quốc-Chí

LỜI BÌNH

Không ai dám nhận Tào-Tháo giết cả nhà Lữ Bá Xa là đúng. Chẳng những thế, Tào-Tháo còn bị những đạo đức gắt gạo kết án là một con người vô cùng ác độc.

Bản án nhà đạo đức ấy chẳng những có giá-trị về tinh-thần mà còn có giá-trị về phương diện pháp luật. Ở đây không phải là một chỗ sát phạt như một bãi chiến trường. Giết người dù vô tình cũng mang phải một đại tội, nhất là giết cả một số mạng người như thế, cố nhiên kẻ thủ phạm phải đền tội một cách xứng đáng.

Nhưng sự thật trường hợp của Tào-Tháo, sự sát nhân ấy không thể tránh được.

Tào-Tháo đương phải một tội ám sát Đồng Trác, một vị quốc cữu lẫn át cả quyền vua, và bị người đuổi bắt cầm tù may được thoát ra, lòng lo sợ nơm nớp cho tính mạng, chẳng khác nào « kinh cung chi điều », Và lại, bản chất con người Tào-Tháo

hay đa nghi, những lời nói vô tình của một số người không thân thì ta buộc Tào-Tháo ngồi đếm nhiên rung đùi, chờ buổi đánh chén ngon lành làm sao được? Hơn nữa, Tào-Tháo đã hoài bão một chí khí to lớn, xây dựng bá quyền, tóm thâu thiên hạ, thì cái lễ bảo vệ thân mạng cần phải có. Chết một cách oan uổng như thế, thật đáng tui, đáng tiếc cho chí nam nhi.

Thật là một điều khó xử !

Cái chết oan ức của 8 mạng người, ai lại không lấy làm đau thương, ai lại không tức bực căm hờn. Nhưng ở phải một thời ly loạn, thiên hạ nhiều nường, mạng người chẳng khác nào loài kiến, sự nhận xét của ta phải được rộng lượng.

Hàn Tín đời Tây Hán nhờ lão tiều chỉ đường rồi đánh giết lão tiều, một ân nhân của mình, (1) hưởng chi 8 người đối với Tào-Tháo đương bị nghi là phản động ?

Tào-Tháo là một chính khách có can đảm dẹp bỏ những dư luận thông thường, đề đeo đuổi chí hướng của mình. Nhưng với hành-vi trên, ta thấy Tào-Tháo chưa phải là một chính khách có biệt tài.

Là một tội nhân bị quan quân truy nã, tại sao muốn vào nhà Lữ Bá Xa, đề tá túc mà không suy xét kỹ tính tình của Lữ Bá Xa, tuy là bạn của cha mình nhưng tốt hay xấu, thân hay sơ. Đánh liều, nhắm mắt vào nhà người đề ngủ đậu, ăn nhờ mà

(1) Hàn Tín người đời Tây Hán, trước làm tôi cho Hạng Võ nhưng không được Hạng Võ tin dùng. Sau lui trốn sang Lưu Bang, sợ Hạng Võ cho người đuổi bắt nên phải đi con đường rừng rú, giữa đường không biết lối đi, may nhờ lão tiều chỉ đường. Nhưng ngại đề lão tiều gặp lệnh của Hạng Võ sẽ chỉ đường, nên Hàn Tín phải giết chết lão tiều.

thiếu suy nghĩ, điều tra, nghiên-cứu, một chính khách lão luyện không bao giờ có. Tào-Tháo bảo : « Lữ Bá Xa tuy quen biết nhưng không phải là chí thân... » lúc nghe tiếng mài dao, tỏ ra Tào-Tháo rất thiếu thận trọng ở lúc đầu.

Vì thiếu điều-tra, nghiên-cứu, thiếu thận trọng nên mới đem lại một hậu quả không hay, mới dẫn đến một sai lầm nguy hiểm, mà đạo đức khó dung tha. Ngay cả lập trường chính-trị cũng không thể châm chể được một con người phiêu-lưu, thiếu thận trọng... trong công tác, trong việc đối nhân tiếp vật.

Rồi từ sự sai lầm này dẫn đến một sai lầm khác, Tào-Tháo giết Lữ Bá Xa, thật là một hành vi tàn bạo, điên cuồng.

Trên trường ngoại giao, những bọn chính-trị đế-quốc, phát-xít mới giờ trò lật lọng trong việc ký kết, mới coi những hiệp định như tờ giấy lộn. Trên phương diện xử thế, mà bảo « thà là mình phụ người chớ nên người ta phụ mình » là một điều luân lý, đạo đức không thể tha thứ.

Trần Cung bỏ Tào-Tháo mà đi thật là một thái độ đúng đắn của một người đạo đức, quân tử không muốn gần kẻ ác lắm. Vì thái-độ quân tử đó nên Trần Cung không nỡ giết một người mà mình đã lầm theo, nhưng Trần Cung quá câu chấp về phương diện đạo đức mà quên một việc lớn cần làm.

Đã biết đề con người như thế sẽ có hậu hoạn thì tại sao không dám giết ? Lưỡi gươm chính đáng của Trần Cung kết liễu sinh mạng của Tào-Tháo biết đâu sẽ ngăn được một phần nào sự thâm sát của chiến tranh, hay ít nhất cũng làm thỏa vong linh của chín oan hồn ở suối vàng !

HAI CON ĐƯỜNG HIẾU

Sở Bình vương (1) nghe lời gian thần là Phi vô Cực bắt giam tướng Ngũ Sa. Phi vô Cực tâu :

— Ngũ Sa có hai con là Ngũ Thượng và Ngũ Viên (2) đều là bậc tài giỏi, nếu để trốn sang Ngô (3) thì tất có hại cho nước Sở. Chi bằng ta bắt Ngũ Sa phải viết thư triệu về, kể kia tin lời cha tất cả rũ nhau về cả, bấy giờ ta giết hết đi mới có thể trừ được hậu hoạn.

Sở Bình vương mừng lắm, sai người vào ngục đem Ngũ Sa ra, rồi đưa giấy bút, bảo :

— Nhà ngươi xin thế tử làm phản (4), đáng lẽ phải bị chết chém nhưng ta nghĩ đến công can của tổ phụ nhà ngươi, không nỡ bắt tội. Nhà ngươi nên viết thư triệu hai con về, ta sẽ phong quan chức cho.

Ngũ Sa biết Sở Bình vương đánh lừa nên nói :

(1) Sở Bình vương cưới con gái của Tần Ai Công là nàng Mạnh Doanh cho con là thế tử Kiến. Nhưng thấy nàng Mạnh Doanh có sắc đẹp lòng lầy, đem lòng say mê đoạt lấy, đem nàng hầu của Mạnh Doanh là Tề nữ thay vào đưa cho thế tử Kiến.

(2) Ngũ Viên tên tự là Tử Tư có tài thao lược.

(3) Nước Ngô, một nước về thời Xuân thu, ở vào địa phận sông Hoài, song Từ cho đến tỉnh Chiết giang ngày nay.

(4) Sở Bình vương sợ việc đoạt vợ của con lâu ngày sẽ phát giác nên sai thế tử Kiến đi trốn thủ ở đất Kiên Phu và cho Ngũ Sa theo phò Ngũ Sa tâu với vua : «Đại vương chiếm lấy vợ của thế tử cũng đã quá lắm rồi, nay lại nghe lời đưa tiễn nhân mà bỏ tình cốt nhục, đại vương nỡ lòng nào như thế ?»

— Con trưởng tôi là Ngũ Thượng, tính nết hiền lành, nghe tôi triệu thì tất về ngay. Còn con thứ tôi là Ngũ Viên, văn võ toàn tài, tính nhẩn nại, mai sao có thể làm nên việc được; vả lại là người tinh lạnh lắm, vị tất nó đã chịu về.

Sở Bình vương bảo :

— Nhà ngươi cứ nghe ta mà triệu yê; còn về hay không, không can dự đến nhà ngươi.

Ngũ Sa đành phải vâng theo. Sứ giả đem thư sang đưa cho Ngũ Thượng và Ngũ Viên.

Ngũ Thượng cầm lấy bức thư vào nhà trong cho Ngũ Viên xem. Ngũ Viên nói :

— Thân phụ ta được khỏi tội cũng đã là may, hai ta có công gì mà được phong hầu, chẳng qua chỉ lừa ta đó thôi. Ta về thì tất bị hại.

Ngũ Thượng nói :

— Hiện có thư của thân phụ, lẽ đâu lại giả dối.

+ Thân phụ ta một lòng tận trung với nước nay bị tội oan, biết về sau thế nào cũng báo thù. Vậy thân phụ ta cũng muốn cho chúng ta chết đi, khỏi lo về sau.

— Em nói thế chẳng qua là ức dặc (1) mà thôi, van nhất bức thư này là chân tình thì cái tội bất hiền của ta to biết ngần nào.

Ngũ Viên nói :

— Để em xin bói một quẻ.

Bói xong, Ngũ Viên nói :

— Cứ như quẻ bói này thì vua đối với bề tôi, cha đối con. Nếu về thì tất bị hại, chứ chẳng khi nào được phong hầu.

Ngũ Thượng nói :

(1) Ức dặc là nói phỏng chừng, lấy ý riêng mà đoán.

Không phải ta có tham gì sự phong hầu, chỉ mong được trông mặt thân phụ thôi.

— Vua Sở sợ anh em ta ở ngoài nên chưa dám giết thân phụ ta, nếu ta làm mà về thì chỉ làm cho thân ta chóng chết mà thôi.

Ngũ Thượng nằng nằng bảo :

— Tinh cha với con, nếu được trông thấy mặt thì ta chết cũng thoả lòng.

Ngũ Viên thở dài :

— Về đề cùng chết, phỏng có ít gì. Nếu anh muốn về thì từ đây em sinh từ biệt !

Ngũ Thượng khóc nói :

— Em định đi đâu ?

— Ái có thể báo thù Sở thì em xin theo.

— Trị lực của anh không bằng em thì anh nên về Sở. Em lấy sự báo thù làm hiếu, một người một chí. Từ đây trở đi, anh em ta không còn được trông thấy nhau nữa.

Ngũ Viên sụp lạy bốn lạy để từ biệt Ngũ Thượng.

Ngũ Sa thấy một mình Ngũ Thượng về triều, liền thở dài :

— Ta vẫn biết Ngũ Viên không chịu về !

Sở Bình vương liền sai quan đại phu Vũ thành Hắc đem quân bắt Ngũ Viên. Ngũ Viên khóc nói :

— Thế là cha và anh không thể thoát chết được.

Ngũ Viên liền bảo vợ là Giả thị :

— Ta muốn trốn sang nước khác, mượn quân về báo thù cho cha, anh, không thể trông nom nằng được thì làm thế nào ?

Giả thị trừng mắt nhìn Ngũ Viên :

— Đại trượng phu nghĩ đến cái thù của cha, anh, lòng đau như cắt, lại còn lòng nào mà tưởng người

dân bà ! Phu quân nên mau mau trốn đi, chớ nghĩ đến thiếp.

Giả thị nói xong liền vào trong thất cõ tự tử,
Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Ngũ Sa là người tôi rất trung thành và cũng là người cha rất hiền. Thằng thần cạn vua và dám cương-quyết nói sự thật cho nhà vua biết tính tình, chí khí của hai con. Biết vua đánh lừa nhưng vẫn viết thư về dối con, thật không ai biết con cho bằng cha, nhưng đáng tiếc Ngũ Thượng quá thật thà, ngây thơ tin rằng thư của cha là nói thực, đó là con không biết ý cha. Ngũ Thượng lại hiểu chữ «hiếu» một cách quá hẹp hòi, nên Ngũ Sa mới bị chết sớm, vì như lời của Ngũ Viên đoán là Sở Bình vương sợ lực lượng bên ngoài của Ngũ Thượng và Ngũ Viên.

Vả lại, trung thành với chữ «Hiếu» như thế, vô tình Ngũ Thượng làm mất đi một lực lượng khá quan trọng trong công cuộc báo thù. Cái sống của Ngũ Thượng biết đâu sẽ giúp cho công cuộc báo thù được sớm thành công, để Ngũ Viên khỏi phải quật mồ đánh xác Sở Bình vương, mang phải tiếng hẹp hòi dối với một kẻ thù đã chết (1).

(1) Ngũ Viên mượn quân Ngô về diệt được nước Sở bấy giờ Sở Bình vương đã chết, Ngũ Viên sai người đào mồ, lôi xác ra, đánh 300 roi, thô tay khoét mắt và cắt lọn đầu, còn áo quan và xương thì quăng ngoài cánh đồng.

Cùng chết với cha, thấy mặt cha đề rồi chết, thực hiện chữ « Hiếu » như thế thật là sai lầm !

Trái lại, Ngũ Viên hiểu chữ « **Hiếu** » rất linh động, cũng như chữ « **Trung** » với vua rất đúng. Ngũ Viên chết đi thì mối thù cha ai trả ? Đối với một nhà vua bạo ngược còn hơn Kiệt, Trụ, thì ai còn giữ lấy chữ trung làm gì ?

Cái chết của Giả thị thật đáng nêu gương tiết-liệt, nhưng sự thật chưa phải hoàn-cảnh đáng chết. Vì không còn con đường nào để trốn tránh hay sao ? Ngũ Viên còn lo nghĩ được việc lớn hướng chỉ là một việc nhỏ mọn, tầm thường ấy. Lời nói của Ngũ Viên nói với Giả thị cũng ngớ ngẩn thật !

* * *

CÁI CHẾT BI KHÁI CỦA ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ

Ngũ Viên bị Sở Bình vương giết cả cha, anh, (1), nên dân công tử Thảng (2) trốn chạy sang nước khác để mưu việc báo thù.

Sở Bình vương cho người đuổi bắt.

Ngũ Viên chạy đến sông Đại giang, trông thấy mặt nước mênh mông sống vô cuồn cuộn nhưng

(1) Xem lại bài trước.

(2) Công tử Thảng là con của thế tử Kiến, Nguyên thế tử Kiến bị cha bắt lấy vợ, dôi Tý nữ cho, vợ chồng ở với nhau sinh ra Thảng. Sau không nghe lời can của Ngũ Viên mưu làm nội ứng cho Tấn để giết Trịnh nên bị chết. Xem bài

không có một chiếc thuyền bè nào. Mặt trước, khỏ về sông chầu, mặt sau khỏ về quân theo. Ngũ viên trông lòng bồn chồn lo lắng. Bỗng thấy một ông lão đánh cá ngồi chiếc thuyền nhỏ, bơi ngược dòng nước đi lên. Ngũ Viên mừng rỡ, kêu :

— Cụ đánh cá ơi ! Cho tôi sang với.

Ông lão toan ghé thuyền đề đón, nhưng trông thấy trên bờ có người đi lại lên tiếng hát :

« Kia, kia, bóng đầu (ý y ý a...) đã xế ngang
đầu...

Đôi ta hẹn nhau (ý y ý a...) trong bụi hoa
lau... ! »

Ngũ Viên nghe hát hiểu ý liền cùng cùng tử Thăng đi vào bờ sông thẳng xuống bãi, núp vào bụi hoa lau. Một lúc lâu ông lão, đánh cá ghé thuyền vào bờ không thấy Ngũ Viên đâu cả, lại lên tiếng hát :

« Mặt trời đã xế (ý y ý a...) lòng ta thương
lo... !

Mặt trăng đã mọc (ý y ý a...) sao không sang
đò... »

Ngũ Viên cùng cùng tử Thăng ở trong bụi lau chui ra. Ông lão đánh cá vội vàng gọi xuống thuyền. Ông lão đánh cá cầm mái chèo, từ từ bơi đi. Một lúc sang đến bờ bên kia, ông lão đánh cá bảo Ngũ Viên :

— Đêm qua lão nằm mộng thấy sao tướng tinh rơi vào thuyền. Lão biết có người lạ qua đây, vậy nên lão đón, tình cờ lại gặp nhà người. Nhà người quyết không phải người thường, nên nói thực cho lão biết.

Ngũ Viên liền nói thật họ tên cho nghe. Ông lão đánh cá lại nói :

— Lão trông mặt của nhà ngươi có vẻ đói, vậy để lão đi lấy cơm cho ăn. Nhà ngươi hãy đợi đây một chút.

Ông lão đánh cá liền buộc thuyền ở dưới cây, để vào trong xóm lấy cơm cho Ngũ Viên và công tử Thắng ăn. Thấy ông lão đánh cá đi lâu quá mà chưa thấy đến, Ngũ Viên bảo công tử Thắng :

— Lòng người khó dò lắm, chắc đâu là hẳn không gọi người bắt ta.

Hai người lại cùng nhau trốn trong bụi.

Một lúc lâu, ông lão đem cơm canh cá thịt đến dưới gốc cây, không thấy Ngũ Viên đâu cả, mới gọi to lên :

— Người trong bụi lau ơi ! Người trong bụi lau ơi ! Lão nào có định hại nhà ngươi để cầu lợi đâu.

Ngũ Viên ở trong bụi lau lên tiếng đi ra.

Ông lão đánh cá nói :

— Lão biết nhà ngươi đói, đi lấy cơm cho ăn, sao nhà ngươi lại trốn ?

Ngũ Viên đáp :

— Tính mạng của tôi bây giờ ở trong tay cụ ! Tôi đang lo nghĩ, trong lòng bàng hoàng, chứ không phải là trốn.

Ông lão đánh cá dọn cơm cho ăn. Ngũ Viên và công tử Thắng ăn no rồi, lúc sắp đi, Ngũ Viên cõng thanh kiếm đưa cho ông lão đánh cá, bảo :

— Thanh kiếm này là của tiên vương ban cho. Ông cha tôi đeo thanh kiếm này đã ba đời rồi. Giá đáng 100 nén vàng, xin để đền ơn cụ.

Ông lão đánh cá cười, bảo :

— Lão nghe nói vua Sở có treo giải ; ai bắt được Ngũ Viên thì thưởng-cho 5 vạn thạch thóc và

trước đại-phu. Như thế, lão còn chẳng tham, có lẽ nào lại tham 100 nén vàng làm gì ! Vả thanh kiếm này cần dùng cho nhà ngươi, chứ lão có dùng chi đến.

Ngũ Viên nói :

— Cụ không nhận thanh kiếm, xin cụ cho biết quý danh để sau này hậu tạ,

Ông lão đánh cá nổi giận :

— Lão thấy nhà ngươi bị oan, nên thương mà giúp nhà ngươi, nhà ngươi lại đem lòng hậu tạ mà giữ lão, thế thì sao gọi là trọng phu được ?

— Cụ dù không mong báo đền nhưng lòng tôi sao đành ?

Ngũ Viên cứ nài xin ông lão đánh cá cho biết họ tên. Ông lão đánh cá bảo :

— Ngày nay gặp nhau, ngươi là kẻ mang tội đi trốn, lão là người tha kẻ có tội, còn hỏi họ tên làm gì ! Huống chi lão kiếm ăn trên mặt nước, bèo trôi sóng dạt, dù hỏi họ tên cũng không mấy khi được gặp. Vạn nhất lòng trời xui khiến được nhau thì lão gọi nhà ngươi là « *người trong bụi lau* » nhà ngươi gọi lão là « *ông lão đánh cá* », thế cũng là đủ !

Ngũ Viên lạy tạ rồi cùng công tử Thăng bước đi. Nhưng đi được mấy bước, Ngũ Viên quay lại nói với ông lão đánh cá.

— Giả sử mặt sau có quân đuổi theo xin cụ đừng tiết lộ cho biết.

Ông lão đánh cá thở dài :

— Lão làm ơn cho nhà ngươi mà nhà ngươi lại nghi lão. Giả sử có quân theo thì dù ai chở sang mặc lòng, lão cũng không thể nào giải tỏ ra được.

Thôi thì lão xin liền chết để cho nhà người khỏi nghi.

Ông lão đánh cá mở dây buộc thuyền ra quảng cả mái chèo đi rồi lập úp thuyền lại để mình chết đuối giữa dòng sông. Ngũ Viên thấy thế, thở dài :

— Thương hại thay ! Tôi nhờ cụ mà sống, cụ vì tôi mà chết !

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Cái chết của ông lão đánh cá thật đáng kính đáng thương,

Nhưng không chết không được.

Đó là người bị nghi rồi, một khi việc xảy ra, dù do một hoàn-cảnh không có liên-hệ đến, nhưng cũng khó tránh khỏi được tiếng. Chỉ có chết mới làm cho người hết nghi, mới giải quyết được những điều thắc mắc.

Nhưng, người đời kính mến, thương tiếc cái chết khi-khái, oan uổng của ông lão đánh cá bao nhiêu thì người đời lại bức tức, căm hờn sự gàn dở của Ngũ Viên bấy nhiêu.

Đành rằng con người lâm nạn như Ngũ Viên cần phải có cảnh-giác tỉnh, nhưng đâu phải nhìn đời hoàn toàn đen tối, chung quanh mình ai cũng là kẻ thù, ai cũng là kẻ bám lợi ! Trước có Đông Cao Công hảo tâm giúp đưa qua cửa ải (1) ngay

(1) Đông Cao Công là học trò của Biển Thước đem người bạn là Hoàng Phủ Nột giả làm Ngũ Viên, còn Ngũ Viên giả làm đưa theo hầu, để khò linh giữ thành nhìn lăm, bắt Hoàng Phủ Nột thì Ngũ Viên thừa cơ chạy thoát. Bấy giờ Đông Cao Công sẽ vào quan mà nhìn lấy cứu bạn mình.

như gặp người bạn đối lập là Thân Bao Tử cũng được người rộng rãi cho tự-do đi trốn (1). Việc làm phải của Ngũ Viên đã được nhiều người ủng hộ.

« Nào ai bề thước mà đo lòng người », nhưng với hành-vi, cử-chỉ của ông lão đánh cá từ ân cần ghé thuyền chở sang, chăm lo cơm nước đến những lời khảng-khái không nhận gươm . . . không đáng chứng minh cho lòng chân thành, cao quý của ông lão, cũng như bị sự thông minh và tài thao lược của Ngũ Viên không nhận xét thấy hay sao ?

Báo ơn là một điều đáng quý, là một điều mà người thọ ơn phải cần làm. Nhưng cũng tùy ở tâm tính của người giúp ơn, một khi họ không bao giờ nghĩ đến ơn thì ta đừng băn-khoăn, lái nhái kêu lên là ơn nghĩa. Như thế làm, chạm phải lòng cao quý tốt đẹp của họ cảm thấy khó chịu.

Chỉ có kẻ tâm thường mới thi ơn rồi trông mong người trả ơn, xem sự thi ơn là một danh dự... Ông lão đánh cá tuy địa vị xã-hội kém nhưng tư-tưởng đâu phải tầm thường. Ngũ Viên không đánh giá được con người của ông lão, tuy người tài ba xuất chúng nhưng vẫn còn thiếu mắt tinh đời, quá câu chấp điều ơn nghĩa nhỏ nhặt, thường tình.

Thanh kiếm là một bảo vật của người chiến sĩ. Họ còn quý trọng hơn người yêu hay một mỹ nữ ; đối với kiếm họ xem như bóng với hình. Ngũ Viên đem thanh kiếm đền ơn là nghĩ ơn kia là trọng. Nhưng đáng tiếc, Ngũ Viên lại không nghĩ rằng : trên đường trốn tránh, cần có kiếm để đối địch với quân thù, bảo vệ sinh mạng... Lòng cao quý của ông

(1) Xem một bài sau.

lão đánh cá là vô hạng, chớ có phải thu hẹp trong phạm-vi bằng một thanh kiếm giá 100 nén vàng!

Một nhà văn hào Pháp La Rochepoucauld (1) nói : « Phần nhiều người ta đền ơn là vì tham muốn sâu kín và mãnh-liệt được hưởng nhiều ân huệ lớn hơn nữa » hay « Hăm hở trả ơn cũng là một thứ bội bạc », Ngủ Viên chắc không phạm phải lỗi thường tình như thế, nhưng Ngủ Viên có lẽ nghĩ rằng trên đường giang hồ luân-lạc, biết chừng nào mới tìm lại người ân xưa, nên xin đền đáp như thế để gọi là tạm tròn ơn nghĩa.

Tuy vậy, cái chết của ông lão đã tỏ ra Ngủ Viên rất ngông nghênh, gàn dở... Ngủ Viên không khỏi mang phải tiếng sát nhân.

* * *

KHÓC BẦY NGÀY ĐÊM ĐỂ KHÔI PHỤC NƯỚC

Ngủ Viên bị nạn (2) định trốn sang nước Ngô (3) nhưng vì đường sá xa xôi, chưa thể đi được mới sang qua nước Tống (4). Nửa đường bỗng thấy một toán xe ngựa tấp nập, Ngủ Viên ngờ là có quân Sở

(1) Nhà văn hào Pháp (1613 - 1680)

(2) Xem lại bài trước

(3) Ngô, một nước thời Xuân thu, ở địa phận phía Nam sông Hoài, sông Tả cho đến tỉnh Chiết giang ngày nay.

(4) Tống một nước thời Xuân thu, ở vào huyện Thương Khưu, tỉnh Hà Nam ngày nay.

đón đường (1) phải đứng nấp ở trong xó rừng. Nhưng sau nhìn kỹ mới biết là bạn cũ mình là Thân Bao Tư nhân đi sứ nước ngoài về qua đến đây.

Ngũ Viên chạy ra, đứng ở bên xe.

Thân bao Tư vội vàng xuống xe tiếp kiến và hỏi Ngũ Viên :

— Nhà ngươi vì có gì mà lui thủ đi một mình như vậy ?

Ngũ Viên đem việc Sở Bình vương giết oan cha và anh mình thuật cho Thân Bao Tư nghe, vừa nói vừa khóc. Thân Bao Tư cảm động hỏi :

— Bây giờ ngươi định đi đâu ?

Ngũ Viên đáp :

— Ta nghe nói kẻ thù của cha mẹ thì không khi nào mình cùng đội trời; nay ta định trốn sang nước khác, mượn quân về đánh Sở mà ăn thịt vua Sở, xé thịt Phi vô Cực mới hả dạ tấm lòng căm tức của ta.

Thân bao Tư can :

— Vua Sở dẫu vô đạo nhưng thế nào cũng là vua, nhà ngươi đã mấy lần ăn lộc vua, nỡ nào lại làm phản !

— Ngày xưa vua Kiệt và vua Trụ bị kẻ bề tôi giết cũng chỉ vì vô đạo; nay vua Sở dâm loạn, lấy tranh vợ của con, lại nghe lời dứa, nịnh mà làm hại kẻ trung lương, ta mượn quân về Đĩnh đô (2) để

(1) Sau khi Sở Bình vương giết Ngũ Sa và Ngũ Thương liền chiêu yết đi các xứ ai bắt được Ngũ Viên thì được thưởng 50.000 thạch thóc và cho làm thượng đại phu ; ai chứa chấp dung tha thì sẽ bị cả nhà chết chém, lại truyền hoạ đồ hình treo khắp nơi.

(2) Đĩnh Đô là kinh đô nước Sở.

quét rửa những sự ô uế cho nước Sở đó; huống chi lại là báo thù cho cha và anh ta nữa. Nếu ta không diệt Sở thì ta thề rằng không còn đứng ở trên đời.

Thân bao Tư nói :

Ta muốn nhà người báo thù nước Sở thì là bất trung mà bảo nhà người đừng báo thù thì là bất hiếu. Thôi, tùy ý nhà người, ta cũng vì tình bạn hữu mà không tiết lộ cho ai biết cả. Nhưng nhà người định làm cho Sở mất thì ta đây quyết làm cho Sở còn; nhà người định làm cho Sở nguy thì ta đây quyết giữ cho Sở yên !

Ngũ Viên từ biệt Thân bao Tư rồi đi ngay.

Ngũ Viên mượn được quân nước Ngô về diệt được nước Sở. Sở Bình vương, bấy giờ đã chết, truyền ngôi cho Sở Chiêu vương.

Thân bao Tư trốn vào ở hang đá đất Di lăng, nghe tin Ngũ Viên đào mã và đánh vào thây Sở Bình vương (1), lại đương dò bắt Sở Chiêu vương, liền viết một bức thư sai người đưa cho Ngũ Viên. Trong thư đại lược nói : « *Nhà người khi trước đã làm bề tôi Sở Bình vương, nay lại đem thì thề Sở Bình vương ra làm nhục như vậy, đâu gọi là báo thù nhưng cũng khi quá. Làm quá thì không thể chịu được, nhà người nên mau rút quân về, ta đây phải noi cái ước phục Sở.* »

Ngũ Viên tiếp được thư, suy nghĩ một lúc rồi bảo người mang thư :

— Ta bận nhiều việc, không thể viết thư trả lời được. Nhà người vì ta mà nói lại với Thân bao Tư : « Trung với hiếu không khi nào toàn vẹn được cả hai, ta nay già lẫn, vậy nên trái tính ! »

(1) Xem lại chú thích bài trước.

Người mang thư về nói lại, Thân bao Tư suy nghĩ :

Ngũ Viên quyết chí định diệt Sở, chẳng lẽ ta cứ ngồi yên hay sao ?

Thân bao Tư liền thẳng đường trốn sang nước Tần. Đi suốt ngày đêm, bần chân xây-xát, máu chảy đầm đìa, Thân bao Tư phải xé áo mà huộc. Khi đến Ung châu, vào tâu với Tần Ai công :

— Nước Ngô tham như lợn, độc như rắn, lâu nay vẫn muốn nuốt chửng hầu, bây giờ bắt đầu từ nước Sở trước. Đại vương tôi bị thua phải chạy trốn nơi thảo dã, có sai tôi sang đây đề cáo cấp với quý quốc, xin quý quốc nghĩ tình thân thuộc mà đem quân giải cứu cho.

Tần Ai công nói :

— Nước Tần ta hẻo lánh ở về phía tây thù (1) này, quân hiểm tượng it, giữ mình không nổi huống chi lại giúp được ai.

Thân bao Tư thưa :

Sở và Tần tiếp xúc với nhau, Nay Sở bị Ngô đánh mà Tần không cứu, nên Ngô đã diệt Sở thì tất có ngày đánh Tần. Nhà vua giúp Sở tức là giữ cho Tần đỡ, chẳng thả Sở về tay Tần còn hơn để cho về tay Ngô. Nếu nhà vua cứu cho nước Sở tôi xin dời dời thần phục nước Tần.

Tần Ai công ngần ngại chưa quyết, truyền cho Thân bao Tư ra ở nghỉ nhà, công quán đề rồi sẽ thương nghị với các quan.

Bấy giờ Tần Ai công chỉ ham mê tử sắc, chẳng thiết gì đến chính sự. Thân bao Tư yêu cầu mãi

(1) Tây thù là biên giới phía Tây

nhưng Tần Ai công vẫn không chịu phát binh. Thân bao Tư cứ đội mũ, mặc áo, đứng luôn ở trong sân châu, ngày đêm kêu khóc, không lúc nào im tiếng. Cứ như thế trong 7 ngày đêm mà không ăn không uống một tí gì cả. Tần Ai công thấy vậy kinh ngạc, nói :

— Bề tôi nước Sở biết nghĩ đến vua một cách khản thiết như thế ư ! Nước Sở có bề tôi hiền như thế còn bị nước Ngô đánh, huống chi là ta không có người bề tôi hiền nào, khi nào nước Ngô lại để cho yên.

Tần Ai công liền phát binh sang cứu Sở.

Nước Ngô bấy giờ nhân có cuộc nội loạn (1) vua Ngô là Hạp Lư truyền rút quân về. Sở Chiêu vương được khôi phục nước, nghĩ đến Thân bao Tư có công to định phong cho làm hữu đoàn (2).

Thân Bao Tư nói :

— Tôi sang mượn quân Tần là vì việc nước, chứ không phải vì thân tôi. Nay đại vương đã phục quốc rồi thì lòng tôi được thỏa, có đâu dám nhận chức này để cầu lợi.

Thân Bao Tư nhất định từ chối, không nhận. Sở Chiêu vương cố ép mãi, Thân Bao Tư đi trốn. Người vợ Thân Bao Tư bảo :

— Phu quân đem cả vợ con liều thân hoại thể

(1) Nguyên công tử Phu Khái là em của Ngô vương Hạp Lư, thấy Ngô vương lập công tử Ba làm thế tử nên có ý định cướp ngôi, liền đem binh trở về và mượn quân nước Việt hẹn khi thành công sẽ hiến 5 thành. Phu Khái sai cho con là Phù Tang đem quân đóng ở Hoài thủy để chặn đường không cho Hạp Lư về.

(2) Lĩnh đoàn tức chức quan cầm quyền chính trong nước.

để đi mượn quân Tần về thu phục lại nước Sở, dầu nhân trưởng cũng là xứng đáng, can gì mà phải trốn.

Thân Bao Tư nói :

Lúc trước ta đi vì tình bạn hữu, không tiết-lộ cơ mưu của Ngũ Viên, để cho Ngũ Viên phá được nước Sở, đó là cái tội của ta. Mình đã có tội còn công nhân công thì lấy làm xấu hổ lắm !

Thân Bao Tư liền đem cả vợ con trốn vào rừng núi.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Quyết giữ cho Sở còn nhưng lại thả cho Ngũ Viên đi, Thân Bao Tư đã vì nặng tình bằng hữu mà vô tình bỏ mất lập-trường của mình. Giữ lấy lập-trường là phải cương-quyết bắt lấy Ngũ Viên, vì Ngũ Viên sống là hậu hoạn của Sở.

Nhưng vì tình bạn, vì khí khái, anh hùng cá-nhân, nên Thân Bao Tư mới thả cho Ngũ Viên đi. Đó là một điều bất lợi « đương hồ di họa ».

Nếu không với người cùng đứng một hàng trận, hay không thuyết phục được người cùng đứng vào một hàng trận với mình, tức nhiên phải cương-quyết tiêu diệt đối phương, Thân Bao Tư không làm được những điều đó.

Giữ lấy đạo nghĩa riêng, bao dung, rộng lượng với người là một điều đáng quý nhưng đạo nghĩa riêng không phải chỗ, bao dung rộng lượng không phải người tức là làm hại mình, làm hại nước, mang phải ân hận. Thân Bao Tư được tiếng là một anh

hùng khí khái, trọn tình bằng hữu nhưng chưa phải là một chính khách có đặc tài, dám làm.

Khóc 7 ngày đêm ở sân châu đề cần người giúp đỡ, khôi phục đất nước, thật là một đáng tội hiền ít cớ. Tuy vì khí-uất sự làm cần rõ, đại đột của mình là đã thả xong một người bạn lợi hại, nhưng cái khí-uất buộc hạ mình để thành đạt một công việc của nước, là một điều đáng khen. Bỏ chức tước, bảo rằng công ấy không phải vì mình mà vì nước, lại tự nhận đề chuộc lấy tội của mình, thật là một tấm gương sáng cho hậu thế.

* * *

HỒ NGƯỜI CHẾT VÌ CON KHÔNG BIẾT LÒNG MẸ

Tào Tháo sai người đi bắt mẹ của Từ Thử (1) Tháo thết đãi tử tế và bảo rằng :

— Nghe con bà là Từ Nguu Trực (2) vốn người kỳ tài trong thiên hạ, nay ở thành Tân giả mà giúp nghịch thần là Lưu bị, bội phản triều đình thì cũng như ngọc tốt mà rơi xuống bùn nhơ, thật là đáng

(1) Từ Thử, người ở Dĩnh châu đời tam quốc, tự Ngươn Trực, lúc còn nhỏ thích học múa gươm, nhận vì báo thù giùm cho người ta nên mang tội giết người, phải bỏ mặt bỏ trốn. Sau bị lính bắt được hỏi tên họ không nói, lại trốn thoát được, tìm thầy học đạo, làm bạn với Từ Huy, Phụng Sở, Gia-Cát Không Minh.

(2) Tên tự của Từ Thử.

tiếc. Vậy xin bà chịu phiền viết thư báo va về, rồi tôi sẽ đến trước Thiên tử mà tiến cử thì Ngươn Trục ắt được phong thưởng.

Nói rồi liền bảo người đem viết giấy mực đèn. Từ mẫu hỏi :

— Lưu Bị là người thế nào ?

— Đó là đồ tiền bối ở Bái quân, nó dối xưng rằng chủ vua chứ thật không tình nghĩa chi. Ấy rõ bề ngoài là quân tử, mà bề trong thật là tiền nhân.

Từ mẫu quát to :

— Người sao dám nói quấy như thế ? Ta đã từng nghe rằng : Huyền Đức (1) là dòng vua Trung sơn Trịnh vương thật là chắc của Hiếu Kiến hoàng đế, lớn cội dãi người, chiêu hiền nạp sĩ, nhân đức chói vang, già trẻ bé lớn, tiều, mục, canh, ngư (2) cũng đều biết danh là anh hùng trên thế. Con ta đã giúp đó thực là xứng đáng. Còn người tuy dối danh là tướng nhà Hán, nhưng rõ thật là đũa giặc, vậy mà dám trở lại báo Huyền Đức là phản thần, để khiến con của ta bỏ chỗ sáng mà qua chỗ tối, sao người không biết hồ ?

Nói xong, bà lấy nghiên mực ném Tào Tháo. Tháo cả giận truyền quân đem Từ mẫu ra chém. Mưu sĩ là Trịnh Dục can :

— Từ mẫu mắng nhiếc thừa tướng để thừa tướng giận mà giết đi, như thế làm cho thừa tướng mang tiếng bất nghĩa và bà sẽ được trọn danh đức. Vả lại, Từ mẫu thác rồi, Từ Thù ắt bèn lòng phò tá Lưu Bị để báo thù. Chi bằng ta để cho Từ Thù

(1) Huyền Đức là tên chữ của Lưu-Bị.

(2) Tiều mục, canh, ngư là chốn củi, chăn nuôi, làm ruộng, đánh cá.

thân tâm lưỡng địa, dù hẳn có giúp Lưu Bị đi nữa thì cũng chẳng hết lòng. Vậy cứ để Từ mầu ở đây, tôi sẽ có kế mà gạt Từ Thử về giúp thừa tướng.

Tào Tháo lấy làm phải, đem để Từ mầu ở một nhà riêng. Bấy giờ Trình Dục thường lui tới thăm hỏi Từ mầu, dối rằng: mình có kết bạn với Từ Thử, Trình Dục lại thường sai người đem đồ vật cho và hay viết thư, thiệp cho Từ mầu. Do đó Từ mầu cũng dùng thư, mà viết gửi lại. Trình Dục lấy được điệu chữ của Từ mầu nên theo cách chữ ấy mà viết một bức thư, thiệp sai kẻ tâm phúc qua thành Tân giả mà trao cho Từ Thử bảo rằng của Từ mầu gởi sang.

Tiếp được thư bảo về của mẹ, Từ Thử vội vả xin Lưu Bị cho đi. Về đến Hứa xương (1), Từ Thử vào lạy mẹ. Từ mầu kinh ngạc hỏi. Từ Thử thưa:

— Con ở Tân giả phò Lưu Dư Châu (2), mới đây có được thư của mẹ nên phải dùng rui về đây.

Từ mầu nổi giận, vỗ ghế quát mắng:

— Loài nhuc tử! Mi trôi nổi giang hồ đã mấy năm, ta tưởng mi học nghiệp đã có tiến ích, té ra mi lại không bằng khi trước. Mi thường xem sách, sao mi không biết câu: « Trùng và hiếu không khi nào toàn vẹn cả hai ». Vả lại, lẽ nào mi không biết Tào Tháo là đứa khi vua, nghịch bề trên; còn Lưu huyền Đức thì nhân, nghĩa rãi khắp bốn phương, lại dòng dõi nhà Hán, mi đã theo phò thì phải rồi. Nay mi thấy có một bức thư giả mà chẳng suy xét, lại bỏ

(1) Hứa xương, nơi Tào Tháo làm căn cứ địa. Sau là kinh thành của Bắc Ngụy.

(2) Lưu Dư Châu tức Lưu Bị

chỗ sáng mà về chỗ tối, quả thực là ngu phu, ta còn mặt mũi nào mà thấy mi nữa. Mi làm nhục cho tổ tiên, thực uổng sinh trong trời đất.

Từ mẫu liền trở vào sau bình phong treo cổ tự tử.

Tam quốc chí.

LỜI BÌNH.

Nghe tin mẹ bị bắt lại được thư mẹ kêu về, Từ Thứ phải về, đó là vì Từ Thứ vâng lời mẹ. Vả lại, theo ý nghĩ của Từ Thứ là có về như thế mới cứu được mẹ khỏi chết vì sự báo thù đê hèn của đối phương. Sự đau khổ của người mẹ già lâm nạn làm thế nào không chạm đến tấm lòng của người con hiếu thảo.

Từ Thứ về với mẹ để làm tròn bản phận của một người con, để được tròn hiếu đạo. Nhưng về với mẹ tức là Từ Thứ về với Tào Tháo tức là Từ Thứ đã bỏ mất chí - hướng, sự nghiệp của mình, vì « **chẳng được khôn Lưu thà đại Ngụy** » (1) Đó là một điều đáng tụt, đáng tiếc cho Từ Thứ vì quá nghĩ đến một cách vô ý thức mà đành bỏ dở cả một sự nghiệp, chôn chặt chí nam nhi!

Từ Thứ là một người có mưu lược, đã đánh thắng Tào Tháo được nhiều trận, con người không phải tầm thường, nhưng đáng tiếc. Từ Thứ lại hiểu lầm một việc rất tầm thường.

(1) Thơ của Tôn Thọ Tường (1825 — 1877), người ở Bình dương, tỉnh Gia định (Việt Nam), làm quan cho thực dân Pháp, được thăng đến chức Đốc phủ. Ông có để lại nhiều bài thơ bậc cử. Câu thơ trên trích trong bài « Từ thứ qui Tào ». Bài này, tác giả tự ví với nhân vật, dùng làm đề bình.

Làm con—nhất là con người như Từ Thứ, tại sao không hiểu được tính tình của người mẹ : cũng còi hay nhu-nhược, cao thượng hay thấp hèn. Trường-hợp này có khác nào trường-hợp của Ngũ Thượng không biết được ý của cha. Cho nên trong đời, ta thường thấy kẻ làm cha mẹ thường biết tính ý, sự ham thích của người con, để nuông chiều con, nhưng trái lại, đứa con lại thường không hiểu được tính tình của cha mẹ ; do đó, người con thường làm cho cha mẹ phải khổ sở, buồn lòng.

Từ mẫu chết vì tức tử đưa con đã « bỏ chỗ sáng mà về chỗ tối » cuộc đời, chí khí, lý-tưởng của một kẻ làm trai đã mất, nhất là Từ mẫu càng đau đớn, tức tử hơn nữa là người con đã từng đọc binh thư, đã từng cầm quân ra trận, đã từng lưu lạc giang hồ mà không hiểu được tính ý của mẹ già.

Từ mẫu hồ thẹn mà chết, tức mà chết, cũng như Tư Mã Huy (1) đã tiên đoán với Lưu-Bị : « Từ mẫu là người cao nghĩa, ắt hồ người mà thấy con mình » và « Ngươn Trục không về thì bà mẹ may ra còn sống... » Từ Thứ đã làm cho Phụng Sồ kinh hãi vì trí thức hiểu biết (2), nhưng đáng tiếc việc của mình thì lại không nhận thức được, hay « việc người thì sáng, việc mình thì quáng » chẳng ?

(1) Tư-Mã Huy, người đời Tam quốc, đạo hiệu là Thủy Cảnh tiên sinh làm bạn với Phụng Sồ, Không Minh.

(2) Trong khi Ngò và Ngụy đánh nhau, Châu Du đem tướng Huỳnh Cái dùng khổ nhục kế, Hám Trạch dâng thư trả hàng, Phụng Sồ dùng liên hườn kế v.v... Từ Thứ đều biết cả nhưng không tiết lộ cho Tào-Tháo biết.

HẠNG VÔ GIẾT TẦN TAM THỂ TỬ ANH

Hạng Vô (1) bảo Tử Anh (2) :

— Xưa ông nội người bắt con cháu của lục quốc (3), hai thiên hạ để họa lại cho người, nay người còn nói chi nữa,

Tử Anh thưa :

— Thâu đất Quang đông sáu nước do ông tôi Thi Hoàng (4) làm, chớ chẳng phải tội của tôi, nay đại vương quyết muốn giết tôi thì tôi cũng chẳng dám hờn, song đất Hàm dương (5) này bị Nhị thể (6) tàn bạo, bá tánh chưa được yên một ngày ; nay đại vương vào đất Quang trung thì bá tánh đã được thấy lại mặt trời rồi, vậy xin hãy giết tôi đi

(1) Hạng Vô, đã có chú thích ở bài « Uy và Đức »

(2) Tử Anh, cháu của Tần thi Hoàng được tôn lên làm vua xưng là Tam thể, sau khi Tần Nhị thể Hồ Hợi bị quần thần bức bách nên tự tử.

(3) Sáu nước : Yên, Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn đều bị nước Tần đánh lấy.

(4) Thi hoàng tên Tử Chánh nguyên con của Châu Cơ nàng hầu của Lã Bất Vi. Trong khi có thai được 2 tháng thì Lã Bất Vi đem gả lại cho Di Nhân là hoàng Tôn (cháu vua) của Tần Chiêu Vương khi bị bắt làm con tin ở nước Triệu.

(5) Hàm dương, kinh đô của nhà Tần nay thuộc tỉnh Thiểm tây.

(6) Tần thi hoàng xưng hiệu là Hoàng đế và lấy Thi hoàng làm đầu hết nên xưng là Nhất thể, kế đó là Nhị thể, rồi truyền lần đến Vạn thể. Nhưng đến Tam thể thì nhà Tần mất, Tần Nhị thể tức là Hồ Hợi, em của thể Phò Tô. Thi hoàng chết truyền ngôi cho Phò Tô, nhưng tướng Triệu Cao và Lý Tư cải chiếu lập Hồ Hợi, để tạo vây cánh, Thái tử Phò Tô uống thuốc độc tự vẫn.

mà trả hờn cho thiên hạ, và thương xót bá tánh mà thấu phục lòng người, như thế, đại vương oai đức sẽ gồm được cả.

Tử Anh nói vừa dứt lời, Hạng Võ quát to truyền người chém ngay tại chỗ.

Tử Anh thác rờì, trong giây phút, trên trời mây bay mịt mịt, dưới đất khói toả mờ mờ.

Lúc ấy dân Tần thấy Tử Anh bị giết, lại thấy thiên âm địa hờn, đều rập nhau la lên một tiếng vang trời dậy đất, nguyên rủa :

— Bất công (1) có đức được làm vua muôn đời, Lỗ công (2) bất nhân phải tuyệt dòng dứt họ.

Hạng Võ nghe thế nổi giận, truyền bắt bá tánh thành Hàm dương đem giết hết.

Quân sư là Phạm Tăng can :

— Lúc Lưu Bang vào Quang trung, một mảy không phạm đến, lại làm ba chương ước pháp (3) rất được lòng dân; nay đại vương ăn tình chưa ra mà lại giết Tử Anh lại còn muốn giết cả bá tánh thành Hàm dương nữa, tội e lòng người đã mất rồi thì thiên hạ ắt khó thấu được.

Hạng Võ bảo :

— Ta dắt thiên hạ, chư hầu hiệp nhau mà đánh nhà bạo Tần, Tử Anh là vua Tần, lẽ nào chẳng giết,

(1) Bất công tức Lưu Bang, đã có chú thích ở bài « Giáo dục phải đi đôi với cải thiện ».

(2) Lỗ công tức Hạng Võ. Tước của Sở Hoài vương phong cho.

(3) Khi Lưu Bang vào thành Hàm dương nghe lời Tiệu Hà lập ba chương ước pháp hủy bỏ luật dốt của nhà Tần; nếu ai giết người thì chết chém, đánh người và ăn trộm thì hai tội đồng nhau. Các tội khác tùy nặng nhẹ mà xử.

sao bá tánh lại hiệp nhau mà hủy nhục đến ta, ấy là loài phản nghịch, nếu chẳng giết ắt sinh hậu hoạn.

Phạm Tăng nói :

— Xưa Lỗ-công (1) giết có một người cung nữ vô tội mà trời hạn đến chín năm, Cảnh công (2) giết giết cung phi mà dài nghiêng hơn ba dặm, ấy cũng là vì giết người vô tội mới sinh ra cào-cào cắn lúa thóc. Vì vậy người xưa có nói : « *Thất phu cầm hờn sáu tháng sương bay, thất phu hàm oan ba năm trời hạn.* » Nay mây sầm khói mịt cũng vì Tử Anh vô tội mà bị giết đi, cho nên lòng trời thương xót; còn bá tánh không tội gì mà lại bị tru戮 nữa, thì tôi e hại niềm hoà khí đi chăng?

Giữa lúc Phạm Tăng đương can gián, bá tánh thành Hàm dương vẫn kêu gào chẳng dứt. Hạng Vô càng thêm giận dữ, truyền quân lính lùa bắt chém giết. Chỉ trong chốc lát, những công tử, thân tộc của nhà Tần hơn tám trăm người và các quan văn võ cùng bá tánh hơn bốn ngàn sáu trăm mạng đều bị giết chết, thấy chất đầy chợ, máu chảy như sông, làm nhà nhà đều đóng cửa, đường vắng ngắt người đi. Hạng Vô chưa nguôi cơn giận còn muốn bắt giết cả dân chúng thành Hàm dương cho tận tuyệt.

Phạm Tăng thấy thế khóc rống lên, bước đến trước, vấp đầu vào đầu ngựa của Hạng Vô;

— Xưa lúc vua Thang (3) ở ngôi, trời sinh đại

(1) Lỗ công, vua nước Lỗ chứ không phải Hạng Vô

(2) Cảnh công, vua nước Tề đời Xuân thu.

(3) Vua Thang : nhà Hạ trải 500 năm (2205-1784) từ vua Võ đến vua Kiệt. Vua Kiệt là một hôn quân, tàn ác bị ông Thành Thang hợp các chư hầu đem quân tiêu diệt, lập thành nhà Thương.

hạn, vua Thang đem mình năm dài ra làm con hy sinh (1) mà tế, đem sáu việc mà trách mình. Cách ba ngày sau, trời liền mưa to, ấy là vua Thang còn vì bá tánh chẳng kể đến thân mình. Nay dân Tần vô tội mà bị giết như thế này, lòng trời sinh giận, đại vương chẳng sợ sao?

Hạng Võ thấy Phạm Tăng can gián lắm mới chịu thôi.

Tây Hán sử

LỜI BÌNH

Hạng võ giết Tử Anh không phải là không có lý, mặc dù trong « Tây Hán chí » chỉ cho biết Hạng Võ giết Tử Anh vì Hạng Võ đã đem quân vào đất Quang trung có hơn 10 tháng mà Tử Anh không ra mặt. Giết Tử Anh vì lòng tức giận mà thôi.

Nhưng xét kỹ đứng trên lập-trường của Hạng Võ, ta thấy vì Tử Anh chịu đầu hàng Lưu Bang, được Lưu Bang tha giết tức đã thiên hân bên Lưu Bang. Việc làm của Lưu Bang càng biểu-lộ một tấm lòng rộng rãi, hiền từ đối với kẻ thù, và nhân đó mà chinh-phục được lòng của kẻ thù.

Tử Anh dù sao cũng còn một lực lượng nhân dân thành Hàm dương khá mạnh, vì Tử Anh là người hiền, được một ít tín-nhiệm và cảm tình với nhân dân, bằng chứng khi Hạng Võ giết Tử Anh, thì bị nhân dân phản ứng quá mạnh. Tử Anh theo Lưu Bang là giúp cho Lưu Bang một lực-lượng, là hậu hoạn cho Sở. Hạng Võ đã sẵn nóng tính, như vậy không giết Tử Anh sao được?

(1) Hy sinh là vật cúng tế như trâu, ngựa, heo, dê v.v...

Nhưng vấn đề nào cũng có hai mặt.

Giết Tử Anh dễ hả lòng căm giận, dễ chặt đứt vây cánh của Lưu Bang, nhưng trái lại mang phải tiếng vô đạo, tạo ngược, nhân dân càng xa-thần, vô tình làm thất nhân tâm, làm lợi khí truyền cho đối phương. Cũng như các tướng của Lưu Bang có nói với Lưu Bang khi Hạng Võ bắt buộc phải đưa Tử Anh sang hầu vua Hạng «: . . . Thoảng như Hạng Võ giết và đi thì lại càng rõ cái đức của mình công, thiên hạ sẽ có công luận ». Không đặt bẫy, Lưu Bang thình lình lại bắt được thịt.

Không bỏ lên bàn cân, xem lấy trọng lượng của hai vấn đề để chọn lấy một, vả lại, vì bản chất hư hỏng của Hạng Võ (tính nóng nảy), nên Hạng Võ không thống nhất được mâu thuẫn giữa hai tư-tưởng đối lập như trên, để tranh thủ Tử Anh về mình, làm một bên đồng minh trực-tiếp hay gián-tiếp.

Giết Tử Anh dù sao cũng có hại. Giết thêm dân chúng thành Hạng dương cho thỏa lòng căm giận, quả thật không phải vấn đề cần bàn dài-dòng nữa rồi !

Sa-Đéc

Saturday, May 14, 2016

BIẾT DỪNG CÙNG KHÔNG MÀ THÔI

Hàn Tín (1) bỏ Sở sang Hán. Đàng công Hạ Hầu Anh vắng linh Lưu Bang chương quân Chiêu hiền quán, để đón tiếp những bậc hiền sĩ đến đầu nói với Hàn Tín rằng :

— Tôi vẫn nghe danh hiền sĩ đã lâu, nhưng chưa biết mặt, nay may hiền sĩ chẳng nài đường xa ngàn dặm, lặn lội đến đây, ấy chẳng may cho một người mà là may cho cả nước. Tôi muốn nghe shước hay, xin chờ tiếc lời châu ngọc.

Hàn Tín nói

— Đời này làm tướng duy biết binh pháp mà chẳng biết dừng. Tuy thuộc hết cả sách của họ Tôn (2), họ Ngô, đến giảng luận thao lược (4) đi nữa

(1) Hàn Tín, người đất Hoài âm đời Tây Hán. Thuở nhỏ nhà nghèo phải đi câu cá ở sông Hoài mà chẳng đủ ăn, phải ăn nhờ ở bà Phiêu mẫu. Khi Hạng Lương khởi nghĩa, Hàn Tín đến đầu nhưng Hạng Lương thấy dưng mao không muốn dùng, nên chỉ phong làm chức Chấp kích lang cho hầu dưới trướng. Là người có tài giỏi, giúp Lưu Bang dựng nên vương nghiệp, được phong làm Tam Tề vương, sau bị xử tử vì bị kết tội mưu phản.

(2) Họ Tôn tức Tôn vũ Tử, người đời chiến quốc là một nhà binh pháp có danh tiếng.

(3) Họ Ngô tức Ngô Khởi là một nhà binh pháp được liệt ngang hàng với Tôn vũ Tử đời chiến quốc.

(4) Thao lược tức lục thao, tam lược. Lục thao là tên một binh thư bản cũ đề do Lã Vọng tức Khương tử Nha, người đời nhà Chu soạn. Sách gồm có 5 quyển nói về 6 thao là ; Văn thao, Vũ thao, Long thao, Hồ thao, Bào thao, Khuyển Thao đều là những mưu mô quyền quyết của nhà binh. Tam lược cũng là tên của một binh thư, gồm 3 quyển. Bản cũ đề soạn giả Hoàng thạch Công,

Thao lược là chỉ chung về phương lược dụng binh hoặc người có tài chỉ huy, điều khiển quân đội.

cũng chẳng đủ mà dùng được. Cho nên muốn làm được trọng đã biết binh pháp thì phải biết dùng. Xưa nước Tống có người biết làm thuốc quy thủ. Thuốc này làm cho con người không sợ lạnh. Nhà người này dời dời ở dựa mé sông, làm nghề giặt vải, tuy tiết đông lạnh lẽo mà tay không nứt nẻ, nhờ đó công việc làm ăn rất phát đạt, nhưng chẳng chịu truyền thuốc ấy cho ai cả. Bấy giờ có hai người khách đi ngang qua thấy thế, xin chịn một lượng bạc để chuộc bài thuốc ấy. Người nước Tống nghĩ rằng : ta giặt rửa cả dư ngày thì chỉ đủ ăn đủ mặc, chớ làm sao có dư được một số bạc nhiều thế. Vậy chi bằng truyền phước cho người để lấy bạc mà dưỡng thân chẳng tiện hơn. Nghĩ như thế mới truyền bài thuốc ấy.

Hai người được bài thuốc ấy rồi, khi đến nước Ngô, nhằm lúc tiết đông rét lạnh, nước Việt hưng binh qua đánh nước Ngô, Binh Ngô vì lạnh ra trận không được, hai người khách liền dâng bài thuốc quy thủ cho Ngô vương, để thoa tay chân quân sĩ. Nhờ đó binh Ngô chẳng còn sợ lạnh nữa, nên sức đánh có một trận thắng được binh Việt. Ngô vương cả mừng, trọng thưởng hai người khách. Ấy cũng là một thứ thuốc mà người nước Tống chỉ để dùng thoa tay dặng giặt rửa dưới sông cho khỏi lạnh ; còn hai khách lại dùng đánh nổi giặc, như thế cò phải là biết dùng cùng không biết dùng hay chăng ? Cũng như đạo làm tướng chẳng những chỉ thuộc binh thư, mà còn phải biết phép dùng binh nữa mới được.

Đặng còn lại hỏi :

— Hiền sĩ đại tài như vậy, thế mà lúc ở Sở lại không được trọng dụng là tại làm sao ?

Hàn Tín đáp :

— Xưa Bá Lý Hề(1) ở với nước Ngưu, nước Ngưu không biết dùng nên phải mất nước. Sau qua ở nước Tần, nước Tần biết dùng mới làm được nghiệp-bá (2). Xưa nay, người hiền không bao giờ vô dụng, duy tại nơi vua biết dùng cũng không mà thôi. Lúc tôi ở Sở đã từng dâng kế bảy mưu mà Sở chẳng khứng dùng ; Phạm Tăng (3) lại liền cử mấy phen, Hạng Yô cũng chẳng chịu, tôi liệu Hạng vương chẳng biết dùng nên phải bỏ Sở.

Tây Hán chí

LỜI BÌNH

Những bậc đế vương ngày xưa sở dĩ lập thành những cơ nghiệp vĩ đại không phải họ có tài bá lỗi-lạc, mưu hay kế giỏi, mà họ chỉ biết dùng người để mưu lấy sự nghiệp của họ.

Lưu Bang làm thành nên sự nghiệp nhà Hán là biết dùng bốn tam kiệt : Tiêu Hà, Hàn Tín, Trương Lương. Ngay như Tào-Tháo là một chính trị gia gian hùng đệ nhất phương Đông cũng biết

(1) Xem lại chú thích bài « Muốn làm bá chủ thiên hạ »

(2) Một thứ bậc dưới bậc Vương. Trên hết là bậc Hoàng Tam Hoàng : Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh đế), rồi đến bậc Đế (ngũ đế : Thiếu hiệu, Xuyên hắc, Đế Cốc, Đường Nghiêu và Ngụ Thuấn). Sau ngũ đế có Tam vương (Hạ, Thương và Châu). Sau tam vương có Ngũ bá (Tề Hoàn công, Tống Tương công, Tần Mục công, Tấn Văn công và Sở Trang công).

(3) Xem lại chú thích bài « Giữ chùa thù Phát thì ăn oán ».

dùng người như : Quách Gia, Hứa Nhu v.v... nên mới lập thành được cơ nghiệp nước Ngụy, có sức đương đầu cùng hai nước Ngô, Thục.

Trái lại, bên cạnh vua Trụ đã có Thái sư Văn Trọng, Cơ Xương, Khương Tử Nha... có cả hàng bao nhiêu người hiền tài như thế, mà cơ nghiệp hư hoại, ấy chỉ vì Trụ vương không biết dùng những kẻ ấy. Hạng Vô bị tử tiết tại Ô giang, chấm dứt cuộc đời ngang tàng vô dúng của một vị Bá vương; ấy chỉ vì không biết dùng Phạm Tăng, Hàn Tín...

Lịch sử thế-giới còn để lại không biết bao gương.

Bực hiền tài không bao giờ vô dụng. Ngay cả những kẻ tầm thường cũng còn đem được sức yếu kém của mình phụng sự cho đất nước. Cho nên kẻ lãnh đạo không nên khinh rẻ một ai, mà xem ai cũng có thể dùng được miễn biết áp-dụng vào công việc tùy sở trường hoặc sở đoản của họ.

Khi lãnh chức nguyên nhung, Hàn Tín tổ chức quân đội « người cao thì cầm cung, cầm ná, kẻ thấp thì cầm kích, cầm mâu; người coi xa không rõ thì để nghe hiệu lệnh; người nghe xa chẳng được thì coi chừng gió lửa v.v... » Như thế, Hàn Tín quả thật là một binh gia có tài.

Tóm lại, cái kết-quả tai hại cho cơ-nghiệp, cho đất nước là do kẻ lãnh đạo hẹp hòi, mù quáng, không biết dùng người, không biết tận dụng khả-năng của mỗi hạng người.

Khinh người, để cho kẻ hiền tài phải mai một, đó là một đại tội của người lãnh-đạo.

NGHĨ ĐIỀU NHÂN NHỎ MÀ NUÔI KẼ THÙ LỚN

Nước Việt (1) thua nước Ngô (2), Vua Việt là Câu Tiễn cùng vợ phải sang làm tôi cho Ngô vương là Phù Sai.

Phù Sai nói với Câu Tiễn :

— Nếu ta nghĩ đến cái thù tiên vương ngày xưa (3) thì không thể nào tha nhà người được.

Câu Tiễn lạy thưa :

— Tội tôi thật đáng chết, xin đại vương thương cho,

Quan tướng quốc là Ngũ Viên đứng bên cạnh nói với Phù Sai :

— Con chim bay ở trên mây xanh, ta còn muốn giương cung ra bắn, huống chi nay lại đậu ở trước sân, Câu Tiễn vốn là người nhậm hiền, bây giờ như cá trong chậu, sống chết ở trong tay kẻ bạo nhân (4), vậy nên nình hột van lạy để cầu khỏi chết ; nếu một mai đắc chí, khác nào như con hổ về núi, cá-kình (5) ra bể, còn trị làm sao :

(1) Một nước ở đời Xuân thu, ở vào lĩnh Chiết giang Giang tô và một phần lĩnh Sơn đông ngày nay.

(2) Một nước ở đời Xuân thu, thuộc địa phận phía nam sông Hoài, sông Từ cho đến lĩnh Chiết giang.

(3) Nguyên vua Ngô trước kia là Hạp Lư đem quân sang đánh nước Việt, bị thất bại. Tướng của Việt Câu Tiễn lại chém được Hạp Lư ở chân làm mất ngón chân cái. Hạp Lư đã già bị đau quá nên chết. Cháu của Hạp Lư là Phù Sai lên ngôi, quyết báo thù.

(4) Bạo-nhân là người làm thịt cá nấu ăn.

(5) Một loại cá to ở biển thuộc loại cá voi.

Phù Sai nói :

— Ta nghe nói : kẻ đã hàng phục mà mình còn giết thì họa đến ba đời. Ta cũng chẳng yêu vị vua Việt mà không giết những sợ trái với đạo trời.

Bấy giờ, Câu Tiễn ở Thạch thất (1), ăn mặc tồi tàn, hằng ngày cắt cỏ nuôi ngựa, còn vợ cũng ăn mặc rách rưới, đi gánh nước để quét dọn phân ngựa, quan đại phu là Phạm Lãi theo phò phải đi kiểm củi nấu cơm, thân thể gầy ốm. Phù Sai sai người dò xét, thấy vua tòi nước Việt cùng nhau làm lụng không tỏ vẻ oán giận, mà suốt đêm suốt ngày cũng không thấy buồn rầu chút nào, mới cho là kẻ tầm thường, vô-lại nên chẳng cần quan tâm.

Phù Sai lại định sai quan thái sử chọn ngày tốt thả vua Việt về nước

Ngũ Viên được tin, vội vàng vào yết kiến Phù Sai tâu :

— Ngày xưa vua Kiệt (2) giam vua Thang (3) mà không giết, vua Trụ (4) giam vua Văn vương (5) mà không giết, đến lúc đạo trời quay lại, chuyển họa thành phúc thì vua Kiệt bị vua Thang

(1) Chỗ giam bằng đá.

(2) Vua Kiệt đời nhà Hạ (2205 — 1784) từ vua Võ đến vua Kiệt là một hôn quân, tàn ác, xa xỉ.

(3) Vua Thang đời nhà Thương (1783 — 1135) từ Vua Thành Thang đến vua Trụ, Vua Trụ tàn ác chẳng kém vua Kiệt.

(4) Vua Trụ, vua cuối cùng của nhà Thương hoang dâm vô đạo.

(5) Vua Văn Vương đời Tây Châu (1135 — 770), con vua Trụ đến đời phải bị cầm tù tại đất Dã lý.

đuôi (1) nhà Thương bị nhà Chu diệt (2). Nay đại vương giam Câu Tiễn mà không giết, tôi e rằng sắp có họa như nhà Hạ và nhà Thương.

Phù Sai nghe lời nói của Ngũ Viên, lại có ý muốn giết Câu Tiễn, sai người triệu Câu Tiễn vào. Nhưng lúc ấy Phù Sai lại mắc phải bệnh cảm hàn nên đình việc giết lại.

Suốt ba tháng, Phù Sai vẫn chưa khỏi bệnh. Phạm Lão bôi một quả, nói với Câu Tiễn :

— Phù Sai không chết, ngày kỷ ty thì bớt; đến ngày nhâm thìn thì khỏi hẳn. Bảy giờ đại vương cố xin vào thăm và cương quyết xin nếm phàn, rồi lay mừng mà nói kỷ bệnh khỏi. Như vậy, khi khỏi thật tất nhiên cảm ơn mà tha chúa công.

Câu Tiễn ứa nước mắt :

— Ta đây dù chẳng ra gì nhưng cũng là một ông vua, không lẽ lại chịu nhục mà nếm phàn của người ta hay sao !

Phạm Lão nói :

— Ngày xưa vua Trụ giam vua Văn vương ở đất Dũ lý, giết con vua Văn vương là Bá Ấp Khảo, rồi làm mắm mà đem cho vua Văn vương, thế mà vua Văn vương, cũng chịu nhục mà ăn thịt con. Ta muốn thành đại sự thì cần gì những tiền-tiết. Vua Ngô tính nết đàn bà, không có lòng quả-quyết, đã toan tha ra rồi lại đổi ý. Ta

(1) Vì vua Kiệt vô đạo, giết hại trung thần nên vua nhà Thành Thang họ Tử Thi tên Lý tự Thiên Ất hội chư hầu đánh vua Kiệt, đày vua Kiệt nơi Nam sào mà lên ngôi thiên tử.

(2) Vì vua Trụ vô đạo chẳng kém vua Kiệt nên vua Võ vương Cơ Phát, con của Cơ Xương hội chư hầu tại Mạnh tân đem binh đánh vua Trụ, lên ngôi lập thành nhà Châu.

không thể thì sao cho vua Ngô chịu nhủ lòng thương.

Câu Tiễn bằng lòng.

Phù Sai thấy Câu Tiễn như thế nên cảm động định ngày phóng-thích, lại truyền mở tiệc chúc mừng, Ngũ Viên vào tàu với Phù Sai :

— Câu Tiễn trong bụng như hồ lang mà mặt ngoài giả cách cung kính. Đại vương thấy nó xu nịnh, chẳng nghĩ gì đến tài và mai sau. Đại vương đã bỏ lời trung trực mà nghe kẻ gièm pha (1), nghĩ điều phẫn nộ mà nuôi kẻ thù lớn, khác nào như hòng nắm lông ở trên lò than mà mong khỏi cháy, ném quả trứng ở dưới cân nặng mà muốn được toàn, thì có lẽ nào !

Phù Sai không bằng lòng, bảo :

— Câu Tiễn bỏ nước sang đây, đem của cải đến dâng nộp, đem thân làm tôi tớ, đó là điều trung ; khi ta cố định chịu ném phẫn ta mà không có lòng oán giận, đó là điều nhân. Nếu ta theo ý riêng của quan tướng quốc mà giết kẻ thiện sĩ ấy thì trời nào tựa ta nữa.

Ngũ Viên thưa :

— Sao đại vương nghĩ lầm như vậy ! Con hổ mà thu mình tất là chực vồ, con ly rút cổ lại thì tất là định cắn. Vua Việt vào làm tôi Ngô, dầu trong lòng oán giận, đại vương không thể biết được. Bây giờ cúi xuống mà ném đồng phàn

(1) Kẻ gièm pha đây là ám chỉ Bá Hy, làm quan thái-tể có quyền dự việc quốc chính, người tham của mê sắc lại có lòng ghen ghét kẻ tài năng. Việt Câu Tiễn đem lễ vật và mỹ nữ đút lót, cầu xin ủng hộ, Ngô Phù Sai hay nghe lời.

của đại vương, chắc đâu không có một ngày kia ngẩng lên mà ăn bộ đồ lòng của đại vương. Đại vương không xét mà mắc mưu lừa thì tất có ngày bị hại.

Phù Sai không nghe lời khuyên của Ngũ Viên nên tha cho Câu Tiễn về nước. Sau Câu Tiễn đem binh đánh, tiêu diệt được nước Ngô. Phù Sai tự tử.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Người ta đã thất bại, dẫu hàng mình, đến đời hạ mình để ném phân mình, thật là một điều không thể tưởng-tượng được, như vậy còn ai có đủ can-đảm đem người xử tử. Phù Sai tha Câu Tiễn không phải là không đúng Nhưng đúng chỉ ở trên lập-trường thiên cận mà thôi.

Vì theo chủ-trương giết Câu Tiễn của Ngũ Viên, trong công cuộc sát phạt, muốn tiêu diệt đối phương để gây dựng thế lực, bá nghiệp của mình cố nhiên không thể không giết người được. Nhưng nói như thế, không phải ta cố định là xây dựng nghiệp bá phải bằng xương máu của người.

Sang le, hai chủ-trương giết và tha của Ngũ Viên và Câu Tiễn đều chỉ nhìn có một mặt. Giết một người như Câu Tiễn đâu phải là một phương sách chấm dứt được hậu hoạn, giữ gìn đất nước được an toàn. Vì cá-nhân này mất đi còn có một cá-nhân khác, còn có cả một lực-lượng của khối nhân dân chống lại. Giả sử vua Kiệt giết vua Thang, vua Trụ giết Văn vương, phỏng hỏi có giữ được cơ nghiệp nhà Hạ, nhà Thương không, khi một khối

toàn dân đều căm thù, ta thán vâng lên... Nhưng tha người cần phải có điều kiện, nghĩa là khi tha một ông Thang, ông Văn vương, một Câu Tiễn, người căm quyền khi đã nhận thấy đối phương căm mến được lòng nhân của mình một cách chân thành nhất là người căm quyền phải mạnh, phải có uy, phải có một chương-trình khuếch-xung thế lực để chế-ngự một khi đối phương muốn quật trở lại.

Truy nguyên sự thất bại của Phù Sa, đề tiêu tan sự nghiệp nước Ngô, lý do chính không phải vì tha Câu Tiễn, mà chính vì bản thân của Phù Sa hư hỏng, nghe lời gièm pha, sàm nịnh của kẻ gian thần như Bá Hy, phớt bỏ việc triều chính, đắm say Tây Thi, phung phí tài lực, vật lực của nhân dân vào công cuộc tiêu khiển cho mỹ nữ. Đó là động cơ chính làm cho nước Ngô suy nhược đi đến diệt vong.

Nghĩ điều nhân nhỏ mà nuôi kẻ thù lớn, không phải là điều không nên làm. Nhưng dám thực hiện điều nhân nhỏ cố nhiên cần phải có điều-kiện, cũng như nuôi kẻ thù lớn là phải có đủ phương pháp hàng phục được kẻ thù bằng nhân đạo và uy lực. Trái lại, thực hiện điều nhân nhỏ bằng một cách mù quáng, nhìn cử chỉ ra đáng hèn hạ, nhu nhược bề ngoài của kẻ thù, thiếu điều tra nhận xét, đó là điều thất sách của một nhà lãnh-đạo trong cuộc thư hùng với địch.

* * *

(1) Phù Sai lập Quảng khuê cung trang sức toàn bằng châu ngọc để làm chỗ để cho Tây Thi ra chơi, lập Trường-châu-vườn để làm chỗ săn bắn, lập Ngư thành (nuôi cá) Ấp thành (nuôi vịt) Kê-Ai (nuôi gà), Tầm thành (nuôi rùa) lập Tiễn hạ loan để nghỉ mát.

GIÀO-THỎ CHẾT THÌ TÀU-CẦU TẮT BỊ MỒ

Nước Việt đã chinh phục được nước Ngô. Vua Việt là Câu Tiễn được tất cả chư hầu bấy giờ như Sở, Lỗ, Tống... đều thần phục tôn làm bá chủ. Câu Tiễn bày tiệc trên Vân đài, nước Ngô để cùng với các quan uống rượu vui say. Nhạc công tấu khúc « Phạt Ngô »

*Đại vương ta thần vũ, binh uy,
Muốn trừ vô đạo, hỏi nhật kỳ
Phạm Lãi, Văn Chung (1) liền tâu quy :
Ngô giết trung thần Ngũ Tử Tư (2),
Nay chẳng đánh Ngô, còn đợi chi ?
Mưu thần phụng mạng ngày lúc thì,
Mở mang nghìn dặm một trận đi.
Công nghiệp lòng lầy nên nhớ ghi,
Thường phạt xứng đáng chẳng tiếc gì.
Vua tôi vui chén hồ mấy khi.*

Các quan ở trên đài đều khoan khoái, tươi cười chỉ có Câu Tiễn vẻ mặt không được vui. Phạm Lãi thấy thế, phản năn một mình :

— Đại vương không muốn nói đến công của kẻ hầu hạ, thế là cái mối nghi kỵ đã trông thấy rồi !
Ngày hôm sau, Phạm Lãi vào cáo từ Câu Tiễn:

(1) Phạm Lãi và Văn Chung là hai quan đại phu của nước Việt, người địa mưu túc trí, hiền tài. Trong khi Câu Tiễn phải sang làm tôi nước Ngô, giao việc nước lại cho Văn Chung điều khiển; còn Phạm Lãi thì theo phó, chịu vút-vả với nhà vua.

— Tôi nghe : vua nhục thì bề-tôi nên chết. Khi trước đại vương bị nhục ở Cối-kê (1) mà tôi không chết là định ăn nhân để báo thù nước Ngô. Nay nước Ngô đã diệt rồi, xin đại vương gia ân cho ấm thân-giả yếu này được về nghỉ.

Câu Tiễn trả nước mắt, bảo :

— Ta nhờ sức người mà được như thế này, đương nghĩ đền công lại, có sao nhà người lại nỡ bỏ ta mà đi. Nhà người ở lại, ta sẽ giao quyền chính-cho, nếu đi thì vợ con nhà người, ta sẽ giết hết.

Phạm Lãi nói :

— Giết tôi thì hơn, chứ vợ con tôi có tội gì. Thôi thì sống chết cũng tùy ý đại vương, tôi chẳng nghĩ chi cả!

Đêm hôm ấy, Phạm Lãi đi một chiếc thuyền nhỏ qua Tam giang vào Ngũ hồ (2).

Câu Tiễn sai người đi triệu Phạm Lãi thì Phạm Lãi đã đi mất rồi. Câu Tiễn sầm nét mặt lại bảo Văn Chung :

— Ta có thể đuổi theo mà bắt lại được không ?

Văn Chung thưa !

— Mưu trí Phạm Lãi, quỷ thần khó lường được, ta không nên đuổi theo.

Có người đem một bức thư đưa cho Văn Chung. Đó là bức thư của Phạm Lãi :

(1) Cối Kê, kinh thành nước Ngô lúc bấy giờ. Câu Tiễn và vợ bị vua Ngô Phù Sai bắt về làm tỳ. Đã có nói rõ ở một bài trước.

(2) Phạm Lãi từ Ngũ hồ ra bể, rồi một đêm về đem cả vợ con theo sang ở nước Tề, đổi tên là Chi di Tử Bi, làm quan thượng khanh. Không được bao lâu thì từ chức về ẩn ở Đào sơn, chăn nuôi, súc vật xưng là Đào Chu công, viết sách « Trí phú kỳ thư »

Vua Ngô (1) có nói : « Giảo thổ đã chết thì tầu cầu tất bị mỗ ; địch quốc đã diệt thì mưu thần cũng chẳng còn », ngài không nhớ hay sao ! Vua Việt, mới dãi mỗ qua là người nhận nhục màg hét kẻ có công Càng ở lúc hoạn nạn thì được, chứ cùng ở lúc an lạc thì chẳng toàn. Nay ngài không đi, tất có tai vạ. »

Văn Chung có vẻ buồn rầu nhưng có ý chẳng tin lời của Phạm Lãi, phản nản :

— Thiệu Bá (2) xử như thế cũng khi quá !

Câu Tiễn bấy giờ không ban thưởng cái công diệt Ngô mà cũng không chia cho các quan một thước đất nào cả, và có ý khinh dể kẻ công thần. Kế Nghê giả cách điên dại rồi xin từ chức. Có nhiều người xin cáo lão. Văn Chung nghe lời của Phạm Lãi cáo ốm không vào triều. Câu Tiễn vốn biết tài của Văn Chung nên nghĩ thầm : « Ngô đã diệt rồi, còn dùng chi nữa, nếu hấn làm loạn, không ai trị nổi, nhưng muốn trừ đi lại không có cớ gì ».

Một hôm Câu Tiễn đến thăm bệnh Văn Chung. Văn Chung ra đón, ốm nặng, giọng dậy nghinh tiếp. Câu Tiễn liền cởi thanh kiếm ra ngồi, bảo Văn Chung :

— Ta nghe người chi sĩ không lo thân mình chết, mà lo cái đạo của mình không được thực

(1) Tức Ngô Phù Sai. Nguyên trong khi bị quân Việt bao vây nguy ngập, Phù Sai có viết một bức thư cho Phạm Lãi và Văn Chung xin hàng : « Ta nghe giảo thổ chết thì tầu cầu tất bị mỗ, địch quốc đã diệt thì mưu thần cũng chẳng còn... »

(2) Thiệu Bá tên tự của Phạm Lãi.

hạnh, Nhà người có bảy thuật (1), ta mới thi hạnh có ba mà Ngô đã diệt. Vậy còn thừa bốn thuật, nhà người định dùng làm gì ?

Văn Chung đáp :

— Tôi cũng không biết dùng làm gì cho được.

Câu Tiễn nói :

— Xin nhà người đem bốn thuật ấy mà mưu họ cho tiền nhân nước Ngô ở dưới âm phủ, phỏng có nên chăng ?

Câu Tiễn nói xong lên xe đi về, bỏ thanh kiếm lại chỗ ngồi. Văn Chung cầm lấy xem thì vô kiếm cho, chữ « Chúc lâu », tức là thanh kiếm của Phù Sai đưa cho Ngũ Viên để tự tử khi trước (1), Văn Chung ngửa mặt lên trời than thở :

— Cổ nhân có nói : « Ôn to thì không báo nữa » ta không nghe lời Thiệu Bá đến nỗi bị giết, chẳng cũng ngu lắm ru !

Rồi Văn Chung lại phì cười :

— Nhà bạn đời sau tất đem ta mà sánh với Ngũ Viên thì còn oán hận gì nữa.

Văn Chung nói xong liền cầm kiếm tự tử.

Chiến quốc sách

(1) Bảy kế phá Ngô của Văn Chung : 1. Chịu tổn của cải để làm cho vua tôi nước Ngô bằng lòng 2. Lấy giá đắt mua thóc và cỏ làm cho Ngô thiếu thốn 3. Đem mỹ nữ sang dâng để làm cho mê hoặc 4. Đem thợ khéo, gỗ tốt sang dâng để làm cung thất tổn hại tiền của 5. Dùng kế mưu thần để làm cho nước loạn 6. Hai kẻ gián thần để làm cho thế cô 7. Tích của luyện quân chuẩn bị thời cơ.

(2) Ngũ Viên là quan tướng quốc nước Ngô, một bề tôi rất trung thành, có mưu giỏi trí cao, vì can vua Ngô Phù Sai nên bị chết. Phù Sai sai người đem thanh kiếm « Chúc lâu » đưa cho Ngũ Viên, Ngũ Viên tiếp lấy đâm cổ chết.

LỜI BÌNH

Phạm Lãi cho Câu Tiễn, là người có tánh nhẫn nhục mà ghét kẻ có công; cùng ở lúc hoạn nạn thì được, chứ cùng ở lúc an lạc thì chẳng toàn vì .. Câu Tiễn có một bộ mặt mỗi dài, mỏ quạ...

Không phải là thầy tướng xem mặt đoán người bằng cái lẽ « xuất hình ư ngoại », nên ta không biết nhìn nhận điều đó có đúng hay không? Nhưng thực tế, lịch sử đã chứng minh: trong thời quân chủ đã có biết bao ông vua giết hại công thần khi đã chiến thắng được kẻ địch, bình định xong đất nước, nắm trọn được bá quyền?... Lưu Bang giết Hàn Tín (1), vua Gia Long giết Nguyễn văn Thành (2), Đặng Trần Thường v.v... chỉ vì những ông vua này sợ những tôi công thần được nhiều uy-tín, có thể lực mạnh sẽ đoạt mất ngai vàng của mình.

Biết tâm địa của Câu Tiễn như thế, nhưng Phạm Lãi vẫn chịu vất-vã, đồng cam cộng khổ, phò tá sang làm tù ở nước địch là vì Phạm Lãi đã đặt việc nước trên cá-nhân mình. Phò Câu Tiễn là do

(1) Hàn Tín phò Lưu Bang, làm nguyên soái đem binh tiêu diệt được Hạng Vũ lập thành cơ nghiệp nhà Hán. Sau bị Lưu Bang nghi là phản bội nên bị vợ của Lưu Bang là Lữ Hậu giết chết.

(2) Nguyễn văn Thành theo vua Gia-Long từ lúc mới khởi binh đánh Tây Sơn, chịu cả mọi đường khổ sở, lập nhiều công lớn đứng đầu hàng công thần, làm Tổng trấn Bắc hà. Vì con làm thơ chơi có câu: « Thư hồi nhọc đặc sơn trung tể tá ngã kinh luân chuyên hóa ky » (Sơn từ phen này đủ gập gờ; Giúp nhau xoay đời hội cơ này), nên ông Thành bị kết tội mưu phản vớtcòn nên ông phải uống thuốc độc tự tử.

ý thức trung quân, là phò con người đã biết dùng mình, sỏ cậy vào mình, biết nghe mình mà mình không nỡ bỏ trong khi người lâm nạn. Nay việc lớn đã hoàn thành, Khanh tướng công hầu, người đời ai lại không mến chuộng, nhưng tình đời « dặng chim bẻ ná, dặng cá quên nôm » thì tha-thiết miếng đỉnh chung (2) làm gì để sinh mạng có ngày bị hại.

Phạm Lái là một người thức thời.

Văn Chung chết chỉ vì còn đắm say địa vị công danh. Con người có tài năng đã nghĩ được bảy kế để phục quốc, tiêu-diệt được kẻ thù, thì làm gì không nghĩ được nhân tình lãnh oán, thế-thái viêm lương ! Ngũ Viên chết vì can vua, vì là một bề tôi trung thành, không muốn đất nước phải thuộc vào tay của kẻ phác. Văn Chung đem cái chết của mình sánh với cái chết của Ngũ Viên cho là không còn dám oán hận gì nữa, chỉ là một lời an ủi sự đại dột chán-chường của mình mà thôi.

(1) Đặng Trần Thương theo vua Gia Long dẹp Tây Sơn, có công làm đến chức Bình bộ, thương thù, bị kết án gian lận và bị tội xử giảo.

(2) Đỉnh chung là vật và chuông. Nghĩa bóng là phú quý giàu sang « Đỉnh chung tạo nỏ ăn ngồi cho yên » - (Nguyễn Du).

THƯƠNG ƯƠNG BA LẦN YẾT-KIỆN TẦN HIẾU CÔNG

Tần Hiếu công hạ lệnh cầu người hiền. Vệ Ương (1) sang nước Tần (2) xin vào yết-kiến một người bề thần (3) của Tần Hiếu công tên Cảnh Giám.

Biết Vệ Ương là người có tài, Cảnh Giám liền vào tàu cùng Tần Hiếu công. Tần Hiếu công cho triệu vào hỏi về đạo trị nước. Vệ Ương viện dẫn các đời vua như : Hy (4), Nông (5) Nghiêu (6), Thuấn (7), để trả lời. Vệ Ương nói chưa hết câu chuyện thì Tần Hiếu công đã ngủ mất rồi.

Sáng hôm sau, Cảnh Giám vào yết kiến, Tần Hiếu công trách mắng :

(1) Vệ Ương tên Công Tôn Ương, người nước Vệ, có tài trị nước, thấy nước Vệ nhỏ yếu không đủ thi thố tài năng của mình, nên bỏ Vệ sang nước Ngụy, nhưng Ngụy Huệ vương không dùng, mới sang làm tướng quốc nước Tần. Sau có công đánh thắng được nước Ngụy, được Tần Hiếu công phong làm liệt hầu, lấy 15 ấp Thương Ô cho làm thực ấp của Ương gọi là Thương Quán. Vì thế, đời sau gọi Vệ Ương là Thương Ương hay Thương Quán.

(2) Một nước thời Chiến quốc, ở vào địa phận Tân châu (Cam túc) và tỉnh Thiểm tây ngày nay.

(3) Bề thần là bề tôi được vua yêu.

(4) Phục Hy, một nhà vua trong Tam hoàng, dùng lưới đánh cá đặt ra chữ viết.

(5) Thần Nông, một nhà vua trong Tam hoàng, dạy dân cấy ruộng, lập chợ, nếm cây cỏ để tìm thuốc trị bệnh.

(6) Vua Nghiêu (2359-2259) định phép đo lường tính âm lịch, không truyền ngôi cho con mà truyền ngôi cho ông Thuấn.

(7) Thuấn (2259-2208) là người hiền được truyền ngôi.

— Vệ Ưởng là một kẻ càn-dỗ, nói toàn những chuyện viển vông, không thể dùng được, sao nhà ngươi lại dẫn đến cho ta ?

Cảnh Giám lui về thuật lời trách quở của Tần Hiếu công cho Vệ Ưởng nghe. Vệ Ưởng nói :

— Tôi đem để đạo nói với chúa công, nhưng chúa công không hiểu, vậy ông hãy xin cho tôi vào yết-kiến một lần nữa.

Cảnh Giám đợi qua 5 ngày mới vào tâu với Tần Hiếu công xin cho Vệ Ưởng yết-kiến. Tần Hiếu công lại triệu Vệ Ưởng vào. Vệ Ưởng giải bày những công việc của vua Hạ-Vũ (1), vua Thang (2) vua Vũ (3) thuở xưa. Tần Hiếu công nói :

— Nhà ngươi thật là một người học rộng nhớ nhiều, nhưng cổ kim mỗi lúc mỗi khác, nhà ngươi nói như thế thì dùng làm sao được ?

Tần Hiếu công sai người đuổi Vệ Ưởng ra.

Cảnh Giám đứng chờ ngoài cửa đón hỏi. Vệ Ưởng nói :

— Tôi đem vương đạo nói với chúa công, thế mà chúa công còn chưa bằng lòng.

Cảnh Giám bảo :

— Ông vua dùng người khác nào như kẻ đi săn dùng cái cung chỉ mong sao cho sớm tối có lợi ngay. Nay tiên sinh bỏ cái lợi trước mắt mà lại nói những chuyện để vương thì hợp ý thế nào được.

Vệ Ưởng lại xin vào yết-kiến, nhưng Cảnh

(1) Hạ Vũ có công trị thủy trừ lụt được vua Thuần truyền ngôi.

(2) và (3) Xem lại chủ thích bài « Nghĩ điều nhân nhỏ mà nuôi kẻ thù lớn ».

Giám vào triều tạ tội, không dám nói đến Vệ Ưởng nữa. Vệ Ưởng nói với Cảnh Giám :

— Tiếc thay cho chúa công có cái linh cầu hiển mà không biết dùng tới. Vay tôi xin cáo từ mà đi ?

Cảnh Giám cầm ở lại yà hện đợi trong năm ngày nữa. Qua năm ngày, Cảnh Giám tàu với Tần Hiếu công :

— Vệ Ưởng có ba thuật : đế, vương, bá. Khi trước vào yết-kiến chúa công đã có nói những công việc đế vương, nay còn bá thuật xin nói nốt, chúa công thử để thì giờ nghe xem rá sao ?

Tần Hiếu công nghe nói đến «bá thuật» lấy làm hợp ý liền sai Cảnh Giám đi triệu Vệ Ưởng đến. Tần Hiếu công hỏi Vệ Ưởng :

— Nhà ngươi có bá-thuật, sao không nói trước cho ta nghe ?

Vệ Ưởng đáp :

— Không phải là tôi không muốn nói, nhưng bá thuật cùng với đế vương khác nhau. Đế vương thì cốt thuân dân tình, bá thuật thì lại trái với dân tình.

Tần Hiếu công biến sắc, chống thanh kiếm, hỏi :

— Bá thuật, có gì phải trái dân tình mới làm được ?

— Chính thế. Đàn cầm, đàn sắt không được êm ái thì tất phải thay dây mà gióng lại, nếu việc chính-trị mà không đổi lại thì bao giờ mới chỉnh-đốn được. Vì bọn tiểu dân chỉ cầu yên trong một lúc, mà không nghĩ cái lợi trăm năm. Ngày xưa, Quân

Trọng (1) giúp Tề Hoàn công (2) đặt ra phép nội chính và phép quân lĩnh, chia nước Tề làm 25 hương, đổi hết pháp luật cũ của nước Tề, bọn tiểu dân có đâu lại vui lòng tất cả hết được! Đến khi nước được cường thịnh, dân được sung sướng, bấy giờ mới biết Quân Trọng là bậc đại tài.

Tần Hiếu công nói :

— Nhà người thật có cái thuật như Quân Trọng thì ta xin giao hết quyền chính cho nhà người. Nhưng chẳng hay cái thuật của nhà người thế nào ?

— Nước có giàu thì mới dùng binh được, binh có mạnh thì mới phá giặc được. Nay muốn cho nước giàu thì không gì mở mang bằng ruộng nương muốn cho binh mạnh thì không gì bằng luyện tập chiến trận ; dụ lấy trọng thưởng thì dân mới biết theo ; hiếp lấy trọng phạt thì dân mới biết sợ ; thì hành chính lĩnh tất phải thủ tín và quả quyết. Như thế, nước không giàu, không mạnh thì còn có lý nào ?

Tần Hiếu công rất đồng ý. Vệ Ưởng lại nói :

— Cái thuật giàu mạnh này, nếu không có người giỏi thì cũng không thì hành được. Đã được người giỏi mà mình không biết chuyên tâm để dùng người tài thì cũng không dùng được. Đã chuyên tâm dùng người mà lại còn nghe người này, người khác, dỗi ý luôn luôn thì không tài nào thì hành được. Vạy tôi xin cáo từ.

(1) Quân Trọng là người hiền tài, phò Tề Hoàn công, có tài trị nước, làm cho nước Tề cường thịnh.

(2) Tề Hoàn công tức công tử Tiểu Bạch, con thứ của Tề Tương công. Xem lại chủ thích bài thứ 2 « Muốn chính đốn giếng mới của nước ».

— Ta muốn nghe nói hết cái thuật của nhà ngươi, cớ sao nhà ngươi lại cáo từ ?

— Xin chúa công nghĩ kỹ lại trong ba ngày xem nên chăng thế nào. bấy giờ tôi sẽ nói hết.

Khi Vệ Ưởng lui về, Cảnh Giám lại trách Vệ Ưởng :

— Chúa công đã hai ba lần khen phải, sao tiên sinh không nhân dịp ấy mà giải bày hết lại còn muốn cho chúa công nghĩ kỹ trong ba ngày rồi mới chịu nói thế chẳng hóa ra mình bắt bí chúa công hay sao ?

Vệ Ưởng đáp :

— Tôi xem ý chúa công chưa nhất định nếu không như vậy thì e rồi lại đổi ý mà thôi.

Sáng hôm sau, Tần Hiếu công sai người triệu Vệ Ưởng. Vệ Ưởng từ chối ;

— Hôm qua tôi đã tâu với chúa công rồi ! Chưa được ba ngày thì tôi không dám vào yết-kiến.

Cảnh Giám lại khuyên Vệ Ưởng không nên từ chối, Vệ Ưởng nói :

— Tôi vừa đính-trước với chúa công mà hay đã thất tín ngay, thế thì sau này tôi còn thủ tín với chúa công sao được.

Bấy giờ Cảnh Giám mới chịu phục.

Đến ngày thứ ba, Tần Hiếu công sai người đem xe đến đón. Vệ Ưởng vào yết-kiến và kể hết những điều nên thay đổi về chính-trị nước Tần. Hai bên vấn đáp nhau suốt ba ngày đêm mà Tần Hiếu công không chút nào mỏi mệt, liền phong cho Vệ Ưởng làm chức Tả-thứ sử.

LỜI BÌNH

Đem thuật để vương-ra nói đến nỗi người nghe phải ngủ khò rồi còn đuổi đi, không phải là Vệ Uông không thông hiểu vấn đề, thiếu khoa ngôn ngữ, mà chỉ vì Vệ Uông không đánh trúng vào ý muốn của người.

Giả sử Vệ Uông không bền chí đợi đến lần thứ ba được yết kiến nhà vua, hay nhà vua chán ngấy rồi đuổi luôn đi, hoặc thiếu một người có thiện chí cất nhắc kẻ hiền tài như Cảnh Giám thì phỏng Vệ Uông làm thế nào tỏ được cái thuật làm bá cho vua Tần nghe để được trọng dụng ?

Không biết cách nói chuyện như thế có phải Vệ Uông muốn dùng thuật dò xét lòng người không, nhưng với sự nhận xét ngày nay, ta, có thể cho đó là một việc làm quá đáng, chậm trễ, muộn màng, có thể làm mất cả cơ hội tốt đẹp. Áp-dụng cách dò xét ấy là khi người ta thành linh đến tiếp xúc với mình. Vì công việc dò xét là việc làm đầu tiên trước khi ta tiếp xúc với một nhân vật quan-trọng như vua Tần.

Kề ra Vệ Uông còn thiếu công tác điều-tra, thiếu nghệ thuật nhận xét tinh tình, nguyện vọng của người mà mình muốn hầu chuyện. Như thế, dù nói hay mà không hợp với ý muốn, tinh tình của người thì chẳng khác nào đem sáo thổi cho người thích nghe đàn, đem đàn gảy cho người thích nghe thổi sáo hay đem cơm cho người khác nước, đem nước cho người đương tha thiết đói cơm ?

Lời nói đã được người nghe nhưng vội cáo từ đi ngay, hẹn ba ngày để người nghĩ kỹ. Vệ Uông

quả là người chính chắn, cần thận. Vì kẻ nào mới nghe mà đã lấy làm thỏa mãn, bằng lòng, ưng chịu ngay, thường chính là người dễ thay đổi ý kiến nhất. Kẻ nào hốt tốp, vội vàng, bằng lòng lại chính là kẻ thay đổi ý kiến, phật lòng nhanh chóng

Ở điểm này, ta thấy Vệ Ưởng rất hiểu rõ tâm lý của trò đời

Chưa đúng lời hẹn ba ngày mà vào yết-kiến tức là sai lời hẹn, thất tín. Việc xử thế như đối với vợ chồng, bằng hữu, láng giềng v.v... còn cần phải giữ chữ tín, huống chi đối với một người mà mình sắp làm mẫu mực cho người, nếu thất tín thì ai còn tin tưởng, trọng dụng, Vả lại việc nước là trọng đại, mình sắp ra lãnh lấy trách nhiệm xây dựng việc nước, đối với một việc nhỏ, kẻ lãnh đạo đã thất tín rồi thì còn mong ai giữ chữ tín với mình.

Vậy thực hành một công tác chính-trị, ai bảo rằng không cần có chữ tín.

Sa-Déc

*, * Saturday, May 14, 2016

BÀN THỐNG CHẾT LOẠN TÊN TẠI LẠC PHỤNG BA

Lưu-Bị cùng Phụng Sở (1) đem binh đánh Tây Xuyên (2). Khổng Minh trấn đất Kinh châu có gởi thư về cho Lưu-Bị :

(1) Phụng Sở người đời Tam quốc, tên Bàn Thống, có mưu mẹo giỏi, trước ở bên Ngô, sau sang làm Tả Thừa tướng bên Lưu Bị, làm bạn cùng Thủy Cảnh tiên sinh, Từ Thù, Khổng Minh.

(2) Tây xuyên cũng gọi là đất Thục do Lưu Chương làm Ích châu mục cai trị

« Tôi mỗi đêm thường toán số Thái ất (1) năm nay là năm Quý hợi, sao La tinh ở phía tây, lại có xem Càn tượng (2), thấy sao Thái Bạch (3) lâm nơi địa phận Lạc thành, bốn mạng chúa tướng dữ nhiều lành ít, phải cẩn thận cho lắm. »

Phụng Sồ thấy thư, nghĩ thầm :

— Khổng Minh sợ ta lấy đảng Tây Xuyên mà lập công lớn nên gởi thư này mà gài trở ta đây.

Nghĩ thế, Phụng Sồ nói với Lưu Bị

— Tôi cũng toán số Thái ất đã biết La tinh ở phía Tây là điềm ứng cho chúa công chiếm đảng Tây xuyên, chớ không có việc chi dữ. Tôi lại xem thiên văn thấy sao Thái bạch lâm nơi Đại thành, ta chiếm được tướng Thục (4) là Lãnh Bào (5) thì dữ ứng vào điềm dữ ấy rồi. Chúa công chớ nghi, phải mau tấn binh.

Lưu Bị thấy Phụng Sồ đốc thúc đòi ba phen mới dẫn tiến tới. Lưu Bị lại bảo Phụng Sồ :

— Tôi từ nhỏ thuộc nghề cung mã, thường hay đi đường nhỏ, vậy quân sư hãy đi đường lớn mà đánh chiếm đông môn, còn tôi đánh chiếm tây môn.

Phụng Sồ nói :

— Đường lớn có binh ngăn trở, chúa công phải dẫn binh qua đó mà chống cự, để tôi đi đường nhỏ.

(1) Môn số học để tính biết việc tương lai.

(2) Tên một quả cầu trong Bát quái, chỉ tượng trời.

(3) Tức sao kim tinh. Theo thiên văn học ngày nay là tên một hành tinh xoay chung quanh mặt trời, gần mặt trời hơn trái đất, mất 224 ngày 16 giờ 49 để đi vòng quanh mặt trời. Kim tinh xa mặt trời chừng 108 triệu cây số.

(4) Thục tức là đất Tây xuyên lúc bấy giờ.

(5) Lãnh Bào là tướng của Thục.

— Chẳng nên. Tôi mới nằm chiêm bao thấy thần nhân cầm con roi sắt đánh bên tay hữu của tôi. Tỉnh dậy, cánh tay hầy còn đau. Trận này tôi e không tốt chăng?

Phụng Sồ nói :

— Hễ là chiến sĩ ra trận, chẳng thác thì bị thương là lẽ thường. Có sao lại lấy điềm chiêm bao mà hoài nghi?

— Tôi hoài nghi là do cái thư của Khổng Minh đó thôi. Vậy quân sư ở lại giữ Phù quang được chăng ?

Phụng Sồ phì cười :

— Chúa công bị Khổng Minh gạt rồi. Gia-Cát không muốn cho tôi lập công cả một mình, nên nói như thế làm cho chúa công hoài nghi, hễ nghi thì ra chiêm bao, chớ có gì là điềm dữ. Tôi tuy phơi gan trái mật cũng chưa vừa lòng. Xin chúa công sắm sửa hành binh cho sớm.

Lưu Bị và Phụng Sồ ước định vừa xong, con ngựa của Phụng Sồ thỉnh lĩnh cất lên hất Phụng Sồ rớt xuống. Lưu Bị lật đật nhảy xuống ngựa, chạy lại nắm chặt con ngựa của Phụng Sồ xin cưỡi con ngựa của mình. Đổi xong, mỗi người chia nhau đi mỗi ngã.

Phụng Sồ đương đi thấy hai bên núi non chật hẹp, cây-cối rậm rạp. Vừa lúc ấy, ha hết thu sang, lá cây xanh rậm. Phụng Sồ sinh nghi dừng ngựa lại hỏi. Có người cho biết chỗ này tên Lạc phụng Ba, Phụng Sồ lấy làm kinh hãi nói :

— Hiệu ta là Phụng Sồ, chỗ này lại tên Lạc phụng Ba, như thế bất lợi cho ta lắm.

Phụng Sồ liền truyền quân lui lại, Nhưng trước đây núi bỗng có một tiếng pháo hiệu nổ,

tên bay như cào cào cứ nhắm người cười con bạch mã (1) mà bắn, Phụng Sồ bị chết nơi chỗ loạn tên,

Tam quốc chí.

LỜI BÌNH

Thủy Cảnh tiên sinh có giới-thiệu với Lưu-Bị (Phục Long (2) và Phụng Sồ, nếu được một người thì cũng an được thiên hạ), như thế, ta thấy tài năng mưu lược của Phụng Sồ được liệt ngang hàng với Khổng Minh, thật không quá đáng.

Ai đã vượt chiếc thuyền con sang Tào, đánh lừa được Tào-Tháo dùng kế liên hoàn để cho Châu Du đốt sạch binh tướng Tào trong trận Xích Bích (3)? Ai đã giúp ý kiến cho Từ Thử — cũng là một tay mưu lược — dời gia quyến ra khỏi trung dinh để tránh nạn hỏa công (4)? Ai đã làm tri huyện xử đoán công việc chồng chất có hơn trăm ngày mà giải

(1) Nguyên tướng Tây Xuyên là Trương Nghiệm truyền quân núp hai bên truông Lạc phụng ba, và lại ra lệnh: kẻ nào cười con bạch mã (ngựa Địch lô) tức là Lưu Bị thì cứ bắn.

(2) Phục Long tức Gia-Cát Khổng Minh.

(3) Phụng Sồ giả làm kẻ bắt măn Châu Du theo mưu sĩ của Tào là Trương Cán sang Tào bày mưu kế ghẹo thuyền lại thành bè xâu lại bằng xiên sắt, trên trải ván để tránh bị sóng gió nhồi lắc. Quân Tào vì trước bị binh đại sóng nay được mẹo ấy nên rất mừng.

(4) Phụng Sồ bày mưu cho Từ Thử gây dư luận; Mã Đằng và Hàng Toại mưu phản kéo binh đến Hứa dô, để Từ Thử xin Tào Tháo đem quân ngăn ngừa. Nhờ đó nên Từ Thử và gia quyến mới thoát khỏi.

quyết chỉ trong một buổi (1) ? Ai đã giúp cho Lưu Bị đánh đổ Lưu Chương để chiếm đất Tây Xuyên (2) Phụng Sồ quả thực là một nhà chính trị có thực tài, đã giúp một phần rất lớn công cấn cho Thục (3) Ngô (4), đương đầu cùng Ngụy (5).

Nhưng đáng tiếc, Phụng Sồ bị chết một cách thảm-thiết giữa cái tuổi 36 để phải bỏ dở một sự nghiệp to lớn ! Như vậy, có phải tại định mạng cay nghiệt không ?

Sao Thái bạch lâm nơi Lạc thành, ngựa quy hất té chủ, tên địa phương phạm phải tên chúa tướng v.v... có lý nào Phụng Sồ lại không nhận thức được một cách dễ dàng, đó là những điềm báo nguy cho một cuộc xuất chinh thất bại, có nguy hại đến tính mạng một viên chúa tướng ?

Phụng Sồ chết là do tính chủ quan của mình

(1) Phụng Sồ sang đầu Lưu Bị, có thư của Không Minh và Lỗ Túc giới thiệu nhưng không đưa ra. Lưu Bị thấy Phụng Sồ hình tướng xấu xa nên chẳng đẹp lòng mới cho làm chức tri huyện. Đến huyện, Phụng Sồ chỉ lo say sưa chè chén, đơn từ kiện cáo không chú ý tới. Sau Trương Phi đến tra hỏi Phụng Sồ bảo Trương Phi ngồi để ông phát lạc.

(2) Đất Tây Xuyên của Lưu Chương, Phụng Sồ và Không Minh chủ trương chiếm lấy làm căn cứ địa. Lưu Bị không bằng lòng cho là đất của một kẻ đồng tông, chiếm lấy là vô nhân đạo. Phụng Sồ khuyên : (Đời lỵ loạn dùng binh mà tranh cường thì chẳng phải là một thể. Nếu cầu chấp theo lẽ thường thì trong một bước cũng không thể đi được, phải tăng quyền biến, gồm yếu đánh mạnh, nghịch chiếm thuận giữ...)

(3) Thục là đất của Lưu Bị,

(4) Ngô là đất của Tôn Quyền.

(5) Ngụy là đất của Tào-Tháo. Thục, Ngô, Ngụy là ba nước trong khi nước Tào chia làm ba (Tam quốc).

Vì bệnh kiêu căng, ý tài, tranh công hẹp hòi làm mờ ám trí óc sáng suốt. Người ta khuyển ngấn mình là một điều tốt, trái lại, Phụng Sồ cho đó là một hành động có tính cách ích-kỷ, ngấn đốn mình sắp sửa lập một đầu công.

Ý thức « **phơi gan trải mật...** » tiêu-biểu được sự trung thành của một bề tôi được vị mình chúa biết dùng người, cũng như ý thức « **chiến sĩ ra trận chẳng thác thì bị thương...** » biểu-dương được cái dũng của một chiến sĩ, Phụng Sồ là một con người đáng kính, đáng nêu gương cho những kẻ phản bội, những kẻ nhác hèn. Nhưng Phụng Sồ mắc phải một chứng bệnh trầm-trọng như trên đã nói, nên Phụng Sồ cũng để lại cho hậu thế một bài học bi-thiết nhưng quý báu : không biết người, không biết mình, đã vượt qua biển cả nhưng chết phải lò chân trâu, đó là một kết-quả do bệnh chủ quan, hẹp hòi mà ra.



MƯU SĨ DƯƠNG TU BỊ XỬ TỬ VÌ CÂN GÀ

Tào-Tháo thường sợ người thích thách, nên bảo kẻ hầu hạ :

— Khi ta ngủ, chúng bay không nên lại gần vì ta thường hay chiêm bao giết người.

Một hôm, Tào-Tháo ngủ ngày làm rơi cái mền, một tên hầu cân vội kéo mền đắp lại, Tào-Tháo ngồi dậy rút gươm chém quách rồi nằm ngủ như thường. Một lúc sau, Tào-Tháo thức dậy, tỏ vẻ

kinh ngạc hỏi, những người thấy cứ thực trả lời. Tào-Tháo khóc lóc, truyền chôn cất tử-tế. Ai ai cũng tin là thật, cho Tào-Tháo chiêm bao giết người. Duy chỉ có Dương Tu (1) biết ý Tào-Tháo, nên khi đem tên lính đi chôn, Dương Tu trở vào quang tài bảo :

— Không phải thừa tướng chiêm bao. ấy là tại mi chiêm bao (2).

Tào-Tháo đem binh đánh Thục, đóng binh đã lâu ngày, muốn tấn binh nhưng bị tướng Thục là Mã Siêu ngăn đón nên tấn không nổi. Ý Tào-Tháo muốn thối binh lại nhưng e người Thục chê cười, trong lòng còn dưng dưng dự.

Buổi cơm chiều, người nấu ăn đem dưng canh thịt gà. Tào-Tháo thấy trong bát canh có gân gà, nhưng vừa lúc suy nghĩ thì có tướng là Hạ Hầu Đôn vào xin khẩu hiệu canh đêm nay. Tào-Tháo liền bảo liền :

— Gân gà ! Gân gà !

Hạ Hầu Đôn liền trở ra truyền cho quân lệnh đêm nay canh lấy hai tiếng « Gân Gà » làm khẩu hiệu.

Hành quân chủ bộ là Dương Tu nghe truyền hai tiếng « Gân Gà » thì khiến quân của mình sửa đồ hành trang để trở về. Có người báo với Hạ Hầu Đôn. Đôn cả kinh cho mời Dương Tu đến hỏi. Dương Tu nói :

(1) Dương Tu tự Đức Tồn là một kẻ học rộng, mưu cao, một trong hàng mưu sĩ có tài của Tào Tháo.

(2) Chiêm bao là vì không biết ý của Tào Tháo, Chiêm bao là vì Tào Tháo đã báo như thế thì còn đến gần làm gì ?

— Lấy theo khẩu hiệu đêm nay thì ý của Ngụy vương (1) sẽ lui binh trong ngày mai. Vì gà gà, nếu ăn nó thì không có thịt mà bỏ thì tiếc vì có mùi béo. Nay tấn công thì tấn không nổi, còn thoái thì ngại người cười, nhưng ở lại mãi cũng vô ích, nên về ngay là hơn. Tôi đoán Ngụy vương ngày mai thế nào cũng rút binh, nên tôi cho quân lính sắm sửa lần để ngày mai khỏi chộn rộn.

Hạ Hầu Đôn khen :

— Ông thật biết trong tâm đen của Ngụy vương.
Hạ Hầu Đôn liền khiến quân mình sắm sửa đồ hành trang. Ngay cả các tướng ở các dinh trại khác cũng bắt chước làm theo.

Đêm ấy, Tào-Tháo lấy làm lo lắng, ngủ không yên nên đi tuần các trại, thấy trong trại của Hạ Hầu Đôn đương sắm sửa lo về thì lấy làm kinh ngạc đòi Hạ Hầu Đôn đến hỏi. Đôn thành thật trình bày. Tào-Tháo tức giận cho đòi Dương Tn đến cho là làm rối loạn hàng quân, nên truyền đao phủ thủ dân ra chém, lấy thủ cấp bèn lên làm hiệu lệnh ở ngoà mồn.

Sáng lại, Tào-Tháo lui binh.

Tam quốc chí

LỜI BÌNH

Đề cao cảnh-giác tỉnh đó là một lẽ tất nhiên đối với các nhà chính-trị, huống chi là Tào-Tháo một chính-trị gia « thừa tướng » vốn có bản tính đa nghi ! Cho nên đối với hành-vi của Tào-Tháo như

(1) Tào Tháo xưng làm Ngụy vương.

thế, thiết tưởng cũng không lấy gì làm lạ, mà ta có thể cho đó là một điều phải làm, một điều rất cần-thận và khéo léo của một nghệ thuật chỉ-huy độc-đáo. Vì thế, chúng ta không cần phải bàn.

Ở đây chỉ có điều đáng bàn, đáng nghĩ là nghệ thuật « biết người » của Dương Tu, cái chết bi thảm của Dương Tu !

Biết tài, biết tâm lý, thủ đoạn của người là một điều rất cần-thiết. Hiểu rõ tâm địa, dụng ý, ý đồ của Tào-Tháo, Dương Tu quả là một người thông minh, một người có tài. Nhưng biết người để hòa đồng với người, để hướng dẫn người vào công cuộc xây dựng lợi ích chung, hay ít hơn nữa, biết người — nhất là đối với kẻ lãnh đạo — để mà tránh những sự không hay cho bản thân mình do họ đem lại, thì cái biết ấy mới có ích lợi cho ta, cho người.

Trái lại, biết người để vạch những nhược điểm, những thủ đoạn, những âm mưu, ý đồ... của người một cách quá chán chường, nếu không đề khoe khoe, tự hào ta đây là sành tâm lý, là thông minh thì cũng là cách biết người thiếu nghệ-thuật. Xê dụng cách biết người ấy, dù trước hay sau cũng đem đến một hậu quả tai hại.

Thông thường, người đời thường sợ kẻ khác biết rõ tâm-lý, thủ-đoạn của mình. Có người lại giấu cả sự thông minh, tài ba của mình nữa, như Lưu Bị giấu cả cái « anh hùng » của mình (1). Vì thế, Người ta đâm ra thù ghét, nghi kỵ..., hay không nữa thì cũng lo ngại những người đã tỏ mò hay quá « thông minh » chỉ vạch ra những tính tình mà họ luôn luôn muốn giấu kín.

(1) Xem lại bài « Luận anh hùng »

Giấu kín là cái thuật hay của nhà chính trị. Tào-Tháo là một người vẫn giấu kín lòng mình, nay có người luôn luôn bươi móc ra thì thử hỏi có thể nào để yên được một con người có tánh chất « khiêu khích » như thế.

Dương Tu chết là một điều đáng tiếc, nhưng không phải không đáng chê trách. Thông minh, mẫn tiệp không kém Hứa Nhu, Quách Gia (1)... nhưng Dương Tu vì áp dụng cái hiểu biết người của mình không đúng chỗ, nên gieo sự nghi kỵ, mâu-thuẫn càng nhiều.

Nhận thức được tên lính chết oan kia là chiêm bao, thì Dương Tu lại « chiêm bao » càng hơn. « chuyện người thì sáng, chuyện mình thì quáng », xưa nay người người vẫn mắc phải.

* *

NGUY VĂN HẦU DỪNG NHẠC DƯƠNG

Nguy Văn hầu (2) bảo Nhạc Dương (3).

— Ta muốn đem việc đánh nước Trung sơn (4)

(1) Hai tay mưu sĩ lỗi-lạc của Tào Tháo.

(2) Nguy Văn Hầu tên Ngụy Tư, vua chư hầu ở nước Ngụy đời chiến quốc.

(3) Nhạc Dương người ở đất Cốc khản nước Ngụy vẫn vô toàn tài. Lúc còn hàn vi bắt được thoi vàng dọc đường mang về, vợ bảo : Người chỉ sĩ không uống nước suối Đạo toàn (suối của kẻ trộm) kẻ liêm giả không nhân đồ ăn ta-lai (than thở mà gọi lại cớ ỷ khinh bỉ), thoi vàng này không biết lai lịch thế nào; cứ sao lại lấy dễ mang tiếng xấu. Nhạc Dương cãi lời nói của vợ, liền vứt thoi vàng ra đồng rồi sang du học ở nước Lỗ và nước Vệ.

(4) Trung-sơn là giống Xích dịch, một nước nhỏ ở phía đông nước Tấn (thuộc một phần-Trực lệ và Sơn tây ngày nay) Vua Trung sơn là Cơ Quật thích uống rượu, thân kẻ tiền nhân.

giao cho nhà người nhưng nhà người có người con làm quan với Trưng sơn thì biết làm thế nào? Nhạc Dương nói:

— Kể trường phu đã một lòng vì chủ, khi nào lại đem tư tình bỏ công sự hay sao? Nếu tôi không diệt được Trưng sơn thì xin chịu tội chết.

Nguy Văn hầu mừng lắm liền phong cho Nhạc Dương làm nguyên soái.

Nhạc Dương đem quân vây đánh Trưng sơn. Tình thế Trưng sơn nguy ngập. Quan đại phu Trưng sơn là Công Tôn Tiên nói với Cơ Quát.

— Nhạc Dương là thân phụ Nhạc Thư. Nhạc Thư hiện đương làm quan ở nước ta, vậy ta nên sai Nhạc Thư treo lên mặt thành mà bảo thân phụ rút quân, đó là thượng sách.

Bị Cơ Quát ép mãi, Nhạc Thư bất đắc dĩ treo lên mặt thành, xia tiếp kiến Nhạo Dương.

Trông thấy Nhạc Thư, Nhạc vương mừng ngay:

— Người quân tử không ở nước nguy, không thờ triều loạn, Nay mày tham phu quý mà theo Trưng Sơn, ta phụng mạng chúa công đem quân đến đánh, mày nên bảo Trưng sơn đầu hàng mau đi thì cha con còn có thể gặp được nhau.

Nhạc Thư nói:

— Hàng hay không là quyền ở vua Trưng sơn, con không được biết, nhưng xin cha hãy tạm hoãn đừng đánh vội để bàn luận sau.

Nhạc Dương liền truyền lệnh tạm hoãn một tháng. Khi quá thời hạn, Nhạc Dương cho người hỏi, Cơ Quát lại sai Nhạc Thư hẹn nữa. Nhạc Dương lại cho hoãn một tháng nữa. Như thế đã ba lần, Tướng tiên phượng là Tây Môn Báo hỏi Nhạc Dương:

— Thế quan Nguyên soái không muốn hạ Trung sơn hay sao ?

Nhạc Dương đáp :

— Vua Trung sơn không biết thương dân, vậy nên ta đánh, nhưng nếu ta đánh gấp thì hại dân. Ta ba lần khoan hẹn cho chẳng những là vì tình cha con mà cũng là muốn thu lấy lòng dân đó.

Có nhiều kẻ tả hữu của Ngụy Văn Hầu ghen ghét Nhạc Dương nên gièm pha tâu với Ngụy Văn Hầu xin triệu Nhạc Dương trở về. Ngụy Văn Hầu vẫn thản nhiên. Từ bấy giờ các quan lại đua nhau dâng thư : kẻ thì nói vua Trung sơn sắp đem nửa nước chia cho Nhạc Dương, kẻ lại bảo Nhạc Dương bàn mưu cùng vua Trung sơn đánh lại nước Ngụy. Nhưng Ngụy Văn Hầu đều bỏ cả vào trong tráp, thỉnh thoảng lại sai người ra thăm Nhạc Dương và lập sẵn phủ đệ đợi Nhạc Dương về ở.

Nhạc Dương cảm ơn ấy, thấy Trung sơn không chịu hàng, thân đốc tướng sĩ cố sức đánh thành. Vua Trung sơn liền trói Nhạc Thư treo trên cầu, bảo Nhạc Dương nếu không rút quân thì sẽ giết Nhạc Thư.

Nhạc Thư bấy giờ ở trên cầu kêu khóc mà gọi Nhạc Dương. Nhạc Dương trông thấy mừng rỡ rằng :

— Mấy là dứa không ra gì, làm quan ở nước người ta đã không biết bày mưu lập kế để chiến thắng ; lại không tùy cơ ứng biến để cầu giảng hòa, bấy giờ lại còn kêu khóc lâm gị.

Nhạc Dương lại giương cung toan bắn Nhạc Thư, Thư kêu ầm lên mới được tha xuống, vào nói với vua Trung sơn :

— Thân phụ tôi vì nước mà chẳng nghĩ gì

đến tình cha con ! Thôi thì chúa công liện kẻ mà chống giữ, tôi xin chết trước mặt chúa công để tỏ cái tội không lui được quân giặc.

Vua Trưng sơn cầm thanh kiếm đưa cho Nhạc Thư. Thư đâm cổ chết. Công Tôn-Tiên nói :

— Tình người ta không gì bằng cha con. Nay mô Nhạc Thư rồi đem nấu canh mà đưa cho Nhạc Dương : Nhạc Dương trông thấy bát canh tất phải thương xót, khóc lóc, không thiết gì đến cuộc chiến tranh. Bấy giờ chúa công đem quân ra đại chiến một trận may ra có thể thắng được.

Cơ Quạt bắt đắc dĩ phải theo, truyền đem thịt Nhạc Thư nấu canh, và cả thủ cấp nữa, đưa sang cho Nhạc Dương. Trông thấy thủ cấp của con, Nhạc Dương liền quát to lên, mắng :

— Thằng bất hiếu kia, mầy theo đưa vô đạo hôn quân thì đáng chết lắm :

Mắng xong, cầm lấy bát canh mà ăn hết cả. Ăn xong liền bảo sứ giả :

— Vua người cho canh, khi phá thành rồi ta sẽ tạ ơn. Ta đây cũng có vạc dầu để đợi vua nhà người đó.

Nhạc Dương liền truyền lệnh công phá thành. Vua Trưng sơn thất cổ chết. Nước Trưng sơn bị chiếm. Ngụy Văn Hầu nghe tin Nhạc Dương thanh công, thân hành ra cửa thành đón, lại bày tiệc rượu chúc mừng, tay cầm chén rượu đưa cho Nhạc Dương. Tiệc xong, Ngụy Văn Hầu sai nội thị đem 2 cái tráp niêm phong rất kỹ đưa cho Nhạc Dương mang về. Nhạc Dương vẫn tưởng trong tráp có các thứ vàng ngọc, chúa công sợ các quan ghen tị, nên niêm phong kín mà tặng cho. Chẳng ngờ đến lúc mở ra thì thấy toàn là những tờ tấu gièm pha của các quan. Nhạc Dương rất lấy làm kinh sợ.

Ngày hôm sau, Nhạc Dương vào triều tạ ơn, Ngụy Văn Hầu ban thưởng. Nhạc Dương xụp lạy khước từ nói :

— Diệt được nước Trung sơn là nhờ lòng tin cậy của chúa, công, tôi dầu gia sức ở ngoài cũng chẳng có công gì !

Ngụy Văn Hầu nói :

— Phi ta thì không dùng được tướng quân, mà phi tướng quân ta cũng không làm nổi được những công việc của ta ! Nhưng tướng quân đã khó nhọc lắm rồi, âu ta ta phong ấp cho tướng quân để tướng quân về nghỉ.

Nói xong, liền đem đất Linh thọ (đất của nước Trung sơn) phong cho Nhạc Dương, rồi bãi hết binh quyền. Địch Hoàng nói với Ngụy Văn Hầu :

— Chúa công đã biết tài của Nhạc Dương thì sao không sai đem quân ra giữ biên giới mà lại cho về nghỉ như vậy ?

Ngụy Văn Hầu cười mà không trả lời.

Chiến quốc sách

LỜI BÌNH

Tình nào cho bằng tình cha con, nhưng con không đồng một chí hướng, một tư tưởng với cha, theo phe nghịch, tất nhiên người cha coi đó là một kẻ thù.

Nhạc Dương ba lần hoán binh là vì muốn thu lấy lòng dân Trung sơn ; muốn tránh nạn đao binh, tránh gieo sự thảm khốc cho dân chúng và cũng là vì tình cha con, muốn cùng nhau đoàn tụ ; nhưng đưa con ấy bất lực, không giải quyết được vấn đề

hòa-bình cho hai nước mà vẫn tiếp-tục chiến tranh, nên đối với con, tình thương không còn nữa, nếu không coi đó là kẻ thù.

Không vì tình riêng mà bỏ nghĩa công, cũng như phương-pháp xử thế, đạo làm tướng của Nhạc Dương rất đáng được treo gương.

Ngụy Văn Hầu chẳng những thần nhiên trước những lời gièm pha của quần thần, mà còn lập sẵn phủ cho Nhạc Dương để chờ đón Nhạc Dương ca khúc khải hoàn... thái độ đó tỏ ra một người chính chắn, không nghe lời sàm tấu nhưng đồng thời cũng là cách ngăn ngừa những hành động không hay của Nhạc Dương xảy ra. Vì lẽ Nhạc Dương là một tướng tài, có con làm quan nước địch, một tướng lãnh đã cầm một đội quân mạnh trong tay đi chinh phục một nước địch, nếu tiếng gièm pha càng lan rộng chừng nào tất đem lại một hoài nghi cho Nhạc Dương. Hoài nghi chưa nghe lời sàm tấu, có thể nguy hại cho tính mạng, cố nhiên Nhạc Dương sẽ nản chí đánh giặc và cũng có thể theo giặc.

Đó là một nguy hại cho nước Ngụy.

Giải quyết được bài toán rắc rối đó, chặn đứng được sự không hay có thể xảy ra, dàn xếp được mối thù ghét, thống nhất được mối mâu-thuẫn, cái khéo léo, thông minh của Ngụy Văn Hầu là ở chỗ đó.

Giả sử gặp phải một kẻ lãnh-đạo nóng nảy, quẻ kịch, vội-vàng... cố nhiên Nhạc Dương không tránh khỏi cái chết. Nhưng nếu trái lại, Nhạc Dương tránh được cái chết khi nghe được dư luận không hay quá nhiều về mình, cố nhiên kẻ lãnh đạo bị một phản động-lực mạnh-mẽ của Nhạc Dương. Thế là kẻ lãnh-đạo hoàn-toàn thất sách.

Nhưng tại sao Ngụy Văn Hầu cất đất phong cho Nhạc Dương và bãi hết binh quyền cho Nhạc Dương về «*đương lão*» giữa lúc cần người tài để giữ nước?

Ý nghĩa sâu xa của cái cười và sự im lặng của Ngụy Văn Hầu, Lý Khắc (1) có cho rằng: «*Đến con mà Nhạc Dương còn không có lòng yêu, huống chi là người khác! Cũng vì lẽ ấy mà Quán-Trọng nghi Dịch Nha đó*» (2).

Bình luận thái độ Ngụy Văn Hầu như thế rất đúng với tâm địa của Ngụy Văn Hầu mà không đúng với đạo xử thế? Dịch Nha làm thịt con cho vua ăn là vì nịnh bợ nhà vua để cầu phong tước lộc; Nhạc Dương hy sinh tình cha con là vì lẽ công hơn ưnh riêng. Hai hoàn cảnh, hai sự hy sinh có hai tính chất khác nhau.

Bãi binh quyền của Nhạc Dương là một lễ rất thông thường để hiều.

Bản chất của vua chúa là hay nghi kỵ, ích kỷ, muốn tìm cách «*tĩa bớt*» công thần. Lúc nào họ cũng nơm nớp lo sợ ngai vàng của họ sẽ bị lọt vào tay của những tôi công thần nắm giữ quyền binh. Câu Tiễn giết Văn Chủng (3) Lưu Bang giết Hàn Tín (4) v.v...

Ngụy Văn Hầu không hành động như Câu Tiễn, như Lưu Bang nhưng vẫn đạt thành một mục-đích: củng cố địa vị, ngai vàng.

Cũng cùng một bản chất «*đặng chim bẻ ná*».

(1) Một mưu sĩ của Ngụy Văn hầu.

(2) Xem lại bài «*Chọn người để giao quyền chính*».

(3) Xem lại bài «*Giáo thảo chết thì tàu cầu tất bị mờ*».

(4) Sẽ nói rõ ở một bài sau, quyền thứ hai.

đặng cá bỏ nôm » nhưng không mang tiếng tàn bạo, giết người, Ngụy Văn Hầu khéo léo trên Cầu Tiễn, Lưu Bang một bức.

Một điều đáng thương hại cho kẻ công thần đã phơi gan trái mật, gây dựng sự nghiệp cho người đề rồi phải lụy mình do bàn tay sát nhân đẫm máu của người mà thôi !

* * *

THƯƠNG ƯƠNG HẠ LỊNH BIẾN PHÁP DỰNG NƯỚC TÂN

Vệ Ương được Tần Hiếu công phong làm chức Tả Thư sử để lo việc chính-trị trong nước (1).

Vệ Ương định hạ lệnh biến pháp. Tuy đã đem chương trình thương nghị với Tần Hiếu công, nhưng Vệ Ương sợ dân không tin theo, chưa dám thi hành, mới nghĩ ra một kế, đem một cây gỗ dài 3 trượng, để ở cửa nam môn chợ Hàm dương, rồi hạ lệnh :

« Ai vác được cây gỗ này sang cửa bắc môn thì thưởng cho 10 uân vàng ».

Người xem rất đông nhưng ai cũng nghĩ ngờ không hiểu ra làm sao nên không ai dám nhận vác gỗ ấy cả. Vệ Ương cho là vì dân chê ít tiền nên cải lệnh thưởng 50 uân vàng. Nhân dân lại càng nghĩ ngờ hơn nữa. Nhưng sau có người cho

(1) Xem lại bài • Thương Ương ba lần yết kiến Tần Hiếu công •

rằng : nước Tần xưa nay không có trọng thưởng như thế bao giờ, nay bỗng có lệnh ấy thì tất có kẻ nghĩ chi đây, nhưng đâu không được cả 50 nén vàng nữa thì cũng phải được ít nhiều...

Người ấy nghĩ xong, liền vào cây gỗ ấy đem dựng ở cửa bắc môn. Lúc bấy giờ trăm họ theo xem đông đầy. Vệ Ưởng gọi người ấy vào khen :

— Nhà ngươi thật là một người lương dân, biết theo lệnh ta.

Vệ Ưởng đem 50 nén vàng thưởng và bảo :

— Ta quyết không bao giờ chịu thất tín với dân trong nước.

Mọi người thấy vậy đều đồn đại bảo nhau :

— Quan Tả Thử sử đã hạ lệnh gì thì quyết thi hành cho được chứ không hề thất tín.

Ngày hôm sau, Vệ Ưởng đem tân lệnh ra ban bố (1).

(1) Năm thứ mười đời Chu Hiến vương, tân lệnh của Vệ Ưởng ban bố là :

1.) **ĐỊNH ĐÔ** : Đất Hàm dương là một nơi danh thắng ở nước Tần, núi quanh sông bọc, rất hiểm trở, nay phải thiên đô sang đây để định vương nghiệp.

2.) **KIỆN HUYỆN** : Phạm những nơi thôn trấn trong nước đều đặt làm thành huyện. Mỗi huyện đặt một viên lệnh thừa để đốc hành tân pháp. Ai trái lệnh thì tùy theo nặng nhẹ mà bắt tội.

3.) **TỊCH THỔ** : Phạm những đất bỏ hoang ở ngoài cõi, trừ những đường xe ngựa phải đi và những lối bỏ ruộng, còn thì bắt dân phụ cận tại đấy phải khai khẩn thành điền. Đại khi đã thành thuộc rồi, bấy giờ tính theo từng bộ mà chia mẫu, để bắt phải nộp thuế. Cứ 6 thước là 1 bộ, 240 bộ là 1 mẫu. Nếu quá thước là gian dối, sẽ tịch biên ruộng mà sung công.

4.) **ĐỊNH PHÚ** : Phạm thuế ruộng cứ chiếu từng mẫu mà thu, chứ không dùng phép « lĩnh điền thập nhất. »

Khi tân lĩnh đã yết ra, trăm họ đều nghị luận rồi rít. Vệ Ưởng sai bắt cả vào trong phủ trách mắng :

— Chúng bầy nghe lệnh chỉ nên một lòng tuân theo. Nói bất tiện là dựa ngang ngành, mà nói tiên

Bao nhiêu ruộng đều là quan điền cũ, trăm họ không được một tấc riêng nào.

5.) **BẢN PHÚ** : Con trai phải cày ruộng, con gái phải dệt vải. Ai cày được nhiều thóc, dệt được nhiều lụa thì gọi là lương dân, được miễn dịch trong một nhà. Người hào nghèo khổ quá thì thuê vào làm nô bộc cho các nhà quan. Ai bỏ tro ra ngoài đường thì tất là lười biếng không thiết việc làm ruộng sẽ phải tội.

Đánh thuế nặng vào những nghề làm thợ và nghề đi buôn. Người nào có hai đứa con trai thì phải phân-đi, bắt nộp đinh-diễn, nếu không phân-đi thì mỗi người phải nộp hai.

6.) **KHUYẾN CHIẾN** : Theo quân công mà định quan tước. Ai thêm được một cái đầu giặc thì thưởng cho một cấp. Ai lui một bước thì chém ngay. Kẻ có công nhiều thì được thưởng thưởng, xe di và đồ đạc, tùy ý muốn hoa mỹ thế nào cũng được, không có hạn cấm. Kẻ nào vô công dù giàu có đến đâu cũng chỉ cho mặc quần áo vải mà thôi. Họ tôn thất, thân hay sơ tùy đều theo quân công nhiều hay ít... Ra chiến trận mà không có công thì bị tước bỏ thuộc tịch, coi như dân thường. Phạm nhà dân có việc tranh-đấu riêng thì vô luận phải hay quấy đều bị chết chém,

7.) **CẨM GIAN** : Cứ 5 nhà gọi là bảo, 10 nhà gọi là liên. Một nhà có lỗi thì 9 nhà phải tố-cáo, nếu không tố-cáo thì cả 10 nhà cùng phải tội chết chém ngang lưng. Ai biết cáo tố sự gian thì cũng coi như đánh được giặc sẽ được trọng thưởng. Cáo tố một người gian thì được thưởng một cấp. Nếu chứa người có tội thì cũng coi như người có tội. Các nhà hàng cơm cho người ngủ trọ đều có giấy khám nghiệm, nếu không thì không được trọ. Phạm dân, hề một người có tội thì cửa nhà đều phải tịch biên sung công.

cũng là đứa ô mị, đều không phải là lương dân.

Vệ Ưởng truyền biên lấy họ tên rồi đem đầy tất cả ra ngoài biên cảnh. Quan đại phu là Cam Long và Đồ Trí vị tội nghị luận tàn lệnh đều bị giáng làm thứ dân. Từ bấy giờ mọi người đều khiếp sợ, không ai dám nói câu gì. Trong khi đi đường chỉ đưa mắt nhìn nhau mà thôi. Vệ Ưởng sửa sang cung khuyết (1) ở đất Hàm dương, rồi chọn ngày thiên đô. Thế Tử Tử có ý không thuận và chê tàn lệnh không đúng. Vệ Ưởng nổi giận bảo :

— Pháp luật không thi hành được là tự người trên. Nay thế tử là con nối ngôi vua, không thể gia hịnh được, nhưng nếu tha mà không trị tội thì thành ra trái phép.

Vệ Ưởng liền tâu với Tần Hiếu công xin bắt tội quan thái sư và thái phó là quan dạy ngôi thế tử học. Quan thái sư là Công Tôn Giả bị thích chữ trăm vào mặt. Quan thái phó là công tử. Kiền bị cắt mũi, trăm họ thấy vậy, đều bảo nhau :

—Ngôi thái tử trái lệnh mà quan thái sư và quan thái phó còn phải bị hình, huống chi là người khác.

Vệ Ưởng biết là lòng dân đã định, tức khắc thiên đô sang đất Hàm dương, chia nước Tần làm 31 huyện, khai khẩn ruộng nương, tăng thuế được hơn 500 vạn. Vệ Ưởng thường thân hành đến bến sông Vị, tra xét tù đồ, trong một ngày mà giết hơn 700 người, máu chảy đỏ cả nước sông Vị, tiếng khóc vang trời. Trăm họ ai cũng kinh sợ, đêm nằm ngủ có khi giật mình, của bỏ rơi ngoài đường cũng chẳng ai dám nhặt. Trong nước không có trộm giặc. Dân chỉ hăng-hái về việc công chiến mà không ai dám tư đấu.

(1) Cung-khuyết là đền đài nhà vua ở.

Nước Tần bấy giờ giàu mạnh hơn các nước. Vua Hiến vương nhà Chu sai sứ phong cho Tần làm phương bá.

Sa-Déc

Chiến quốc sách

Saturday, May 14, 2016

LỜI BÌNH

Căn cứ vào biến pháp để làm cho nước Tần mạnh, Ta thấy, Thương Ưởng là một nhà chính-trị đại tài. Ở đây, chúng ta không bàn sâu vào những điểm của biến pháp, mà chỉ bàn đến phương-pháp thi hành biến pháp của Thương Ưởng.

Đề biếu dương chữ tín bằng hành động-mặc dù là thủ đoạn-nhưng đó mới là một phương sách cao kỳ của kẻ lãnh-đạo.

Đành rằng trong sự giữ chữ tín như thế, là vì tư ý, mục-đích muốn cho sự thi hành biến pháp được thành tựu, nhưng đó là điều không đáng cố chấp. Nhà chính-trị dùng cách nào, tùy phương-tiện, tùy hoàn-cảnh, để đạt đến mục-đích, nguyện vọng là được rồi. Cũng như lời đáp của Thương Ưởng với Cảnh Giám trong khi yết kiến Tần Hiếu công là : người lãnh-đạo phải « thủ tín » . . . như vậy, ta không thể cho thủ đoạn thường vàng cho người vác gỗ kia là vì tư tâm, tư ý mà chính là một điều cần-thiết để biếu-dương chữ tín một cách cụ thể của con người, nhất là của nhà cầm quyền trị nước ; để làm áp lực cho sự thực hiện một lệnh mới.

Giữ chữ tín như thế, Thương Ưởng còn tỏ ra một người cương quyết, không e ngại trước dư

luận, chừa bước trước sự khó khăn. Giữa lúc những kẻ bề trên nắm trọn quyền sinh sát kẻ dưới Thương Ưởng đã mạnh dạn bảo : « **Pháp luật không thi hành được là tự người trên** » vì kẻ trên phải làm gương mẫu cho kẻ dưới. Kẻ trên có chấp hành tích-cực mạng lệnh, thì kẻ dưới mới có thể tích cực làm theo. Kẻ trên làm trái lại mà cưỡng bách kẻ dưới phải làm theo là mâu-thuận, là đi ngược dòng, là tự gây nên những phản ứng mạnh mẽ. Vì thế, Thương Ưởng bắt quan Thái sư và Thái phó làm tội, đã nêu cao tiêu ngữ « **quan pháp bất vị thân.** »

Hành động ấy thật xứng đáng địa vị một vị tướng quốc.

Nhưng muốn thành công trong việc thực hành tân lệnh mà làm cho nhân dân khứng khiếp, đến đời « không ai dám bàn bạc, đi đường chỉ đưa mắt nhìn nhau »..., thật là một việc làm quá khắc nghiệt đến tàn bạo. Ban lệnh biến pháp để xây dựng cho nước được hùng cường, thế mà người ta có cảm giác là ban lệnh từ hình trăm họ !

Ở-vào thời quân chủ phong kiến, độc tài, độc đoán là một nguyên tắc duy nhất của cấp trên, ta không thể đòi hỏi ở nhà cầm quyền có một thái-độ dân chủ. Nghĩa là trước khi ban hành một đạo luật nào, nhà lãnh đạo cần đặt kế-hoạch, phương-pháp để khai thông, xây dựng tư-tưởng, giáo-dục nhân-dân để nhân-dân được thấm nhuần, để nhân-dân không phản đối...

Đòi hỏi như thế là bất thành văn-đề.

Nhưng thi hành tân pháp mà giết chóc tù đầy nhiều người quá, đến đời « trăm họ đêm năm ngũ

còn giết mình »... thì quả là một chính-trị « sắt máu ».

Kỷ-luật là cần-thiết trong việc củng-cố tổ-chức, duy trì trật-tự nhưng kỷ-luật ấy đòi hỏi sự nghiêm minh, nhân đạo. Kỷ-luật phải đi đôi-với giáo-dục.

Thời nào cũng vậy. Chủ-trương chém giết nhân dân là một sai lầm to lớn của kẻ lãnh-đạo, là nguy hại cho bản thân, cho cơ đồ. Thương Ưởng là con người của chế-độ phong kiến, quân chủ lại thiếu đạo đức, chủ-trương chém giết nhân dân nên về sau phải đến tới một cách bi thảm : năm trâu phân thây, trăm họ tránh nhau đến ăn thịt ! (1)

Sa-Đéc

Saturday, May 14, 2016

THƯƠNG ƯỞNG BỊ NĂM TRAU PHÂN THÂY

Thương Ưởng đánh thắng được nước Ngụy (2), chiếm được nước Tây hà. Tần Hiếu công thưởng công Thương Ưởng, phong làm liệt hầu, lấy 15 ấp Thương ô là đất của Ngụy trước cho Thương Ưởng làm thực ấp,

Thương Ưởng bảo gia thần :

— Ta là kẻ chi-thứ (3) nước Vệ sang làm quan

(1) Xem bài sau.

(2) Một nước đời Xuân thu Chiến quốc ở vào phía bắc tỉnh Hà nam và phía tây nam tỉnh Sơn tây lấy giờ.

(3) Kẻ thân thuộc ở vào bậc dưới.

nước Tần, vì nước Tần, thay đổi chính trị, lập tức trở nên giàu mạnh. Nay lại chiếm được đất Ngụy 500 dặm, phong ấp 15 thành, đại trượng phu đặc chỉ có thể nói là lấy lừng lăm vậy.

Tân khách đồng thanh khen mừng. Có vị thương khách tên Triệu Lương cất tiếng nghiêm nghị nói :

— Ngàn người a-dua không bằng một người nói thẳng, các người ở đây nhờ ơn Thương quân nuôi dưỡng há nên cứ dua nịnh mà làm hại chủ ư !

Thương Uổng hỏi :

— Tiên sinh bảo mọi người dua nịnh, vậy tiên sinh thử xem tôi đây cai-trị nước Tần cùng với Ngũ cổ Đại phu (1) ai hơn ?

Lương đáp :

— Ngũ cổ Đại phu giúp Mục công, ba lần lật vua Tần, kiêm tính hai chục nước, làm cho chủ trở nên một vị bá chủ ở Tây Nhung. Vậy mà đến sự tự phung mình, nằng không che lòng, nhọc không đi xe, đến ngày chết, trăm họ thương khóc như mất cha mẹ. Nay ngài làm tướng tám năm ở nước Tần, pháp lệnh dù thực hiện được nhưng giết hại rất thảm, dân chỉ thấy oán mà chẳng thấy ân, chỉ thấy lợi mà không thấy nghĩa. Thái tử giận ngài giết mất người sư phó, oán vào tận cốt tủy ; những kẻ cha, anh, con vẫn mang lòng oán giận, đã lâu, nhất

(1) Ngũ cổ Đại phu là Bá Lý Hề, người nước Ngụy trước yết-kiến Tề Tương công nhưng không được dùng, nghèo quá phải đi xin ăn, sau lại đi chăn trâu vườn cho nhà Châu, rồi sang làm quan nước Ngụy. Khi nước Ngụy mất, Bá Lý Hề lại sang đất Sở làm nghề chăn ngựa. Tần Mục công nghe tiếng đem 5 bộ da dê chuộc về phong chức đại phu. Vì thế mới có tục gọi « quan đại phu năm bộ da dê » (Ngũ cổ đại phu).

dân vua Tần mất đi thì ngài sẽ bị nguy ngay, Như thế ngài còn có thể giữ mãi được cái phú quý ở ấp Thương ô này mà tự khoe là đại trượng-phu ư! Sao ngài không tiến người hiền đến thay mình, rồi từ bỏ lộc vị lui về cây cối nơi điền-giả, như vậy còn có thể mong tự toàn được.

Thương Ưởng im lặng tỏ vẻ không vui.

Năm tháng sau, Hiếu công bị bệnh chết. Quân thần tôn thái-tử Tư lên ngôi tức là Huệ Văn công. Thương Ưởng vẫn tự phụ mình là cựu thần của tiên triều, ra vào ngạo mạn. Công tử Kiên trước kia bị Thương Ưởng làm tội cắt mũi đã sẵn cảm tức trong lòng mà chưa báo được, lúc bấy giờ cùng với Công tôn Giả tâu với Huệ Văn công :

— Tôi nghe đại thần có quyền thế to quá thì nước nguy, các người tả hữu mà quyền thế to quá thì thân nguy, Thương Ưởng lập phép cai-trị nước Tần đầu được thịnh trị nhưng dân bà còn trẻ đều cho đó là phép của Thương Quân, chớ không ai nói là phép của nước Tần, nay lại phong cho 15 ấp vị tôn quyền trọng, sau này tất làm phản.

Huệ Văn công cũng sẵn lòng căm giận đã lâu nay nghe lời của công tử Kiên, liền sai người thu tướng ấn của Thương Ưởng bắt lui về ở ấp Thương ô.

Thương Ưởng từ giả triều đình, lên xe ra khỏi thành, nghi trượng đội ngũ ngang với chư hầu. Công tôn Kiên, Công tôn Giả mật báo Huệ Văn công rằng : Thương Quân không biết ăn năn tội lỗi, tiếm lấy nghi chễm của vương giả, nếu để tự do về ở Thương ô, tất hẳn làm phản.

Huệ Văn công nổi giận, lập tức sai Công tôn Giả đem quân đuổi bắt. Bấy giờ dân chúng đều

cán Thương quân, nghe tin như thế cũng nô nức chạy theo có hàng ngàn người. Thương Ưởng xa giá ra khỏi thành đã hơn trăm dặm, nghe biết triều-định đuổi bắt, e không khỏi họa, vội trút bỏ áo mũ xuống xe, giả làm tên lính chạy trốn, Đến Hàm quan, trời sắp tối, Thương Ưởng vào nhà hàng xin ngủ trọ, chủ hàng hỏi giấy chiếu thân. Thương Ưởng bảo không có. Chủ hàng nói :

— Phép của Thương Quân, không cho chứa những người không có giấy chiếu thân. Ai phạm phép đều bị tội chém. Tôi không dám cho trọ.

Thương Ưởng than :

— Ta đặt ra phép ấy lại tự hại thân ta !

Rồi Thương Ưởng đi luôn cả đêm, lên ra ngoài cửa quan, chạy sang nước Ngụy. Ngụy Huệ vương vì căm thù Thương Ưởng, nên muốn bắt Thương Ưởng để dâng Tần (1) Thương Ưởng sợ quá lại trốn về Thương ô, mưu khởi binh đánh Tần, bị Công tôn Giả bắt trói giải về.

Huệ Văn công kể từng tội sai trói Thương Ưởng đem ra chợ, dùng 5 con trâu phân thây (2). Trăm họ xúm lại tranh nhau ăn thịt, chỉ một lúc là hết.

Huệ Văn công lại giết cả họ.

Chiến quốc sách

(1) Thương Ưởng đem quân đánh Ngụy. Công tử Ngang ở nước Ngụy muốn cầu hòa với Tần. Thương Ưởng đối gạt, giả chịu rồi bắt ngang Công tử Ngang. Vua Ngụy phải đem địa đồ đất tây hà dâng cho Tần.

(2) Tội nặng, nhà cầm quyền dùng hình phạt đem 5 con trâu : 1 con buộc dây vào đầu người tội, hai con buộc hai tay, hai con buộc hai chân, rồi đánh trâu cho xé tét tội nhân làm 5 mảnh.

LỜI BÌNH

Cái cảnh « lúc lên voi khi xuống chó » của Thương Ưởng cũng là một lẽ rất thông thường ở đời. Và lại, đến tới một cách xứng đáng vì một chính sách tàn bạo của mình là một điều rầy hạp với nhân tâm, thế đạo là điều không oan uổng.

Tuy vậy, nghĩ đến cái chết bi thảm của Thương Ưởng, người đời không khỏi ngậm ngùi, luyến tiếc !

Ngậm ngùi, luyến tiếc vì là một nhà chính trị có tài. Gây dựng cho nước Tần từ một địa vị tầm thường lên một địa vị hùng cường, làm bá chủ chư hầu không phải là một việc làm dễ dàng. Nhưng tài năng, trí thuật ấy đã tạo nên một thành công rực rỡ to lớn, thì tránh sao khỏi sự ghen ghét, ganh tị của bao người tiểu nhân, bất hiền ở chung quanh.

Hắn Thương Ưởng không phải không hiểu biết những điều dãi nhân tiếp vật tầm thường như thế.

Nhưng bản tính của phần đông con người đã bước lên đài danh vọng vớt một công nghiệp lẫy lừng của mình, thì thật khó tránh khỏi mắc phải bệnh kiêu xa, khinh thế, ngạo vật.

Những điều phê phán, phẩm bình của dư luận, những lời khuyên thẳng thắn của bằng hữu, của gia thân đối với họ, như gió thoảng bên tai .. Tính tình tâm trạng, tác phong xử thế v.v. của con người thường biến chuyển tùy địa vị xã hội. Do đó Thương Ưởng mới tạo nhiều kẻ thù ở chung quanh mình.

Thương Ưởng là người có tài nhưng thiếu đức,

Nhưng cái nguy hại lớn nhất vì phương-pháp thực hiện chính sách dựng nước quá tàn bạo của

Thương Ưởng, nên đem lại cho Thương Ưởng một hậu quả tai hại cho bản thân.

Thế dựng nước, làm cho nước giàu mạnh, không phải lòng dân không mong muốn. Nhưng dân vẫn tha - thiết đòi hỏi một thế dựng nước biết điều hòa quyền lợi của nước với của dân, Những chính trị gia, những nhà cầm quyền cần nghĩ rằng dùng chính sách làm lợi cho nước mà tách hẳn cái lợi của dân thì đó là một chính sách sai lầm. Nếu thực hiện được thì chỉ làm mạnh cho nước trong nhất thời.... Huống chi phương pháp thực hiện chính sách quá tàn bạo, toàn bằng sắt máu thì làm sao tránh được một hậu quả tai hại cho bản thân,

Đề lại một công nghiệp dù vĩ-đại oanh liệt nhưng không hợp với nhân tâm, thế đạo thì công nghiệp khó được vững bền, bản thân khó được toàn vẹn. Cái chết của Thương Ưởng chẳng là bài học cần! tình sâu sắc cho hậu thế lắm ru !

**IN TẠI NHÀ IN RIÊNG
CỦA NHÀ XUẤT BẢN
THỌ Xuân Năm 1958**

Sa-Đéc
Saturday, May 14, 2016